

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT**

**DANH SÁCH KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU VÀO, KHÓA 2026**

**Ngày thi:** **Ca 1: 13h30 - 05/9/2026**

**Phòng thi :** Từ P.01 đến P.20

**Ca 2: 15h45 - 05/9/2026**

**Phòng thi :** Từ P.21 đến P.40

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên  | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|-----|--------|----------------|----------------------|------------|-----------|-------------|
| 01  | 200001 | 26115075126101 | ĐÀO THỊ HUỲNH Ái     | 09/07/2008 | 26CNKTHH1 | P.01 (A205) |
| 02  | 200002 | 26115071126101 | ÔNG VĂN NGUYỄN Ái    | 30/10/2008 | 26VL1     | P.01 (A205) |
| 03  | 200003 | 26115075126102 | TRẦN DIỆU Ái         | 23/06/2008 | 26CNKTHH1 | P.01 (A205) |
| 04  | 200004 | 26115041126401 | BÙI NGUYỄN BÌNH AN   | 29/06/2008 | 26CMPS1   | P.01 (A205) |
| 05  | 200005 | 26115071126102 | BÙI TẤN AN           | 02/04/2008 | 26VL1     | P.01 (A205) |
| 06  | 200006 | 26115041126101 | ĐỖ THÁI AN           | 17/01/2008 | 26C1      | P.01 (A205) |
| 07  | 200007 | 26115043126101 | ĐOÀN PHẠM ĐỨC AN     | 16/02/2008 | 26N1      | P.01 (A205) |
| 08  | 200008 | 26115071126201 | HỒ THANH AN          | 04/05/2008 | 26VLBD1   | P.01 (A205) |
| 09  | 200009 | 26115054126301 | HOÀNG VIỆT BÌNH AN   | 12/05/2008 | 26DTVM1   | P.01 (A205) |
| 10  | 200010 | 26115075126103 | LÊ THỊ TRIỆU AN      | 07/07/2008 | 26CNKTHH1 | P.01 (A205) |
| 11  | 200011 | 26115054126101 | LÊ VĂN AN            | 21/05/2008 | 26DT1     | P.01 (A205) |
| 12  | 200012 | 26115053126201 | LƯƠNG AN             | 24/10/2008 | 26T2      | P.01 (A205) |
| 13  | 200013 | 26115052226101 | NGUYỄN BẢO AN        | 06/06/2008 | 26KTDT1   | P.01 (A205) |
| 14  | 200014 | 26115061126101 | NGUYỄN PHƯỚC NHẬT AN | 10/05/2008 | 26XD1     | P.01 (A205) |
| 15  | 200015 | 26115075126104 | NGUYỄN THÁI AN       | 01/01/2008 | 26CNKTHH1 | P.01 (A205) |
| 16  | 200016 | 26115042126101 | NGUYỄN THÁI AN       | 26/05/2008 | 26DL1     | P.01 (A205) |
| 17  | 200017 | 26115073126101 | NGUYỄN THÀNH AN      | 27/11/2008 | 26HTP1    | P.01 (A205) |
| 18  | 200018 | 26115041126201 | NGUYỄN TRỊNH NHẬT AN | 21/11/2008 | 26C2      | P.01 (A205) |
| 19  | 200019 | 26115044126101 | NGUYỄN VĂN AN        | 20/09/2008 | 26CDT1    | P.01 (A205) |
| 20  | 200020 | 26115041126402 | NGUYỄN VĂN AN        | 25/08/2008 | 26CMPS1   | P.01 (A205) |
| 21  | 200021 | 26115061126201 | NGUYỄN VĂN AN        | 20/01/2008 | 26XD2     | P.01 (A205) |
| 22  | 200022 | 26115042126201 | PHẠM VĂN AN          | 06/09/2008 | 26DL2     | P.01 (A205) |
| 23  | 200023 | 26115067126101 | TRẦN HỮU AN          | 16/09/2008 | 26KT1     | P.01 (A205) |
| 24  | 200024 | 26115042126301 | TRẦN LÊ HOÀI AN      | 01/11/2008 | 26DL3     | P.01 (A205) |
| 25  | 200025 | 26115071126103 | VĨ HỒ THIÊN AN       | 25/02/2008 | 26VL1     | P.01 (A205) |
| 26  | 200026 | 26115041126102 | VÕ HÙNG AN           | 15/09/2008 | 26C1      | P.01 (A205) |
| 27  | 200027 | 26115061126301 | VÕ VĂN AN            | 17/05/2008 | 26XD3     | P.01 (A205) |
| 28  | 200028 | 26115053126303 | LÊ HOÀNG THIÊN ÂN    | 02/07/2008 | 26T3      | P.01 (A205) |
| 29  | 200029 | 26115051226203 | NGUYỄN THÀNH ÂN      | 17/07/2008 | 26KTD2    | P.01 (A205) |
| 30  | 200030 | 26115071126104 | NGUYỄN THẾ HẢI ÂN    | 09/07/2008 | 26VL1     | P.01 (A205) |
| 31  | 200031 | 26115053126104 | TRẦN HỮU HỒNG ÂN     | 04/01/2008 | 26T1      | P.01 (A205) |
| 32  | 200032 | 26115041126103 | TRƯƠNG PHÚ ÂN        | 13/05/2008 | 26C1      | P.01 (A205) |
| 33  | 200033 | 26115061126302 | NGUYỄN TRỌNG ẮN      | 17/11/2008 | 26XD3     | P.01 (A205) |
| 34  | 200034 | 26115053126301 | BÙI HOÀNG ANH        | 02/07/2008 | 26T3      | P.01 (A205) |
| 35  | 200035 | 26115042126401 | ĐINH SỸ TUẤN ANH     | 04/03/2008 | 26DLD1    | P.01 (A205) |
| 36  | 200036 | 26115061126102 | ĐỖ HOÀNG ANH         | 15/09/2008 | 26XD1     | P.01 (A205) |
| 37  | 200037 | 26115044126201 | HOÀNG ANH            | 02/07/2008 | 26CDT2    | P.01 (A205) |
| 38  | 200038 | 26115053126102 | HOÀNG TUẤN ANH       | 04/01/2008 | 26T1      | P.01 (A205) |
| 39  | 200039 | 26115044126301 | LÊ BẢO ANH           | 16/11/2008 | 26CDT3    | P.01 (A205) |
| 40  | 200040 | 26115061126202 | LÊ ĐỨC ANH           | 10/10/2008 | 26XD2     | P.01 (A205) |
| 41  | 200041 | 26115051226201 | LÊ NGỌC ANH          | 06/07/2008 | 26KTD2    | P.01 (A205) |
| 42  | 200042 | 26115141126101 | LÊ TUẤN ANH          | 10/11/2008 | 26SP1     | P.01 (A205) |
| 43  | 200043 | 26115051226102 | LÊ VĂN ANH           | 10/11/2008 | 26KTD1    | P.02 (A206) |
| 44  | 200044 | 26115052226102 | NGUYỄN ĐỨC ANH       | 13/08/2008 | 26KTDT1   | P.02 (A206) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên    | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|-----|--------|----------------|------------------------|------------|-----------|-------------|
| 45  | 200045 | 26115052226201 | NGUYỄN DUY TUẤN ANH    | 07/03/2008 | 26KTD2    | P.02 (A206) |
| 46  | 200046 | 26115044126103 | NGUYỄN HOÀNG ANH       | 15/11/2007 | 26CDT1    | P.02 (A206) |
| 47  | 200047 | 26115044126302 | NGUYỄN HOÀNG ANH       | 14/08/2008 | 26CDT3    | P.02 (A206) |
| 48  | 200048 | 26115053126202 | NGUYỄN HOÀNG DUY ANH   | 02/01/2008 | 26T2      | P.02 (A206) |
| 49  | 200049 | 26115042126402 | NGUYỄN HUY QUANG ANH   | 26/06/2008 | 26DLD1    | P.02 (A206) |
| 50  | 200050 | 26115054126201 | NGUYỄN PHẠM TUẤN ANH   | 03/12/2008 | 26DT2     | P.02 (A206) |
| 51  | 200051 | 26115043126201 | NGUYỄN PHẠM VIỆT ANH   | 24/08/2008 | 26N2      | P.02 (A206) |
| 52  | 200052 | 26115072126101 | NGUYỄN PHAN NGUYỄN ANH | 26/09/2008 | 26MT1     | P.02 (A206) |
| 53  | 200053 | 26115075126105 | NGUYỄN PHAN NGUYỆT ANH | 20/05/2008 | 26CNKTHH1 | P.02 (A206) |
| 54  | 200054 | 26115075126106 | NGUYỄN THỊ TÂM ANH     | 15/09/2008 | 26CNKTHH1 | P.02 (A206) |
| 55  | 200055 | 26115055126201 | NGUYỄN TIẾN ANH        | 17/02/2008 | 26TDH2    | P.02 (A206) |
| 56  | 200056 | 26115054126302 | NGUYỄN TRẦN MINH ANH   | 16/02/2008 | 26DTVM1   | P.02 (A206) |
| 57  | 200057 | 26115051226202 | NGUYỄN TUẤN ANH        | 25/01/2008 | 26KTD2    | P.02 (A206) |
| 58  | 200058 | 26115052226202 | NGUYỄN TUẤN ANH        | 09/06/2008 | 26KTD2    | P.02 (A206) |
| 59  | 200059 | 26115053126302 | NGUYỄN TUẤN ANH        | 14/04/2008 | 26T3      | P.02 (A206) |
| 60  | 200060 | 26115042126501 | NGUYỄN VĂN THIÊN ANH   | 10/07/2008 | 26DLKT1   | P.02 (A206) |
| 61  | 200061 | 26115067126201 | TRẦN HÀ ANH            | 24/08/2008 | 26KT2     | P.02 (A206) |
| 62  | 200062 | 26115054126202 | TRẦN TUẤN ANH          | 26/06/2008 | 26DT2     | P.02 (A206) |
| 63  | 200063 | 26115055126102 | VÕ ĐỨC ANH             | 25/03/2008 | 26TDH1    | P.02 (A206) |
| 64  | 200064 | 26115053126103 | VÕ DUY ANH             | 17/11/2008 | 26T1      | P.02 (A206) |
| 65  | 200065 | 26115073126102 | ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH        | 16/10/2008 | 26HTP1    | P.02 (A206) |
| 66  | 200066 | 26115055126202 | DƯƠNG MINH ÁNH         | 14/03/2008 | 26TDH2    | P.02 (A206) |
| 67  | 200067 | 26115041126302 | HUỶNH TẤN ÁNH          | 06/07/2008 | 26C3      | P.02 (A206) |
| 68  | 200068 | 26115053126203 | PHAN ĐỨC ÁNH           | 14/10/2008 | 26T2      | P.02 (A206) |
| 69  | 200069 | 26115053126304 | TRẦN XUÂN BẮC          | 18/05/2008 | 26T3      | P.02 (A206) |
| 70  | 200070 | 26115064126101 | BÙI XUÂN BÁCH          | 27/11/2008 | 26XH1     | P.02 (A206) |
| 71  | 200071 | 26115067126102 | TRẦN GIA BÁCH          | 15/10/2007 | 26KT1     | P.02 (A206) |
| 72  | 200072 | 26115042126103 | BÙI HỮU BÂN            | 13/07/2008 | 26DL1     | P.02 (A206) |
| 73  | 200073 | 26115073126103 | LÊ NGUYỄN ANH BẰNG     | 07/09/2008 | 26HTP1    | P.02 (A206) |
| 74  | 200074 | 26115053126105 | NGUYỄN CAO BẰNG        | 20/08/2008 | 26T1      | P.02 (A206) |
| 75  | 200075 | 26115043126102 | ĐẶNG QUỐC BẢO          | 19/11/2008 | 26N1      | P.02 (A206) |
| 76  | 200076 | 26115051226204 | DƯƠNG QUỐC BẢO         | 29/10/2008 | 26KTD2    | P.02 (A206) |
| 77  | 200077 | 26115063126101 | HÀ GIA BẢO             | 05/09/2008 | 26XC1     | P.02 (A206) |
| 78  | 200078 | 26115061126103 | HÀ QUỐC BẢO            | 24/02/2008 | 26XD1     | P.02 (A206) |
| 79  | 200079 | 26115042126302 | HUỶNH NGỌC QUỐC BẢO    | 21/06/2008 | 26DL3     | P.02 (A206) |
| 80  | 200080 | 26115054126303 | LÊ GIA BẢO             | 28/11/2008 | 26DTVM1   | P.02 (A206) |
| 81  | 200081 | 26115041126403 | NGUYỄN CHÍ BẢO         | 29/07/2008 | 26CMPS1   | P.02 (A206) |
| 82  | 200082 | 26115051226105 | NGUYỄN HỮU BẢO         | 13/01/2008 | 26KTD1    | P.02 (A206) |
| 83  | 200083 | 26115041126203 | NGUYỄN HUY BẢO         | 25/08/2008 | 26C2      | P.02 (A206) |
| 84  | 200084 | 26115054126203 | NGUYỄN QUỐC BẢO        | 17/01/2008 | 26DT2     | P.02 (A206) |
| 85  | 200085 | 26115061126303 | NGUYỄN TRỌNG DUY BẢO   | 11/08/2008 | 26XD3     | P.03 (A207) |
| 86  | 200086 | 26115064126103 | NGUYỄN VĂN THIÊN BẢO   | 23/08/2008 | 26XH1     | P.03 (A207) |
| 87  | 200087 | 26115063126102 | PHẠM NGỌC GIA BẢO      | 13/12/2008 | 26XC1     | P.03 (A207) |
| 88  | 200088 | 26115044126203 | PHẠM THẾ NGỌC BẢO      | 12/01/2008 | 26CDT2    | P.03 (A207) |
| 89  | 200089 | 26115051226205 | PHAN GIA BẢO           | 15/04/2008 | 26KTD2    | P.03 (A207) |
| 90  | 200090 | 26115044126303 | PHAN HỮU BẢO           | 24/03/2008 | 26CDT3    | P.03 (A207) |
| 91  | 200091 | 26115044126104 | PHAN XUÂN GIA BẢO      | 16/08/2008 | 26CDT1    | P.03 (A207) |
| 92  | 200092 | 26115051226106 | TRẦN CHÍ BẢO           | 28/05/2008 | 26KTD1    | P.03 (A207) |
| 93  | 200093 | 26115044126204 | TRẦN GIA BẢO           | 29/04/2008 | 26CDT2    | P.03 (A207) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên    | Ngày sinh  | Lớp SH   | Phòng       |
|-----|--------|----------------|------------------------|------------|----------|-------------|
| 94  | 200094 | 26115044126304 | TRẦN GIA BẢO           | 31/10/2008 | 26CDT3   | P.03 (A207) |
| 95  | 200095 | 26115053126204 | TRẦN GIA BẢO           | 05/09/2008 | 26T2     | P.03 (A207) |
| 96  | 200096 | 26115061126104 | TRẦN NGUYỄN QUỐC BẢO   | 07/07/2008 | 26XD1    | P.03 (A207) |
| 97  | 200097 | 26115052226103 | TRẦN PHƯỚC BẢO         | 12/09/2008 | 26KTD1   | P.03 (A207) |
| 98  | 200098 | 26115055126203 | TRẦN QUỐC BẢO          | 16/09/2008 | 26TDH2   | P.03 (A207) |
| 99  | 200099 | 26115064126104 | TRẦN QUỐC BẢO          | 20/07/2008 | 26XH1    | P.03 (A207) |
| 100 | 200100 | 26115061126204 | TƯỜNG LÊ PHƯỚC BẢO     | 04/10/2008 | 26XD2    | P.03 (A207) |
| 101 | 200101 | 26115052226203 | VÕ CHÍ BẢO             | 01/01/2008 | 26KTD2   | P.03 (A207) |
| 102 | 200102 | 26115061126304 | VÕ DƯƠNG GIA BẢO       | 13/01/2008 | 26XD3    | P.03 (A207) |
| 103 | 200103 | 26115055126401 | VÕ PHAN GIA BẢO        | 14/01/2008 | 26TDHKT1 | P.03 (A207) |
| 104 | 200104 | 26115055126104 | LÊ TRƯỜNG RÔ BIN       | 16/08/2008 | 26TDH1   | P.03 (A207) |
| 105 | 200105 | 26115055126204 | NGÔ ĐỨC BIN            | 26/01/2008 | 26TDH2   | P.03 (A207) |
| 106 | 200106 | 26115054126104 | PHẠM HOÀNG BIN         | 24/11/2008 | 26DT1    | P.03 (A207) |
| 107 | 200107 | 26115051226206 | VĂN VIỆT BIN           | 02/11/2008 | 26KTD2   | P.03 (A207) |
| 108 | 200108 | 26115061126105 | CHÂU PHƯỚC BÌNH        | 21/10/2008 | 26XD1    | P.03 (A207) |
| 109 | 200109 | 26115061126205 | ĐẶNG KHÔI BÌNH         | 07/08/2007 | 26XD2    | P.03 (A207) |
| 110 | 200110 | 26115061126106 | LÊ THỊ THANH BÌNH      | 25/04/2008 | 26XD1    | P.03 (A207) |
| 111 | 200111 | 26115061126206 | NGUYỄN HỮU BÌNH        | 09/06/2008 | 26XD2    | P.03 (A207) |
| 112 | 200112 | 26115053126205 | NGUYỄN HUY DIỆU BÌNH   | 14/05/2008 | 26T2     | P.03 (A207) |
| 113 | 200113 | 26115044126105 | NGUYỄN VĂN BÌNH        | 23/04/2001 | 26CDT1   | P.03 (A207) |
| 114 | 200114 | 26115067126202 | PHAN GIA AN BÌNH       | 13/01/2008 | 26KT2    | P.03 (A207) |
| 115 | 200115 | 26115041126303 | PHAN THANH BÌNH        | 16/08/2008 | 26C3     | P.03 (A207) |
| 116 | 200116 | 26115061126306 | PHAN THẾ THÁI BÌNH     | 18/01/2008 | 26XD3    | P.03 (A207) |
| 117 | 200117 | 26115042126502 | PHAN TRẦN QUỐC BÌNH    | 01/08/2008 | 26DLKT1  | P.03 (A207) |
| 118 | 200118 | 26115044126205 | TRẦN CÔNG BÌNH         | 27/06/2008 | 26CDT2   | P.03 (A207) |
| 119 | 200119 | 26115042126203 | TRẦN KIM BÌNH          | 02/02/2008 | 26DL2    | P.03 (A207) |
| 120 | 200120 | 26115071126203 | TRẦN THÁI BÌNH         | 29/06/2008 | 26VLBD1  | P.03 (A207) |
| 121 | 200121 | 26115044126305 | TRẦN VŨ BÌNH           | 21/10/2008 | 26CDT3   | P.03 (A207) |
| 122 | 200122 | 26115071126105 | VÕ QUANG AN BÌNH       | 13/07/2008 | 26VL1    | P.03 (A207) |
| 123 | 200123 | 26115043126103 | LÊ HOÀNG BÔN           | 04/06/2008 | 26N1     | P.03 (A207) |
| 124 | 200124 | 26115061126107 | ĐẶNG GIANG BUN         | 01/02/2008 | 26XD1    | P.03 (A207) |
| 125 | 200125 | 26115055126304 | NGUYỄN VĂN BÚT         | 06/06/2008 | 26TDH3   | P.03 (A207) |
| 126 | 200126 | 26115073126202 | QUÁCH VĂN CẢNH         | 16/02/2008 | 26TPSH1  | P.03 (A207) |
| 127 | 200127 | 26115043126203 | HOÀNG HỮU CHÁNH        | 31/10/2008 | 26N2     | P.04 (A208) |
| 128 | 200128 | 26115055126105 | NGUYỄN ĐẠO BẢO CHÁNH   | 01/05/2008 | 26TDH1   | P.04 (A208) |
| 129 | 200129 | 26115061126207 | VÕ THÀNH CHÁNH         | 12/03/2008 | 26XD2    | P.04 (A208) |
| 130 | 200130 | 26115051226107 | NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU   | 12/06/2008 | 26KTD1   | P.04 (A208) |
| 131 | 200131 | 26115055126205 | NGUYỄN THẾ CHÂU        | 07/05/2008 | 26TDH2   | P.04 (A208) |
| 132 | 200132 | 26115042126303 | TÔN NGUYỄN HẢI CHÂU    | 17/08/2008 | 26DL3    | P.04 (A208) |
| 133 | 200133 | 26115054126204 | HÀ BẢO CHÍ             | 12/06/2008 | 26DT2    | P.04 (A208) |
| 134 | 200134 | 26115055126305 | NGUYỄN TÂN CHÍ         | 18/03/2008 | 26TDH3   | P.04 (A208) |
| 135 | 200135 | 26115044126106 | NGUYỄN VĂN CHÍ         | 04/12/2008 | 26CDT1   | P.04 (A208) |
| 136 | 200136 | 26115044126206 | BÙI VĂN CHIẾN          | 24/03/2008 | 26CDT2   | P.04 (A208) |
| 137 | 200137 | 26115044126306 | HOÀNG BÁ CHIẾN         | 21/10/2008 | 26CDT3   | P.04 (A208) |
| 138 | 200138 | 26115064126105 | HOÀNG XUÂN CHIẾN       | 21/09/2008 | 26XH1    | P.04 (A208) |
| 139 | 200139 | 26115041126104 | VÕ CAO CHIẾN           | 05/12/2008 | 26C1     | P.04 (A208) |
| 140 | 200140 | 26115051226207 | VÕ VĂN CHIẾN           | 28/04/2008 | 26KTD2   | P.04 (A208) |
| 141 | 200141 | 26115052226204 | NGUYỄN ĐÌNH NHẬT CHINH | 29/01/2008 | 26KTD2   | P.04 (A208) |
| 142 | 200142 | 26115042126204 | THÁI BÁ CHINH          | 21/11/2008 | 26DL2    | P.04 (A208) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |        | Ngày sinh  | Lớp SH  | Phòng       |
|-----|--------|----------------|---------------------|--------|------------|---------|-------------|
| 143 | 200143 | 26115061126307 | HUỖNH KIM NGUYỄN    | CHỨC   | 20/04/2008 | 26XD3   | P.04 (A208) |
| 144 | 200144 | 26115041126204 | BÙI NGUYỄN          | CHƯƠNG | 24/02/2008 | 26C2    | P.04 (A208) |
| 145 | 200145 | 26115061126108 | ĐOÀN PHÚC NGUYỄN    | CHƯƠNG | 30/03/2008 | 26XD1   | P.04 (A208) |
| 146 | 200146 | 26115067126103 | ĐINH VĂN            | CÓ     | 23/10/2008 | 26KT1   | P.04 (A208) |
| 147 | 200147 | 26115043126104 | HỒ VIỆT             | CÔNG   | 10/01/2008 | 26N1    | P.04 (A208) |
| 148 | 200148 | 26115051226108 | LÂM VĂN             | CÔNG   | 11/11/2008 | 26KTD1  | P.04 (A208) |
| 149 | 200149 | 26115053126305 | NGUYỄN THÀNH        | CÔNG   | 19/02/2008 | 26T3    | P.04 (A208) |
| 150 | 200150 | 26115041126304 | HỒ VĂN              | CƯƠNG  | 27/05/2008 | 26C3    | P.04 (A208) |
| 151 | 200151 | 26115055126206 | BÙI VĂN             | CƯỜNG  | 25/01/2008 | 26TDH2  | P.04 (A208) |
| 152 | 200152 | 26115042126304 | ĐẶNG VĂN            | CƯỜNG  | 28/11/2008 | 26DL3   | P.04 (A208) |
| 153 | 200153 | 26115054126105 | ĐẬU ĐỨC QUỐC        | CƯỜNG  | 29/01/2008 | 26DT1   | P.04 (A208) |
| 154 | 200154 | 26115041126105 | LÊ BÁ               | CƯỜNG  | 15/01/2008 | 26C1    | P.04 (A208) |
| 155 | 200155 | 26115055126306 | LÊ HÙNG             | CƯỜNG  | 28/02/2008 | 26TDH3  | P.04 (A208) |
| 156 | 200156 | 26115044126207 | LÊ QUỐC             | CƯỜNG  | 05/04/2008 | 26CDT2  | P.04 (A208) |
| 157 | 200157 | 26115064126106 | MAI CHÍ             | CƯỜNG  | 03/08/2008 | 26XH1   | P.04 (A208) |
| 158 | 200158 | 26115051226208 | NGÔ QUỐC            | CƯỜNG  | 13/03/2008 | 26KTD2  | P.04 (A208) |
| 159 | 200159 | 26115067126203 | NGUYỄN CHÍ          | CƯỜNG  | 03/05/2008 | 26KT2   | P.04 (A208) |
| 160 | 200160 | 26115042126405 | NGUYỄN HÙNG         | CƯỜNG  | 18/05/2007 | 26DLD1  | P.04 (A208) |
| 161 | 200161 | 26115071126106 | NGUYỄN HUY          | CƯỜNG  | 01/02/2008 | 26VL1   | P.04 (A208) |
| 162 | 200162 | 26115054126305 | NGUYỄN NAM          | CƯỜNG  | 26/08/2008 | 26DTVM1 | P.04 (A208) |
| 163 | 200163 | 26115042126105 | NGUYỄN NHẬT         | CƯỜNG  | 06/10/2008 | 26DL1   | P.04 (A208) |
| 164 | 200164 | 26115042126406 | NGUYỄN VĂN HOÀNG    | CƯỜNG  | 04/05/2008 | 26DLD1  | P.04 (A208) |
| 165 | 200165 | 26115054126306 | TRẦN QUANG          | CƯỜNG  | 07/01/2008 | 26DTVM1 | P.04 (A208) |
| 166 | 200166 | 26115041126404 | TRẦN VĂN            | CƯỜNG  | 25/01/2008 | 26CMPS1 | P.04 (A208) |
| 167 | 200167 | 26115053126206 | TRẦN VĂN            | CƯỜNG  | 05/12/2008 | 26T2    | P.04 (A208) |
| 168 | 200168 | 26115051226109 | TRẦN VÕ HỮU         | CƯỜNG  | 17/02/2008 | 26KTD1  | P.04 (A208) |
| 169 | 200169 | 26115051226209 | TRƯƠNG CÔNG         | CƯỜNG  | 16/12/2008 | 26KTD2  | P.05 (A209) |
| 170 | 200170 | 26115041126108 | PHẠM VĂN            | ĐÀI    | 12/06/2008 | 26C1    | P.05 (A209) |
| 171 | 200171 | 26115061126211 | BÙI NGỌC            | ĐẠI    | 22/06/2008 | 26XD2   | P.05 (A209) |
| 172 | 200172 | 26115052226107 | ĐINH VƯƠNG QUỐC     | ĐẠI    | 25/01/2008 | 26KTD1  | P.05 (A209) |
| 173 | 200173 | 26115044126112 | HUỖNH QUANG         | ĐẠI    | 09/01/2008 | 26CDT1  | P.05 (A209) |
| 174 | 200174 | 26115042126309 | LÊ TIẾN             | ĐẠI    | 24/11/2008 | 26DL3   | P.05 (A209) |
| 175 | 200175 | 26115041126208 | PHAN ĐÌNH           | ĐẠI    | 15/11/2008 | 26C2    | P.05 (A209) |
| 176 | 200176 | 26115051226211 | THÁI BẢO            | ĐẠI    | 30/07/2008 | 26KTD2  | P.05 (A209) |
| 177 | 200177 | 26115042126408 | VŨ QUỐC             | ĐẠI    | 13/11/2008 | 26DLD1  | P.05 (A209) |
| 178 | 200178 | 26115067126107 | NGUYỄN THỊ QUẾ      | ĐAN    | 27/04/2008 | 26KT1   | P.05 (A209) |
| 179 | 200179 | 26115042126409 | PHAN TRỌNG          | ĐAN    | 03/10/2008 | 26DLD1  | P.05 (A209) |
| 180 | 200180 | 26115067126207 | TRƯƠNG CÔNG         | ĐAN    | 18/07/2008 | 26KT2   | P.05 (A209) |
| 181 | 200181 | 26115042126106 | NGÔ THANH           | ĐĂNG   | 10/05/2008 | 26DL1   | P.05 (A209) |
| 182 | 200182 | 26115042126506 | ĐÀO NGUYỄN KHÁNH    | ĐĂNG   | 19/10/2008 | 26DLKT1 | P.05 (A209) |
| 183 | 200183 | 26115061126314 | NGUYỄN ĐÌNH         | ĐĂNG   | 21/01/2008 | 26XD3   | P.05 (A209) |
| 184 | 200184 | 26115041126310 | NGUYỄN THẠC         | ĐĂNG   | 07/06/2008 | 26C3    | P.05 (A209) |
| 185 | 200185 | 26115067126208 | TRẦN ĐÌNH BẢO       | ĐĂNG   | 27/09/2008 | 26KT2   | P.05 (A209) |
| 186 | 200186 | 26115053126306 | ĐINH THÀNH          | DANH   | 23/11/2008 | 26T3    | P.05 (A209) |
| 187 | 200187 | 26115055126107 | ĐOÀN VÕ THÀNH       | DANH   | 20/11/2008 | 26TDH1  | P.05 (A209) |
| 188 | 200188 | 26115042126503 | LÒ THANH            | DANH   | 15/01/2008 | 26DLKT1 | P.05 (A209) |
| 189 | 200189 | 26115042126205 | LƯU THÀNH           | DANH   | 22/10/2008 | 26DL2   | P.05 (A209) |
| 190 | 200190 | 26115053126107 | PHAN VĂN            | DANH   | 12/06/2008 | 26T1    | P.05 (A209) |
| 191 | 200191 | 26115071126107 | TRẦN QUANG          | DANH   | 07/11/2008 | 26VL1   | P.05 (A209) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên   | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|-----|--------|----------------|-----------------------|------------|-----------|-------------|
| 192 | 200192 | 26115041126308 | LÊ QUANG ĐẠO          | 01/01/2008 | 26C3      | P.05 (A209) |
| 193 | 200193 | 26115051226112 | CAO TIẾN ĐẠT          | 22/09/2008 | 26KTD1    | P.05 (A209) |
| 194 | 200194 | 26115044126212 | ĐẶNG DUY ĐẠT          | 16/04/2008 | 26CDT2    | P.05 (A209) |
| 195 | 200195 | 26115041126109 | ĐINH TIẾN ĐẠT         | 20/09/2008 | 26C1      | P.05 (A209) |
| 196 | 200196 | 26115064126108 | DƯ CÔNG ĐẠT           | 16/08/2008 | 26XH1     | P.05 (A209) |
| 197 | 200197 | 26115052226207 | DƯƠNG PHÚ QUỐC ĐẠT    | 29/07/2008 | 26KTD2    | P.05 (A209) |
| 198 | 200198 | 26115041126209 | HÀ VĂN THÀNH ĐẠT      | 15/07/2008 | 26C2      | P.05 (A209) |
| 199 | 200199 | 26115071126110 | LÂM PHƯƠNG ĐẠT        | 17/02/2008 | 26VL1     | P.05 (A209) |
| 200 | 200200 | 26115053126311 | LÊ BÁ ĐẠT             | 30/10/2008 | 26T3      | P.05 (A209) |
| 201 | 200201 | 26115052226108 | LÊ ĐÌNH ĐẠT           | 06/05/2008 | 26KTD1    | P.05 (A209) |
| 202 | 200202 | 26115061126112 | LÊ NGUYỄN TIẾN ĐẠT    | 02/12/2008 | 26XD1     | P.05 (A209) |
| 203 | 200203 | 26115054126209 | LÊ QUANG ĐẠT          | 28/08/2008 | 26DT2     | P.05 (A209) |
| 204 | 200204 | 26115053126112 | LÊ VĂN ĐẠT            | 02/07/2008 | 26T1      | P.05 (A209) |
| 205 | 200205 | 26115041126410 | LƯƠNG TIẾN ĐẠT        | 16/02/2008 | 26CMPS1   | P.05 (A209) |
| 206 | 200206 | 26115055126110 | MAI BÁ ĐẠT            | 14/07/2008 | 26TDH1    | P.05 (A209) |
| 207 | 200207 | 26115061126212 | MAI TIẾN ĐẠT          | 02/06/2008 | 26XD2     | P.05 (A209) |
| 208 | 200208 | 26115061126312 | NGÔ THÀNH ĐẠT         | 26/07/2008 | 26XD3     | P.05 (A209) |
| 209 | 200209 | 26115041126309 | NGUYỄN CÔNG ĐẠT       | 05/10/2008 | 26C3      | P.05 (A209) |
| 210 | 200210 | 26115061126113 | NGUYỄN ĐĂNG THÀNH ĐẠT | 25/02/2008 | 26XD1     | P.05 (A209) |
| 211 | 200211 | 26115044126312 | NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT       | 13/10/2008 | 26CDT3    | P.06 (A210) |
| 212 | 200212 | 26115042126504 | NGUYỄN HỮU TIẾN ĐẠT   | 29/08/2008 | 26DLKT1   | P.06 (A210) |
| 213 | 200213 | 26115042126110 | NGUYỄN LƯƠNG ĐẠT      | 03/02/2008 | 26DL1     | P.06 (A210) |
| 214 | 200214 | 26115061126213 | NGUYỄN MẬU ĐẠT        | 29/10/2008 | 26XD2     | P.06 (A210) |
| 215 | 200215 | 26115042126210 | NGUYỄN QUỐC ĐẠT       | 13/08/2008 | 26DL2     | P.06 (A210) |
| 216 | 200216 | 26115054126110 | NGUYỄN THÀNH ĐẠT      | 02/07/2008 | 26DT1     | P.06 (A210) |
| 217 | 200217 | 26115041126110 | PHẠM HUYỀN ĐẠT        | 26/10/2008 | 26C1      | P.06 (A210) |
| 218 | 200218 | 26115053126212 | PHẠM THÀNH ĐẠT        | 18/01/2008 | 26T2      | P.06 (A210) |
| 219 | 200219 | 26115051226113 | PHẠM VĂN ĐẠT          | 27/10/2008 | 26KTD1    | P.06 (A210) |
| 220 | 200220 | 26115061126313 | PHẠM VĂN ĐẠT          | 21/07/2008 | 26XD3     | P.06 (A210) |
| 221 | 200221 | 26115044126113 | THÁI ANH ĐẠT          | 21/10/2008 | 26CDT1    | P.06 (A210) |
| 222 | 200222 | 26115042126505 | TRẦN ĐÌNH ĐẠT         | 09/02/2008 | 26DLKT1   | P.06 (A210) |
| 223 | 200223 | 26115053126312 | TRẦN NGỌC ĐẠT         | 05/05/2008 | 26T3      | P.06 (A210) |
| 224 | 200224 | 26115061126114 | TRẦN TẤN ĐẠT          | 18/07/2008 | 26XD1     | P.06 (A210) |
| 225 | 200225 | 26115061126214 | TRỊNH QUANG HUY ĐẠT   | 03/05/2008 | 26XD2     | P.06 (A210) |
| 226 | 200226 | 26115052226208 | TRƯƠNG ANH ĐẠT        | 01/11/2008 | 26KTD2    | P.06 (A210) |
| 227 | 200227 | 26115043126206 | TRƯƠNG VĂN ĐẠT        | 29/06/2008 | 26N2      | P.06 (A210) |
| 228 | 200228 | 26115063126103 | VÕ ĐẠI MINH ĐẠT       | 04/06/2008 | 26XC1     | P.06 (A210) |
| 229 | 200229 | 26115067126108 | VÕ PHẠM MINH ĐẠT      | 03/08/2008 | 26KT1     | P.06 (A210) |
| 230 | 200230 | 26115071126111 | VÕ QUANG ĐẠT          | 23/03/2008 | 26VL1     | P.06 (A210) |
| 231 | 200231 | 26115043126107 | VÕ THÀNH ĐẠT          | 24/06/2008 | 26N1      | P.06 (A210) |
| 232 | 200232 | 26115075126110 | LƯƠNG CÔNG ĐIỀN       | 09/12/2008 | 26CNKTHH1 | P.06 (A210) |
| 233 | 200233 | 26115044126114 | MAI HOÀNG ĐIẾP        | 01/05/2008 | 26CDT1    | P.06 (A210) |
| 234 | 200234 | 26115044126214 | NGUYỄN NGỌC ĐIẾP      | 25/01/2008 | 26CDT2    | P.06 (A210) |
| 235 | 200235 | 26115042126411 | NGUYỄN VĂN ĐIẾP       | 10/07/2008 | 26DLD1    | P.06 (A210) |
| 236 | 200236 | 26115061126208 | TRẦN QUANG ĐIỀU       | 14/10/2008 | 26XD2     | P.06 (A210) |
| 237 | 200237 | 26115055126310 | NGUYỄN TRUNG ĐIỀU     | 08/12/2008 | 26TDH3    | P.06 (A210) |
| 238 | 200238 | 26115054126210 | NGUYỄN DUY ĐÌNH       | 22/07/2008 | 26DT2     | P.06 (A210) |
| 239 | 200239 | 26115042126111 | LÊ NGUYỄN HUY ĐÌNH    | 06/04/2008 | 26DL1     | P.06 (A210) |
| 240 | 200240 | 26115041126111 | LÊ TRUNG ĐÌNH         | 17/01/2008 | 26C1      | P.06 (A210) |
| 241 | 200241 | 26115054126111 | NGÔ QUANG ĐÌNH        | 18/03/2008 | 26DT1     | P.06 (A210) |
| 242 | 200242 | 26115075126107 | NGUYỄN THỊ DIU        | 29/01/2008 | 26CNKTHH1 | P.06 (A210) |
| 243 | 200243 | 26115055126211 | NGUYỄN DƯƠNG THÀNH ĐÔ | 27/06/2008 | 26TDH2    | P.06 (A210) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên   | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|-----|--------|----------------|-----------------------|------------|-----------|-------------|
| 244 | 200244 | 26115042126211 | VÕ VĂN ĐÔ             | 12/08/2008 | 26DL2     | P.06 (A210) |
| 245 | 200245 | 26115042126507 | MAI XUÂN ĐOÀN         | 29/07/2008 | 26DLKT1   | P.06 (A210) |
| 246 | 200246 | 26115055126111 | PHAN VĂN ĐOÀN         | 07/12/2008 | 26TDH1    | P.06 (A210) |
| 247 | 200247 | 26115052226209 | HOÀNG ANH ĐÔNG        | 11/12/2008 | 26KTDT2   | P.06 (A210) |
| 248 | 200248 | 26115072126104 | NGUYỄN NGỌC ĐÔNG      | 11/11/2008 | 26MT1     | P.06 (A210) |
| 249 | 200249 | 26115055126311 | NGUYỄN NGỌC AN ĐÔNG   | 06/07/2008 | 26TDH3    | P.06 (A210) |
| 250 | 200250 | 26115071126204 | NGUYỄN PHƯỚC HÀ ĐÔNG  | 02/12/2008 | 26VLBD1   | P.06 (A210) |
| 251 | 200251 | 26115041126411 | VÕ NHƯ ĐÔNG           | 30/08/2008 | 26CMPS1   | P.06 (A210) |
| 252 | 200252 | 26115054126207 | BÙI KHÁNH DƯ          | 14/10/2008 | 26DT2     | P.06 (A210) |
| 253 | 200253 | 26115067126104 | CHÂU BÁ NGỌC DUẨN     | 25/02/2008 | 26KT1     | P.06 (A210) |
| 254 | 200254 | 26115055126402 | ĐOÀN VIỆT DUẨN        | 28/08/2007 | 26TDHKT1  | P.06 (A210) |
| 255 | 200255 | 26115063126104 | BÙI BÁ ĐỨC            | 06/03/2008 | 26XC1     | P.06 (A210) |
| 256 | 200256 | 26115055126112 | ĐẶNG GIA ĐỨC          | 25/06/2008 | 26TDH1    | P.06 (A210) |
| 257 | 200257 | 26115051226114 | HỒ VĂN ĐỨC            | 02/09/2008 | 26KTD1    | P.06 (A210) |
| 258 | 200258 | 26115044126314 | NGUYỄN ANH ĐỨC        | 03/04/2008 | 26CDT3    | P.06 (A210) |
| 259 | 200259 | 26115075126111 | NGUYỄN TẤN ĐỨC        | 01/01/2008 | 26CNKTHH1 | P.06 (A210) |
| 260 | 200260 | 26115041126211 | NGUYỄN VĂN ĐỨC        | 01/07/2008 | 26C2      | P.06 (A210) |
| 261 | 200261 | 26115044126115 | NGUYỄN XUÂN ĐỨC       | 06/04/2008 | 26CDT1    | P.07 (A211) |
| 262 | 200262 | 26115042126112 | NGUYỄN XUÂN ĐỨC       | 19/07/2008 | 26DL1     | P.07 (A211) |
| 263 | 200263 | 26115054126112 | PHẠM ANH ĐỨC          | 11/06/2008 | 26DT1     | P.07 (A211) |
| 264 | 200264 | 26115061126215 | PHẠM XUÂN ĐỨC         | 12/03/2008 | 26XD2     | P.07 (A211) |
| 265 | 200265 | 26115044126215 | TRẦN LÊ HUỖNH ĐỨC     | 06/12/2008 | 26CDT2    | P.07 (A211) |
| 266 | 200266 | 26115054126212 | TRẦN MINH ĐỨC         | 03/12/2008 | 26DT2     | P.07 (A211) |
| 267 | 200267 | 26115043126207 | TRỊNH VĂN ANH ĐỨC     | 25/05/2008 | 26N2      | P.07 (A211) |
| 268 | 200268 | 26115075126112 | VÕ TIẾN ĐỨC           | 26/12/2008 | 26CNKTHH1 | P.07 (A211) |
| 269 | 200269 | 26115053126207 | BÙI MINH DŨNG         | 19/01/2008 | 26T2      | P.07 (A211) |
| 270 | 200270 | 26115044126108 | BÙI XUÂN DŨNG         | 16/08/2008 | 26CDT1    | P.07 (A211) |
| 271 | 200271 | 26115061126308 | BÙI XUÂN DŨNG         | 18/07/2008 | 26XD3     | P.07 (A211) |
| 272 | 200272 | 26115044126308 | ĐẶNG TIẾN DŨNG        | 17/11/2008 | 26CDT3    | P.07 (A211) |
| 273 | 200273 | 26115044126208 | ĐÀO VIỆT DŨNG         | 24/06/2008 | 26CDT2    | P.07 (A211) |
| 274 | 200274 | 26115052226105 | ĐỖ TẤN DŨNG           | 10/09/2008 | 26KTDT1   | P.07 (A211) |
| 275 | 200275 | 26115054126205 | HỒ NGỌC DŨNG          | 22/09/2008 | 26DT2     | P.07 (A211) |
| 276 | 200276 | 26115051226110 | HỒ TẤN DŨNG           | 01/12/2008 | 26KTD1    | P.07 (A211) |
| 277 | 200277 | 26115041126205 | HOÀNG ANH DŨNG        | 24/07/2008 | 26C2      | P.07 (A211) |
| 278 | 200278 | 26115054126307 | HOÀNG ANH DŨNG        | 10/09/2008 | 26DTVM1   | P.07 (A211) |
| 279 | 200279 | 26115053126307 | HOÀNG ĐÌNH DŨNG       | 01/10/2008 | 26T3      | P.07 (A211) |
| 280 | 200280 | 26115042126206 | LÊ ANH DŨNG           | 25/09/2007 | 26DL2     | P.07 (A211) |
| 281 | 200281 | 26115055126207 | LÊ ANH DŨNG           | 29/04/2008 | 26TDH2    | P.07 (A211) |
| 282 | 200282 | 26115044126109 | LÊ VĂN DŨNG           | 15/12/2008 | 26CDT1    | P.07 (A211) |
| 283 | 200283 | 26115053126108 | MAI HỮU DŨNG          | 14/06/2008 | 26T1      | P.07 (A211) |
| 284 | 200284 | 26115067126105 | NGUYỄN ANH DŨNG       | 03/05/2008 | 26KT1     | P.07 (A211) |
| 285 | 200285 | 26115052226205 | NGUYỄN ĐỨC DŨNG       | 07/05/2008 | 26KTDT2   | P.07 (A211) |
| 286 | 200286 | 26115054126106 | NGUYỄN ĐỨC TRÍ DŨNG   | 23/11/2008 | 26DT1     | P.07 (A211) |
| 287 | 200287 | 26115041126305 | NGUYỄN HỒ CHÍ DŨNG    | 03/12/2008 | 26C3      | P.07 (A211) |
| 288 | 200288 | 26115061126109 | NGUYỄN HỒ MINH DŨNG   | 10/05/2008 | 26XD1     | P.07 (A211) |
| 289 | 200289 | 26115041126106 | NGUYỄN HUỖNH TẤN DŨNG | 06/03/2008 | 26C1      | P.07 (A211) |
| 290 | 200290 | 26115043126105 | NGUYỄN MAI TRÍ DŨNG   | 04/10/2008 | 26N1      | P.07 (A211) |
| 291 | 200291 | 26115043126205 | NGUYỄN MẠNH DŨNG      | 07/07/2008 | 26N2      | P.07 (A211) |
| 292 | 200292 | 26115044126209 | NGUYỄN MINH DŨNG      | 30/09/2008 | 26CDT2    | P.07 (A211) |
| 293 | 200293 | 26115044126309 | NGUYỄN NAM DŨNG       | 31/01/2008 | 26CDT3    | P.07 (A211) |
| 294 | 200294 | 26115041126405 | NGUYỄN QUANG DŨNG     | 23/07/2008 | 26CMPS1   | P.07 (A211) |
| 295 | 200295 | 26115051226210 | NGUYỄN TẤN DŨNG       | 27/12/2008 | 26KTD2    | P.07 (A211) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên   | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|-----|--------|----------------|-----------------------|------------|-----------|-------------|
| 296 | 200296 | 26115041126406 | NGUYỄN TIẾN DŨNG      | 18/03/2008 | 26CMPS1   | P.07 (A211) |
| 297 | 200297 | 26115054126308 | NGUYỄN TIẾN DŨNG      | 01/01/2008 | 26DTVM1   | P.07 (A211) |
| 298 | 200298 | 26115041126206 | NGUYỄN TRÍ DŨNG       | 24/08/2008 | 26C2      | P.07 (A211) |
| 299 | 200299 | 26115061126209 | NGUYỄN TRỌNG DŨNG     | 24/09/2008 | 26XD2     | P.07 (A211) |
| 300 | 200300 | 26115042126207 | NGUYỄN TRUNG DŨNG     | 24/05/2008 | 26DL2     | P.07 (A211) |
| 301 | 200301 | 26115061126309 | NGUYỄN TRUNG DŨNG     | 17/04/2008 | 26XD3     | P.07 (A211) |
| 302 | 200302 | 26115042126307 | NGUYỄN VIỆT DŨNG      | 19/08/2008 | 26DL3     | P.07 (A211) |
| 303 | 200303 | 26115072126102 | PHẠM XUÂN DŨNG        | 13/02/2008 | 26MT1     | P.07 (A211) |
| 304 | 200304 | 26115072126103 | PHÙNG VĂN DŨNG        | 31/12/2008 | 26MT1     | P.07 (A211) |
| 305 | 200305 | 26115055126108 | TRẦN NGỌC DŨNG        | 22/01/2008 | 26TDH1    | P.07 (A211) |
| 306 | 200306 | 26115044126210 | TRẦN PHẠM ANH DŨNG    | 20/11/2008 | 26CDT2    | P.07 (A211) |
| 307 | 200307 | 26115067126205 | TRẦN QUỐC NGHĨA DŨNG  | 12/10/2008 | 26KT2     | P.07 (A211) |
| 308 | 200308 | 26115041126407 | TRẦN VĂN DŨNG         | 19/12/2008 | 26CMPS1   | P.07 (A211) |
| 309 | 200309 | 26115042126108 | TRỊNH VIỆT DŨNG       | 27/02/2008 | 26DL1     | P.07 (A211) |
| 310 | 200310 | 26115052226106 | VÕ THANH DŨNG         | 20/09/2008 | 26KTDT1   | P.07 (A211) |
| 311 | 200311 | 26115055126109 | BIỆN TÙNG DƯƠNG       | 24/07/2008 | 26TDH1    | P.08 (A212) |
| 312 | 200312 | 26115054126108 | CHÂU HẢI DƯƠNG        | 05/03/2008 | 26DT1     | P.08 (A212) |
| 313 | 200313 | 26115044126211 | ĐẶNG VĂN DƯƠNG        | 12/02/2008 | 26CDT2    | P.08 (A212) |
| 314 | 200314 | 26115055126403 | ĐOÀN HẢI DƯƠNG        | 20/04/2008 | 26TDHKT1  | P.08 (A212) |
| 315 | 200315 | 26115052226206 | LÊ QUỐC DƯƠNG         | 25/08/2008 | 26KTDT2   | P.08 (A212) |
| 316 | 200316 | 26115061126310 | NGÔ ĐỨC AN DƯƠNG      | 06/02/2007 | 26XD3     | P.08 (A212) |
| 317 | 200317 | 26115053126310 | NGUYỄN ÁNH DƯƠNG      | 16/04/2008 | 26T3      | P.08 (A212) |
| 318 | 200318 | 26115053126111 | NGUYỄN ĐĂNG DUY DƯƠNG | 12/06/2008 | 26T1      | P.08 (A212) |
| 319 | 200319 | 26115071126109 | NGUYỄN HẢI DƯƠNG      | 13/06/2008 | 26VL1     | P.08 (A212) |
| 320 | 200320 | 26115042126109 | NGUYỄN SỸ DƯƠNG       | 15/06/2008 | 26DL1     | P.08 (A212) |
| 321 | 200321 | 26115054126208 | NGUYỄN TÙNG DƯƠNG     | 09/11/2008 | 26DT2     | P.08 (A212) |
| 322 | 200322 | 26115055126209 | PHẠM TÙNG DƯƠNG       | 05/08/2008 | 26TDH2    | P.08 (A212) |
| 323 | 200323 | 26115054126109 | TRẦN NGỌC KHANG DƯƠNG | 28/08/2008 | 26DT1     | P.08 (A212) |
| 324 | 200324 | 26115061126111 | TRƯƠNG NGỌC DƯƠNG     | 17/10/2008 | 26XD1     | P.08 (A212) |
| 325 | 200325 | 26115042126209 | VŨ MINH DƯƠNG         | 12/11/2008 | 26DL2     | P.08 (A212) |
| 326 | 200326 | 26115075126108 | BÙI TUẤN DUY          | 29/11/2008 | 26CNKTHH1 | P.08 (A212) |
| 327 | 200327 | 26115053126208 | ĐÀO VĂN DUY           | 09/08/2008 | 26T2      | P.08 (A212) |
| 328 | 200328 | 26115041126306 | ĐINH NGỌC DUY         | 18/03/2008 | 26C3      | P.08 (A212) |
| 329 | 200329 | 26115042126208 | ĐINH TRẦN KHẢI DUY    | 02/01/2008 | 26DL2     | P.08 (A212) |
| 330 | 200330 | 26115067126106 | HỒ ĐẮC DUY            | 10/07/2008 | 26KT1     | P.08 (A212) |
| 331 | 200331 | 26115053126308 | HỒ HỮU VIỆT DUY       | 12/02/2007 | 26T3      | P.08 (A212) |
| 332 | 200332 | 26115042126308 | HOÀNG DUY             | 27/11/2008 | 26DL3     | P.08 (A212) |
| 333 | 200333 | 26115061126210 | LÊ PHAN QUANG DUY     | 08/05/2008 | 26XD2     | P.08 (A212) |
| 334 | 200334 | 26115064126107 | LÊ QUANG BẢO DUY      | 15/12/2008 | 26XH1     | P.08 (A212) |
| 335 | 200335 | 26115053126109 | NGUYỄN ĐĂNG DUY       | 22/09/2008 | 26T1      | P.08 (A212) |
| 336 | 200336 | 26115041126107 | NGUYỄN NGỌC DUY       | 15/08/2008 | 26C1      | P.08 (A212) |
| 337 | 200337 | 26115041126408 | NGUYỄN TRÍ DUY        | 30/03/2008 | 26CMPS1   | P.08 (A212) |
| 338 | 200338 | 26115054126206 | TRẦN MINH DUY         | 01/06/2008 | 26DT2     | P.08 (A212) |
| 339 | 200339 | 26115051226111 | TRẦN QUỐC DUY         | 26/03/2008 | 26KTD1    | P.08 (A212) |
| 340 | 200340 | 26115053126309 | TRỊNH ĐỨC DUY         | 02/12/2008 | 26T3      | P.08 (A212) |
| 341 | 200341 | 26115054126107 | TRƯƠNG CÔNG DUY       | 12/07/2008 | 26DT1     | P.08 (A212) |
| 342 | 200342 | 26115044126310 | VÕ PHẠM ANH DUY       | 19/03/2008 | 26CDT3    | P.08 (A212) |
| 343 | 200343 | 26115041126307 | VÕ VĂN DUY            | 24/04/2008 | 26C3      | P.08 (A212) |
| 344 | 200344 | 26115075126109 | CAO KỲ DUYÊN          | 19/01/2008 | 26CNKTHH1 | P.08 (A212) |
| 345 | 200345 | 26115073126104 | NGÔ THỊ MỸ DUYÊN      | 05/11/2008 | 26HTP1    | P.08 (A212) |
| 346 | 200346 | 26115053126210 | PHẠM THỊ MỸ DUYÊN     | 09/08/2007 | 26T2      | P.08 (A212) |
| 347 | 200347 | 26115073126105 | PHẠM THÙY DUYÊN       | 10/07/2008 | 26HTP1    | P.08 (A212) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |       | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|-----|--------|----------------|---------------------|-------|------------|-----------|-------------|
| 348 | 200348 | 26115053126113 | NGUYỄN BẢO          | GIA   | 16/06/2008 | 26T1      | P.08 (A212) |
| 349 | 200349 | 26115041126311 | NGUYỄN VĂN BẢO      | GIA   | 05/04/2008 | 26C3      | P.08 (A212) |
| 350 | 200350 | 26115071126112 | ĐOÀN TRƯỜNG         | GIANG | 30/08/2008 | 26VL1     | P.08 (A212) |
| 351 | 200351 | 26115061126315 | NGUYỄN TRƯỜNG       | GIANG | 05/05/2008 | 26XD3     | P.08 (A212) |
| 352 | 200352 | 26115043126108 | VÕ BĂNG             | GIANG | 18/10/2008 | 26N1      | P.08 (A212) |
| 353 | 200353 | 26115075126113 | VÕ THỊ TIỀN         | GIANG | 16/11/2008 | 26CNKTHH1 | P.08 (A212) |
| 354 | 200354 | 26115075126114 | VŨ THỊ AN           | GIANG | 05/12/2008 | 26CNKTHH1 | P.08 (A212) |
| 355 | 200355 | 26115063126105 | LÊ NGUYỄN BẢO       | GUYN  | 22/01/2008 | 26XC1     | P.08 (A212) |
| 356 | 200356 | 26115075126115 | LÊ THỊ THU          | HÀ    | 20/04/2008 | 26CNKTHH1 | P.08 (A212) |
| 357 | 200357 | 26115044126315 | LƯƠNG CÔNG          | HÀ    | 21/08/2008 | 26CDT3    | P.08 (A212) |
| 358 | 200358 | 26115044126116 | DƯƠNG TẤN MINH      | HẢI   | 16/07/2008 | 26CDT1    | P.08 (A212) |
| 359 | 200359 | 26115061126116 | HỒ VIỆT             | HẢI   | 18/08/2008 | 26XD1     | P.08 (A212) |
| 360 | 200360 | 26115044126216 | LÊ HỮU MINH         | HẢI   | 10/04/2007 | 26CDT2    | P.08 (A212) |
| 361 | 200361 | 26115053126213 | MAI NGUYỄN TRƯỜNG   | HẢI   | 08/05/2007 | 26T2      | P.09 (A213) |
| 362 | 200362 | 26115055126212 | NGUYỄN TUẤN         | HẢI   | 11/05/2008 | 26TDH2    | P.09 (A213) |
| 363 | 200363 | 26115042126312 | PHAN XUÂN           | HẢI   | 03/04/2008 | 26DL3     | P.09 (A213) |
| 364 | 200364 | 26115044126316 | TRỊNH XUÂN          | HẢI   | 29/07/2008 | 26CDT3    | P.09 (A213) |
| 365 | 200365 | 26115063126106 | VŨ HOÀI             | HẢI   | 04/01/2008 | 26XC1     | P.09 (A213) |
| 366 | 200366 | 26115067126210 | ĐINH GIA            | HÂN   | 22/08/2008 | 26KT2     | P.09 (A213) |
| 367 | 200367 | 26115055126312 | LÊ HỒNG             | HÂN   | 17/09/2008 | 26TDH3    | P.09 (A213) |
| 368 | 200368 | 26115073126203 | NGUYỄN BẢO          | HÂN   | 17/10/2008 | 26TPSH1   | P.09 (A213) |
| 369 | 200369 | 26115054126113 | TRƯƠNG NGỌC KHÁNH   | HÂN   | 09/04/2008 | 26DT1     | P.09 (A213) |
| 370 | 200370 | 26115075126116 | HỒ THỊ NGỌC         | HẰNG  | 28/01/2007 | 26CNKTHH1 | P.09 (A213) |
| 371 | 200371 | 26115053126214 | PHẠM THỊ MINH       | HẰNG  | 14/12/2008 | 26T2      | P.09 (A213) |
| 372 | 200372 | 26115075126117 | TÀO NGỌC THÚY       | HẰNG  | 16/01/2008 | 26CNKTHH1 | P.09 (A213) |
| 373 | 200373 | 26115073126107 | TRẦN THỊ DIỆU       | HẰNG  | 12/06/2008 | 26HTP1    | P.09 (A213) |
| 374 | 200374 | 26115041126212 | CAO MINH            | HẠNH  | 17/07/2008 | 26C2      | P.09 (A213) |
| 375 | 200375 | 26115073126106 | PHẠM THỊ HỒNG       | HẠNH  | 25/05/2008 | 26HTP1    | P.09 (A213) |
| 376 | 200376 | 26115053126313 | BÙI TUẤN            | HÀO   | 07/04/2008 | 26T3      | P.09 (A213) |
| 377 | 200377 | 26115067126110 | LÂM TRÍ             | HÀO   | 25/06/2008 | 26KT1     | P.09 (A213) |
| 378 | 200378 | 26115044126117 | LÊ DUY              | HÀO   | 02/01/2008 | 26CDT1    | P.09 (A213) |
| 379 | 200379 | 26115041126412 | NGUYỄN THANH        | HÀO   | 05/02/2008 | 26CMPS1   | P.09 (A213) |
| 380 | 200380 | 26115044126217 | TRẦN ANH            | HÀO   | 17/11/2008 | 26CDT2    | P.09 (A213) |
| 381 | 200381 | 26115052226210 | LÊ QUANG            | HẢO   | 03/04/2008 | 26KTD2    | P.09 (A213) |
| 382 | 200382 | 26115053126114 | NGUYỄN LÊ TẤN       | HẢO   | 24/10/2008 | 26T1      | P.09 (A213) |
| 383 | 200383 | 26115067126211 | ĐINH NGUYỄN CÔNG    | HẬU   | 30/09/2008 | 26KT2     | P.09 (A213) |
| 384 | 200384 | 26115054126309 | HỒ QUANG            | HẬU   | 30/09/2008 | 26DTVM1   | P.09 (A213) |
| 385 | 200385 | 26115052226111 | HOÀNG TRẦN TRUNG    | HẬU   | 03/12/2008 | 26KTD2    | P.09 (A213) |
| 386 | 200386 | 26115061126216 | LÊ TRƯƠNG           | HẬU   | 11/01/2008 | 26XD2     | P.09 (A213) |
| 387 | 200387 | 26115067126112 | LÊ TỰ               | HẬU   | 24/09/2008 | 26KT1     | P.09 (A213) |
| 388 | 200388 | 26115044126118 | NGUYỄN CÔNG         | HẬU   | 04/04/2008 | 26CDT1    | P.09 (A213) |
| 389 | 200389 | 26115051226214 | NGUYỄN QUỐC         | HẬU   | 05/04/2008 | 26KTD2    | P.09 (A213) |
| 390 | 200390 | 26115052226211 | NGUYỄN QUỐC         | HẬU   | 01/04/2008 | 26KTD2    | P.09 (A213) |
| 391 | 200391 | 26115063126107 | LA ĐÌNH MINH        | HIỀN  | 21/12/2008 | 26XC1     | P.09 (A213) |
| 392 | 200392 | 26115073126204 | LÊ THANH            | HIỀN  | 22/10/2008 | 26TPSH1   | P.09 (A213) |
| 393 | 200393 | 26115054126213 | PHẠM VIỆT           | HIỀN  | 11/11/2008 | 26DT2     | P.09 (A213) |
| 394 | 200394 | 26115141126103 | TRẦN HOÀNG          | HIỀN  | 24/07/2008 | 26SP1     | P.09 (A213) |
| 395 | 200395 | 26115055126113 | HUỶNH GIA           | HIỂN  | 11/04/2008 | 26TDH1    | P.09 (A213) |
| 396 | 200396 | 26115075126118 | HÀ PHƯỚC            | HIỆP  | 15/05/2008 | 26CNKTHH1 | P.09 (A213) |
| 397 | 200397 | 26115054126310 | LÊ HỮU              | HIỆP  | 16/11/2008 | 26DTVM1   | P.09 (A213) |
| 398 | 200398 | 26115043126208 | NGUYỄN HỮU          | HIỆP  | 28/04/2008 | 26N2      | P.09 (A213) |
| 399 | 200399 | 26115064126109 | NGUYỄN HỮU          | HIỆP  | 01/12/2008 | 26XH1     | P.09 (A213) |



| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |      | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|-----|--------|----------------|---------------------|------|------------|-----------|-------------|
| 400 | 200400 | 26115054126114 | NGUYỄN NGỌC HOÀNG   | HIỆP | 20/10/2008 | 26DT1     | P.09 (A213) |
| 401 | 200401 | 26115055126406 | TRẦN ĐẠI            | HIỆP | 28/07/2008 | 26TDHKT1  | P.10 (A214) |
| 402 | 200402 | 26115041126113 | BÀNH ĐỨC            | HIẾU | 17/10/2008 | 26C1      | P.10 (A214) |
| 403 | 200403 | 26115061126117 | BÙI CHÍ             | HIẾU | 13/02/2008 | 26XD1     | P.10 (A214) |
| 404 | 200404 | 26115052226112 | ĐẶNG HOÀNG          | HIẾU | 03/03/2008 | 26KTDT1   | P.10 (A214) |
| 405 | 200405 | 26115042126412 | ĐINH CÔNG           | HIẾU | 30/09/2008 | 26DLD1    | P.10 (A214) |
| 406 | 200406 | 26115067126113 | ĐỖ PHƯỚC            | HIẾU | 28/05/2008 | 26KT1     | P.10 (A214) |
| 407 | 200407 | 26115073126109 | ĐỖ VIỆT THANH       | HIẾU | 20/10/2008 | 26HTP1    | P.10 (A214) |
| 408 | 200408 | 26115053126314 | DƯƠNG ĐỨC           | HIẾU | 07/04/2008 | 26T3      | P.10 (A214) |
| 409 | 200409 | 26115067126212 | DƯƠNG MINH          | HIẾU | 10/01/2008 | 26KT2     | P.10 (A214) |
| 410 | 200410 | 26115043126109 | HỒ ĐỨC              | HIẾU | 04/11/2008 | 26N1      | P.10 (A214) |
| 411 | 200411 | 26115055126213 | HỒ TRUNG            | HIẾU | 26/10/2008 | 26TDH2    | P.10 (A214) |
| 412 | 200412 | 26115052226212 | HOÀNG ĐỨC           | HIẾU | 12/03/2008 | 26KTDT2   | P.10 (A214) |
| 413 | 200413 | 26115042126213 | HOÀNG HUY           | HIẾU | 06/03/2008 | 26DL2     | P.10 (A214) |
| 414 | 200414 | 26115042126509 | HUỖNH               | HIẾU | 13/01/2008 | 26DLKT1   | P.10 (A214) |
| 415 | 200415 | 26115053126115 | LÊ ĐỨC              | HIẾU | 08/02/2008 | 26T1      | P.10 (A214) |
| 416 | 200416 | 26115042126313 | LÊ VĂN              | HIẾU | 21/06/2008 | 26DL3     | P.10 (A214) |
| 417 | 200417 | 26115067126213 | NGÔ THỊ THANH       | HIẾU | 28/10/2008 | 26KT2     | P.10 (A214) |
| 418 | 200418 | 26115053126215 | NGUYỄN DUY          | HIẾU | 07/07/2008 | 26T2      | P.10 (A214) |
| 419 | 200419 | 26115051226115 | NGUYỄN PHONG TRUNG  | HIẾU | 20/06/2008 | 26KTD1    | P.10 (A214) |
| 420 | 200420 | 26115061126217 | NGUYỄN TRUNG        | HIẾU | 12/07/2008 | 26XD2     | P.10 (A214) |
| 421 | 200421 | 26115075126119 | NGUYỄN VIỆT MINH    | HIẾU | 24/05/2008 | 26CNKTHH1 | P.10 (A214) |
| 422 | 200422 | 26115044126218 | PHẠM HỮU            | HIẾU | 05/07/2008 | 26CDT2    | P.10 (A214) |
| 423 | 200423 | 26115042126511 | PHẠM NGUYỄN LONG    | HIẾU | 06/02/2008 | 26DLKT1   | P.10 (A214) |
| 424 | 200424 | 26115053126315 | PHẠM THANH          | HIẾU | 02/06/2008 | 26T3      | P.10 (A214) |
| 425 | 200425 | 26115042126214 | PHẠM VĂN            | HIẾU | 19/07/2008 | 26DL2     | P.10 (A214) |
| 426 | 200426 | 26115055126313 | TRẦN ĐÌNH           | HIẾU | 31/10/2008 | 26TDH3    | P.10 (A214) |
| 427 | 200427 | 26115071126113 | TRẦN MINH           | HIẾU | 17/04/2008 | 26VL1     | P.10 (A214) |
| 428 | 200428 | 26115067126114 | TRẦN NGỌC           | HIẾU | 27/08/2008 | 26KT1     | P.10 (A214) |
| 429 | 200429 | 26115055126114 | TRẦN QUANG          | HIẾU | 23/04/2008 | 26TDH1    | P.10 (A214) |
| 430 | 200430 | 26115041126213 | TRẦN VĂN            | HIẾU | 01/05/2008 | 26C2      | P.10 (A214) |
| 431 | 200431 | 26115055126214 | LƯU VĂN             | HIẾU | 23/11/2007 | 26TDH2    | P.10 (A214) |
| 432 | 200432 | 26115061126317 | VÕ HOÀNG            | HIN  | 05/06/2008 | 26XD3     | P.10 (A214) |
| 433 | 200433 | 26115061126118 | NGUYỄN THỊ          | HOA  | 30/08/2008 | 26XD1     | P.10 (A214) |
| 434 | 200434 | 26115072126105 | VÕ NGUYỄN PHƯƠNG    | HOA  | 07/02/2008 | 26MT1     | P.10 (A214) |
| 435 | 200435 | 26115044126318 | HỨA XUÂN QUỐC       | HÒA  | 19/07/2008 | 26CDT3    | P.10 (A214) |
| 436 | 200436 | 26115061126218 | LÊ                  | HÒA  | 30/05/2008 | 26XD2     | P.10 (A214) |
| 437 | 200437 | 26115073126110 | LÊ THIÊN            | HÒA  | 26/01/2008 | 26HTP1    | P.10 (A214) |
| 438 | 200438 | 26115053126216 | LƯU VĂN             | HÒA  | 06/07/2008 | 26T2      | P.10 (A214) |
| 439 | 200439 | 26115073126205 | NGUYỄN CHÂU THANH   | HÒA  | 28/12/2008 | 26TPSH1   | P.10 (A214) |
| 440 | 200440 | 26115055126314 | NGUYỄN TẤN          | HÒA  | 01/01/2008 | 26TDH3    | P.10 (A214) |
| 441 | 200441 | 26115041126313 | NGUYỄN THANH        | HÒA  | 07/01/2008 | 26C3      | P.10 (A214) |
| 442 | 200442 | 26115055126115 | NGUYỄN THANH        | HÒA  | 31/08/2008 | 26TDH1    | P.10 (A214) |
| 443 | 200443 | 26115075126120 | NGUYỄN THỊ THANH    | HÒA  | 12/04/2008 | 26CNKTHH1 | P.10 (A214) |
| 444 | 200444 | 26115043126110 | PHẠM CÔNG           | HÒA  | 02/11/2008 | 26N1      | P.10 (A214) |
| 445 | 200445 | 26115044126119 | TRẦN XUÂN           | HÒA  | 07/07/2008 | 26CDT1    | P.10 (A214) |
| 446 | 200446 | 26115044126219 | TRỊNH VĂN THÁI      | HÒA  | 12/08/2008 | 26CDT2    | P.10 (A214) |
| 447 | 200447 | 26115054126311 | VÕ MINH             | HÒA  | 17/04/2008 | 26DTVM1   | P.10 (A214) |
| 448 | 200448 | 26115061126318 | BÙI VĂN             | HOÀI | 16/01/2008 | 26XD3     | P.10 (A214) |
| 449 | 200449 | 26115055126215 | NGUYỄN VĂN          | HOÀI | 05/10/2008 | 26TDH2    | P.10 (A214) |
| 450 | 200450 | 26115042126413 | TRẦN PHAN MINH      | HOÀI | 18/11/2008 | 26DLD1    | P.10 (A214) |
| 451 | 200451 | 26115041126114 | LƯU THANH           | HOÀN | 17/06/2008 | 26C1      | P.11 (A218) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |       | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|-----|--------|----------------|---------------------|-------|------------|-----------|-------------|
| 452 | 200452 | 26115044126319 | NGUYỄN TÀI          | HOÀN  | 21/01/2008 | 26CDT3    | P.11 (A218) |
| 453 | 200453 | 26115044126120 | BÙI HỮU             | HOÀNG | 06/05/2008 | 26CDT1    | P.11 (A218) |
| 454 | 200454 | 26115072126107 | BÙI VIỆT            | HOÀNG | 06/03/2008 | 26MT1     | P.11 (A218) |
| 455 | 200455 | 26115067126214 | ĐẶNG VŨ             | HOÀNG | 16/02/2008 | 26KT2     | P.11 (A218) |
| 456 | 200456 | 26115053126316 | ĐỖ NGUYỄN HUY       | HOÀNG | 10/07/2008 | 26T3      | P.11 (A218) |
| 457 | 200457 | 26115041126214 | ĐỖ NGUYỄN NHẬT      | HOÀNG | 06/11/2008 | 26C2      | P.11 (A218) |
| 458 | 200458 | 26115061126119 | ĐỖ TẤN              | HOÀNG | 30/11/2008 | 26XD1     | P.11 (A218) |
| 459 | 200459 | 26115067126115 | ĐOÀN VĂN            | HOÀNG | 05/01/2008 | 26KT1     | P.11 (A218) |
| 460 | 200460 | 26115064126110 | DƯƠNG MINH          | HOÀNG | 30/09/2008 | 26XH1     | P.11 (A218) |
| 461 | 200461 | 26115061126219 | HỒ PHẠM ĐẮC         | HOÀNG | 10/12/2008 | 26XD2     | P.11 (A218) |
| 462 | 200462 | 26115052226213 | HUỲNH ANH NHẬT      | HOÀNG | 23/10/2008 | 26KTD2    | P.11 (A218) |
| 463 | 200463 | 26115044126220 | LÊ                  | HOÀNG | 20/05/2008 | 26CDT2    | P.11 (A218) |
| 464 | 200464 | 26115061126319 | LÊ NGUYỄN MINH      | HOÀNG | 04/01/2008 | 26XD3     | P.11 (A218) |
| 465 | 200465 | 26115063126109 | LÊ NHƯ              | HOÀNG | 19/08/2008 | 26XC1     | P.11 (A218) |
| 466 | 200466 | 26115051226215 | LÊ PHƯỚC TIẾN       | HOÀNG | 04/04/2008 | 26KTD2    | P.11 (A218) |
| 467 | 200467 | 26115042126314 | LÊ TRỊNH HUY        | HOÀNG | 09/07/2008 | 26DL3     | P.11 (A218) |
| 468 | 200468 | 26115042126115 | LÊ VĂN              | HOÀNG | 14/08/2008 | 26DL1     | P.11 (A218) |
| 469 | 200469 | 26115042126215 | LÊ VĂN              | HOÀNG | 25/02/2008 | 26DL2     | P.11 (A218) |
| 470 | 200470 | 26115061126120 | LÊ VĂN              | HOÀNG | 06/02/2008 | 26XD1     | P.11 (A218) |
| 471 | 200471 | 26115075126121 | LÊ VŨ               | HOÀNG | 03/06/2008 | 26CNKTHH1 | P.11 (A218) |
| 472 | 200472 | 26115067126116 | LÊ XUÂN             | HOÀNG | 25/11/2008 | 26KT1     | P.11 (A218) |
| 473 | 200473 | 26115052226114 | NGUYỄN CỬU NHẬT     | HOÀNG | 08/05/2008 | 26KTD2    | P.11 (A218) |
| 474 | 200474 | 26115041126115 | NGUYỄN ĐÌNH VŨ      | HOÀNG | 25/04/2008 | 26C1      | P.11 (A218) |
| 475 | 200475 | 26115041126314 | NGUYỄN DUY          | HOÀNG | 08/08/2008 | 26C3      | P.11 (A218) |
| 476 | 200476 | 26115044126320 | NGUYỄN DUY          | HOÀNG | 04/07/2008 | 26CDT3    | P.11 (A218) |
| 477 | 200477 | 26115071126206 | NGUYỄN HỒNG CÔNG    | HOÀNG | 05/08/2008 | 26VLBD1   | P.11 (A218) |
| 478 | 200478 | 26115042126315 | NGUYỄN HUY          | HOÀNG | 15/12/2008 | 26DL3     | P.11 (A218) |
| 479 | 200479 | 26115054126214 | NGUYỄN HUY          | HOÀNG | 03/05/2008 | 26DT2     | P.11 (A218) |
| 480 | 200480 | 26115055126315 | NGUYỄN HUY          | HOÀNG | 22/07/2008 | 26TDH3    | P.11 (A218) |
| 481 | 200481 | 26115041126215 | NGUYỄN KHẮC         | HOÀNG | 17/09/2008 | 26C2      | P.11 (A218) |
| 482 | 200482 | 26115044126121 | NGUYỄN LÊ           | HOÀNG | 24/07/2008 | 26CDT1    | P.11 (A218) |
| 483 | 200483 | 26115061126320 | NGUYỄN LƯƠNG HUY    | HOÀNG | 29/07/2008 | 26XD3     | P.11 (A218) |
| 484 | 200484 | 26115054126312 | NGUYỄN MINH         | HOÀNG | 06/09/2008 | 26DTVM1   | P.11 (A218) |
| 485 | 200485 | 26115052226214 | NGUYỄN NGỌC         | HOÀNG | 07/08/2008 | 26KTD2    | P.11 (A218) |
| 486 | 200486 | 26115055126116 | NGUYỄN THÍNH        | HOÀNG | 04/05/2008 | 26TDH1    | P.11 (A218) |
| 487 | 200487 | 26115042126414 | NGUYỄN VĂN          | HOÀNG | 09/07/2008 | 26DLD1    | P.11 (A218) |
| 488 | 200488 | 26115063126110 | NGUYỄN VĂN HUY      | HOÀNG | 09/05/2008 | 26XC1     | P.11 (A218) |
| 489 | 200489 | 26115053126217 | PHẠM BÁ HUY         | HOÀNG | 19/01/2008 | 26T2      | P.11 (A218) |
| 490 | 200490 | 26115044126221 | PHẠM HUỲNH HỮU      | HOÀNG | 28/04/2008 | 26CDT2    | P.11 (A218) |
| 491 | 200491 | 26115067126216 | PHẠM LÊ NHẬT        | HOÀNG | 30/09/2006 | 26KT2     | P.11 (A218) |
| 492 | 200492 | 26115043126210 | PHẠM VŨ CÔNG        | HOÀNG | 28/07/2008 | 26N2      | P.11 (A218) |
| 493 | 200493 | 26115061126121 | TÀO VIỆT            | HOÀNG | 21/10/2008 | 26XD1     | P.11 (A218) |
| 494 | 200494 | 26115055126407 | TRÀ DUY             | HOÀNG | 12/05/2008 | 26TDHKT1  | P.11 (A218) |
| 495 | 200495 | 26115044126122 | TRẦN ĐÌNH           | HOÀNG | 28/05/2008 | 26CDT1    | P.11 (A218) |
| 496 | 200496 | 26115061126221 | TRẦN HỮU            | HOÀNG | 27/08/2008 | 26XD2     | P.11 (A218) |
| 497 | 200497 | 26115042126415 | TRẦN HUY            | HOÀNG | 20/07/2008 | 26DLD1    | P.11 (A218) |
| 498 | 200498 | 26115071126207 | TRẦN HUY            | HOÀNG | 29/09/2008 | 26VLBD1   | P.11 (A218) |
| 499 | 200499 | 26115051226116 | TRẦN NGUYỄN DUY     | HOÀNG | 15/12/2008 | 26KTD1    | P.11 (A218) |
| 500 | 200500 | 26115044126222 | TRẦN VĂN            | HOÀNG | 09/10/2008 | 26CDT2    | P.11 (A218) |
| 501 | 200501 | 26115055126216 | TRẦN XUÂN BẢO       | HOÀNG | 02/07/2008 | 26TDH2    | P.12 (A301) |
| 502 | 200502 | 26115044126322 | TRỊNH GIA           | HOÀNG | 26/04/2007 | 26CDT3    | P.12 (A301) |
| 503 | 200503 | 26115071126208 | TRƯƠNG NHẬT         | HOÀNG | 27/07/2008 | 26VLBD1   | P.12 (A301) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |       | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|-----|--------|----------------|---------------------|-------|------------|-----------|-------------|
| 504 | 200504 | 26115044126123 | TRƯƠNG THANH        | HOÀNG | 19/06/2008 | 26CDT1    | P.12 (A301) |
| 505 | 200505 | 26115055126316 | PHAN VĂN            | HỌC   | 12/05/2008 | 26TDH3    | P.12 (A301) |
| 506 | 200506 | 26115042126216 | LÊ TẤN              | HỒNG  | 03/12/2008 | 26DL2     | P.12 (A301) |
| 507 | 200507 | 26115075126122 | ĐÀO TẤN             | HỢP   | 14/05/2008 | 26CNKTHH1 | P.12 (A301) |
| 508 | 200508 | 26115061126321 | VÕ TẤN              | HUÂN  | 14/02/2008 | 26XD3     | P.12 (A301) |
| 509 | 200509 | 26115044126223 | CAO MẠNH            | HÙNG  | 27/03/2008 | 26CDT2    | P.12 (A301) |
| 510 | 200510 | 26115053126317 | HỒ THANH            | HÙNG  | 05/03/2008 | 26T3      | P.12 (A301) |
| 511 | 200511 | 26115043126111 | HOÀNG CÔNG          | HÙNG  | 05/03/2008 | 26N1      | P.12 (A301) |
| 512 | 200512 | 26115055126117 | MAI VIỆT            | HÙNG  | 18/01/2008 | 26TDH1    | P.12 (A301) |
| 513 | 200513 | 26115071126114 | NGUYỄN ĐẠI          | HÙNG  | 03/10/2008 | 26VL1     | P.12 (A301) |
| 514 | 200514 | 26115042126416 | NGUYỄN PHI          | HÙNG  | 16/12/2008 | 26DLD1    | P.12 (A301) |
| 515 | 200515 | 26115055126217 | NGUYỄN PHI          | HÙNG  | 21/11/2008 | 26TDH2    | P.12 (A301) |
| 516 | 200516 | 26115054126215 | TRẦN QUỐC           | HÙNG  | 18/12/2008 | 26DT2     | P.12 (A301) |
| 517 | 200517 | 26115053126320 | BÙI HỮU             | HƯNG  | 20/06/2008 | 26T3      | P.12 (A301) |
| 518 | 200518 | 26115051226120 | BÙI NGỌC            | HƯNG  | 01/01/2008 | 26KTD1    | P.12 (A301) |
| 519 | 200519 | 26115061126325 | CHẾ VIỆT            | HƯNG  | 06/06/2008 | 26XD3     | P.12 (A301) |
| 520 | 200520 | 26115044126325 | ĐẶNG QUANG          | HƯNG  | 05/07/2008 | 26CDT3    | P.12 (A301) |
| 521 | 200521 | 26115051226220 | DƯƠNG LÊ PHÚ        | HƯNG  | 04/04/2008 | 26KTD2    | P.12 (A301) |
| 522 | 200522 | 26115044126126 | HỒ VĂN              | HƯNG  | 29/03/2008 | 26CDT1    | P.12 (A301) |
| 523 | 200523 | 26115055126320 | HOÀNG VIỆT          | HƯNG  | 14/02/2008 | 26TDH3    | P.12 (A301) |
| 524 | 200524 | 26115044126226 | HUỲNH QUANG         | HƯNG  | 28/11/2008 | 26CDT2    | P.12 (A301) |
| 525 | 200525 | 26115053126121 | LÊ BÁ MINH          | HƯNG  | 23/04/2008 | 26T1      | P.12 (A301) |
| 526 | 200526 | 26115073126113 | LÊ GIA              | HƯNG  | 02/02/2008 | 26HTP1    | P.12 (A301) |
| 527 | 200527 | 26115041126318 | LÊ THÀNH            | HƯNG  | 17/10/2008 | 26C3      | P.12 (A301) |
| 528 | 200528 | 26115052226216 | LÊ TRƯƠNG THANH     | HƯNG  | 05/09/2008 | 26KTDT2   | P.12 (A301) |
| 529 | 200529 | 26115054126120 | NGÔ QUANG           | HƯNG  | 18/11/2008 | 26DT1     | P.12 (A301) |
| 530 | 200530 | 26115053126221 | NGUYỄN CÔNG         | HƯNG  | 30/07/2008 | 26T2      | P.12 (A301) |
| 531 | 200531 | 26115073126207 | NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN   | HƯNG  | 03/07/2008 | 26TPSH1   | P.12 (A301) |
| 532 | 200532 | 26115041126119 | NGUYỄN DUY          | HƯNG  | 27/08/2008 | 26C1      | P.12 (A301) |
| 533 | 200533 | 26115041126415 | NGUYỄN GIA          | HƯNG  | 12/04/2008 | 26CMPS1   | P.12 (A301) |
| 534 | 200534 | 26115051226121 | NGUYỄN HỮU          | HƯNG  | 24/11/2008 | 26KTD1    | P.12 (A301) |
| 535 | 200535 | 26115041126219 | NGUYỄN QUỐC         | HƯNG  | 21/07/2008 | 26C2      | P.12 (A301) |
| 536 | 200536 | 26115067126219 | NGUYỄN TẤN          | HƯNG  | 23/09/2008 | 26KT2     | P.12 (A301) |
| 537 | 200537 | 26115041126319 | NGUYỄN VĂN          | HƯNG  | 24/03/2008 | 26C3      | P.12 (A301) |
| 538 | 200538 | 26115041126120 | NGUYỄN VIỆT         | HƯNG  | 20/06/2008 | 26C1      | P.12 (A301) |
| 539 | 200539 | 26115053126321 | PHẠM NGUYỄN         | HƯNG  | 20/11/2008 | 26T3      | P.12 (A301) |
| 540 | 200540 | 26115072126110 | PHẠM PHÚ            | HƯNG  | 29/08/2008 | 26MT1     | P.12 (A301) |
| 541 | 200541 | 26115053126122 | PHẠM THÀNH          | HƯNG  | 21/02/2008 | 26T1      | P.12 (A301) |
| 542 | 200542 | 26115075126126 | PHAN HẢI            | HƯNG  | 23/03/2008 | 26CNKTHH1 | P.12 (A301) |
| 543 | 200543 | 26115044126326 | TRẦN MINH           | HƯNG  | 17/04/2008 | 26CDT3    | P.12 (A301) |
| 544 | 200544 | 26115054126220 | TRẦN PHẠM MỸ        | HƯNG  | 27/05/2004 | 26DT2     | P.12 (A301) |
| 545 | 200545 | 26115052226117 | VÕ MINH VIỆT        | HƯNG  | 06/07/2008 | 26KTDT1   | P.12 (A301) |
| 546 | 200546 | 26115053126222 | CAO NGUYỄN LAN      | HƯNG  | 08/08/2008 | 26T2      | P.12 (A301) |
| 547 | 200547 | 26115073126114 | HÀ QUỲNH            | HƯNG  | 06/08/2008 | 26HTP1    | P.12 (A301) |
| 548 | 200548 | 26115041126121 | LƯU VĂN             | HỮU   | 28/02/2008 | 26C1      | P.12 (A301) |
| 549 | 200549 | 26115041126221 | NGUYỄN THANH        | HỮU   | 20/04/2008 | 26C2      | P.12 (A301) |
| 550 | 200550 | 26115052226217 | NGUYỄN VĂN          | HỮU   | 25/03/2008 | 26KTDT2   | P.12 (A301) |
| 551 | 200551 | 26115042126512 | PHAN ĐÌNH NGUYỄN    | HỮU   | 24/06/2008 | 26DLKT1   | P.13 (A302) |
| 552 | 200552 | 26115055126317 | BÙI ĐOÀN MINH       | HUY   | 09/11/2008 | 26TDH3    | P.13 (A302) |
| 553 | 200553 | 26115067126117 | BÙI GIA             | HUY   | 26/11/2008 | 26KT1     | P.13 (A302) |
| 554 | 200554 | 26115053126118 | BÙI NGUYỄN VĂN      | HUY   | 24/08/2008 | 26T1      | P.13 (A302) |
| 555 | 200555 | 26115041126116 | BÙI QUỐC            | HUY   | 23/07/2008 | 26C1      | P.13 (A302) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên    | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|-----|--------|----------------|------------------------|------------|-----------|-------------|
| 556 | 200556 | 26115054126116 | BÙI QUỐC HUY           | 27/08/2008 | 26DT1     | P.13 (A302) |
| 557 | 200557 | 26115053126218 | ĐẶNG KHÁNH HUY         | 09/10/2008 | 26T2      | P.13 (A302) |
| 558 | 200558 | 26115061126222 | ĐẶNG QUANG HUY         | 15/06/2008 | 26XD2     | P.13 (A302) |
| 559 | 200559 | 26115044126323 | ĐÀO SỸ QUANG HUY       | 02/12/2008 | 26CDT3    | P.13 (A302) |
| 560 | 200560 | 26115051226216 | ĐẬU QUANG HUY          | 07/05/2008 | 26KTD2    | P.13 (A302) |
| 561 | 200561 | 26115061126322 | ĐINH CÔNG HUY          | 30/05/2008 | 26XD3     | P.13 (A302) |
| 562 | 200562 | 26115053126318 | ĐINH GIA HUY           | 30/10/2008 | 26T3      | P.13 (A302) |
| 563 | 200563 | 26115042126117 | ĐỖ ĐÌNH HUY            | 18/12/2008 | 26DL1     | P.13 (A302) |
| 564 | 200564 | 26115075126123 | ĐỖ QUỐC HUY            | 28/03/2008 | 26CNKTHH1 | P.13 (A302) |
| 565 | 200565 | 26115054126117 | ĐỖ VĂN HUY             | 05/12/2008 | 26DT1     | P.13 (A302) |
| 566 | 200566 | 26115061126122 | DƯƠNG GIA HUY          | 02/06/2008 | 26XD1     | P.13 (A302) |
| 567 | 200567 | 26115055126118 | DƯƠNG QUANG HUY        | 02/07/2008 | 26TDH1    | P.13 (A302) |
| 568 | 200568 | 26115064126112 | HÀ NGỌC HUY            | 09/08/2008 | 26XH1     | P.13 (A302) |
| 569 | 200569 | 26115055126318 | HỒ GIA HUY             | 25/09/2008 | 26TDH3    | P.13 (A302) |
| 570 | 200570 | 26115051226217 | HUỖNH ĐỨC HUY          | 22/12/2008 | 26KTD2    | P.13 (A302) |
| 571 | 200571 | 26115042126217 | HUỖNH NGUYỄN AN HUY    | 20/04/2008 | 26DL2     | P.13 (A302) |
| 572 | 200572 | 26115041126413 | LÂM GIA HUY            | 20/07/2008 | 26CMPS1   | P.13 (A302) |
| 573 | 200573 | 26115054126217 | LÊ HUY                 | 15/04/2008 | 26DT2     | P.13 (A302) |
| 574 | 200574 | 26115072126108 | LÊ CÔNG NHẬT HUY       | 01/07/2008 | 26MT1     | P.13 (A302) |
| 575 | 200575 | 26115041126216 | LÊ HỮU GIA HUY         | 13/11/2008 | 26C2      | P.13 (A302) |
| 576 | 200576 | 26115064126113 | LÊ PHAN GIA HUY        | 27/04/2008 | 26XH1     | P.13 (A302) |
| 577 | 200577 | 26115061126123 | LÊ QUỐC HUY            | 28/05/2008 | 26XD1     | P.13 (A302) |
| 578 | 200578 | 26115054126118 | LƯU QUỐC HUY           | 19/10/2008 | 26DT1     | P.13 (A302) |
| 579 | 200579 | 26115055126119 | MAI THANH HUY          | 09/08/2008 | 26TDH1    | P.13 (A302) |
| 580 | 200580 | 26115061126223 | NGUYỄN BÁ HUY          | 09/02/2008 | 26XD2     | P.13 (A302) |
| 581 | 200581 | 26115041126316 | NGUYỄN CÔNG HUY        | 18/03/2008 | 26C3      | P.13 (A302) |
| 582 | 200582 | 26115051226118 | NGUYỄN CÔNG HUY        | 01/02/2008 | 26KTD1    | P.13 (A302) |
| 583 | 200583 | 26115044126168 | NGUYỄN CÔNG QUỐC HUY   | 14/02/2008 | 26CDT1    | P.13 (A302) |
| 584 | 200584 | 26115067126217 | NGUYỄN GIA HUY         | 10/05/2008 | 26KT2     | P.13 (A302) |
| 585 | 200585 | 26115055126219 | NGUYỄN HỮU HUY         | 09/11/2008 | 26TDH2    | P.13 (A302) |
| 586 | 200586 | 26115067126118 | NGUYỄN NHẬT HUY        | 24/07/2008 | 26KT1     | P.13 (A302) |
| 587 | 200587 | 26115053126319 | NGUYỄN PHAN MINH HUY   | 27/11/2008 | 26T3      | P.13 (A302) |
| 588 | 200588 | 26115043126112 | NGUYỄN PHƯƠNG HUY      | 30/01/2007 | 26N1      | P.13 (A302) |
| 589 | 200589 | 26115054126218 | NGUYỄN QUANG HUY       | 18/05/2008 | 26DT2     | P.13 (A302) |
| 590 | 200590 | 26115041126217 | NGUYỄN QUỐC HUY        | 05/04/2008 | 26C2      | P.13 (A302) |
| 591 | 200591 | 26115055126120 | NGUYỄN TẤN HUY         | 11/12/2008 | 26TDH1    | P.14 (A303) |
| 592 | 200592 | 26115053126120 | NGUYỄN THANH KHÁNH HUY | 20/11/2008 | 26T1      | P.14 (A303) |
| 593 | 200593 | 26115041126317 | NGUYỄN TRẦN GIA HUY    | 19/04/2008 | 26C3      | P.14 (A303) |
| 594 | 200594 | 26115042126317 | NGUYỄN VĂN HUY         | 14/11/2008 | 26DL3     | P.14 (A303) |
| 595 | 200595 | 26115061126124 | NGUYỄN VĂN NHẬT HUY    | 15/09/2008 | 26XD1     | P.14 (A303) |
| 596 | 200596 | 26115042126118 | NGUYỄN VIỆT HUY        | 27/02/2008 | 26DL1     | P.14 (A303) |
| 597 | 200597 | 26115061126224 | NGUYỄN VIỆT HUY        | 07/02/2008 | 26XD2     | P.14 (A303) |
| 598 | 200598 | 26115061126324 | NGUYỄN XUÂN HUY        | 19/08/2008 | 26XD3     | P.14 (A303) |
| 599 | 200599 | 26115041126118 | PHẠM ĐÌNH QUỐC HUY     | 26/10/2008 | 26C1      | P.14 (A303) |
| 600 | 200600 | 26115051226218 | PHẠM GIA HUY           | 04/11/2008 | 26KTD2    | P.14 (A303) |
| 601 | 200601 | 26115041126218 | PHẠM NGỌC HUY          | 02/05/2008 | 26C2      | P.14 (A303) |
| 602 | 200602 | 26115071126115 | PHẠM THÀNH HUY         | 01/08/2008 | 26VL1     | P.14 (A303) |
| 603 | 200603 | 26115042126218 | PHẠM TÔN GIA HUY       | 02/04/2007 | 26DL2     | P.14 (A303) |
| 604 | 200604 | 26115052226115 | PHAN HỮU HUY           | 06/09/2008 | 26KTD1    | P.14 (A303) |
| 605 | 200605 | 26115054126119 | PHAN NGỌC HUY          | 24/07/2008 | 26DT1     | P.14 (A303) |
| 606 | 200606 | 26115044126324 | PHAN NGUYỄN HUY        | 01/11/2008 | 26CDT3    | P.14 (A303) |
| 607 | 200607 | 26115067126218 | PHAN QUANG HUY         | 25/05/2008 | 26KT2     | P.14 (A303) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |       | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|-----|--------|----------------|---------------------|-------|------------|-----------|-------------|
| 608 | 200608 | 26115052226215 | THÁI TĂNG           | HUY   | 03/03/2008 | 26KTD2    | P.14 (A303) |
| 609 | 200609 | 26115067126119 | TIÊU ĐÌNH           | HUY   | 07/07/2008 | 26KT1     | P.14 (A303) |
| 610 | 200610 | 26115044126125 | TRẦN                | HUY   | 14/04/2008 | 26CDT1    | P.14 (A303) |
| 611 | 200611 | 26115051226119 | TRẦN ĐĂNG GIA       | HUY   | 02/03/2008 | 26KTD1    | P.14 (A303) |
| 612 | 200612 | 26115055126220 | TRẦN ĐÌNH QUỐC      | HUY   | 02/10/2008 | 26TDH2    | P.14 (A303) |
| 613 | 200613 | 26115051226219 | TRẦN HỒ NHẬT        | HUY   | 15/07/2008 | 26KTD2    | P.14 (A303) |
| 614 | 200614 | 26115061126125 | TRẦN KHẮC           | HUY   | 11/12/2008 | 26XD1     | P.14 (A303) |
| 615 | 200615 | 26115054126219 | TRẦN NGUYỄN GIA     | HUY   | 23/02/2008 | 26DT2     | P.14 (A303) |
| 616 | 200616 | 26115044126225 | TRẦN VĂN            | HUY   | 18/04/2008 | 26CDT2    | P.14 (A303) |
| 617 | 200617 | 26115042126417 | TRẦN VĂN            | HUY   | 17/08/2008 | 26DLD1    | P.14 (A303) |
| 618 | 200618 | 26115041126414 | TRỊNH XUÂN          | HUY   | 29/07/2008 | 26CMPS1   | P.14 (A303) |
| 619 | 200619 | 26115042126418 | TRƯƠNG BẢO          | HUY   | 19/01/2008 | 26DLD1    | P.14 (A303) |
| 620 | 200620 | 26115042126318 | TRƯƠNG QUANG        | HUY   | 30/06/2008 | 26DL3     | P.14 (A303) |
| 621 | 200621 | 26115053126220 | TRƯƠNG THẾ QUỐC     | HUY   | 15/05/2008 | 26T2      | P.14 (A303) |
| 622 | 200622 | 26115043126114 | VĂN NGỌC            | HUY   | 29/10/2008 | 26N1      | P.14 (A303) |
| 623 | 200623 | 26115061126225 | VÕ XUÂN             | HUY   | 09/09/2008 | 26XD2     | P.14 (A303) |
| 624 | 200624 | 26115052226116 | VŨ THẾ              | HUY   | 29/04/2008 | 26KTD1    | P.14 (A303) |
| 625 | 200625 | 26115073126206 | PHẠM HUỲNH          | HUYỀN | 11/02/2008 | 26TPSH1   | P.14 (A303) |
| 626 | 200626 | 26115071126209 | HUỲNH THỊ NGỌC      | HUYỀN | 18/10/2008 | 26VLBD1   | P.14 (A303) |
| 627 | 200627 | 26115073126112 | LÊ MỸ               | HUYỀN | 11/11/2008 | 26HTP1    | P.14 (A303) |
| 628 | 200628 | 26115075126125 | PHAN THÚY           | HUYỀN | 27/10/2008 | 26CNKTHH1 | P.14 (A303) |
| 629 | 200629 | 26115071126210 | BÙI VĂN             | KHA   | 16/02/2008 | 26VLBD1   | P.14 (A303) |
| 630 | 200630 | 26115073126115 | LÊ MINH             | KHA   | 04/12/2008 | 26HTP1    | P.14 (A303) |
| 631 | 200631 | 26115044126127 | LÊ VĂN              | KHA   | 29/07/2008 | 26CDT1    | P.15 (A304) |
| 632 | 200632 | 26115041126416 | NGUYỄN ANH          | KHA   | 21/04/2008 | 26CMPS1   | P.15 (A304) |
| 633 | 200633 | 26115067126120 | NGUYỄN ĐỨC          | KHA   | 17/03/2008 | 26KT1     | P.15 (A304) |
| 634 | 200634 | 26115042126319 | NGUYỄN LƯƠNG        | KHA   | 20/11/2008 | 26DL3     | P.15 (A304) |
| 635 | 200635 | 26115052226118 | NGUYỄN VŨ ANH       | KHA   | 12/02/2008 | 26KTD1    | P.15 (A304) |
| 636 | 200636 | 26115061126126 | TRẦN TÙNG           | KHA   | 30/09/2008 | 26XD1     | P.15 (A304) |
| 637 | 200637 | 26115041126417 | VĂN TẤN LÊ          | KHA   | 09/09/2008 | 26CMPS1   | P.15 (A304) |
| 638 | 200638 | 26115041126418 | VŨ THẾ              | KHA   | 20/11/2008 | 26CMPS1   | P.15 (A304) |
| 639 | 200639 | 26115073126208 | LÊ THANH            | KHAI  | 27/04/2008 | 26TPSH1   | P.15 (A304) |
| 640 | 200640 | 26115041126419 | HÀ NGỌC             | KHẢI  | 20/05/2008 | 26CMPS1   | P.15 (A304) |
| 641 | 200641 | 26115041126321 | HỒ HUỲNH ĐẮC        | KHẢI  | 12/03/2008 | 26C3      | P.15 (A304) |
| 642 | 200642 | 26115041126122 | HỒ QUANG            | KHẢI  | 08/11/2008 | 26C1      | P.15 (A304) |
| 643 | 200643 | 26115061126226 | HUỲNH               | KHẢI  | 03/12/2008 | 26XD2     | P.15 (A304) |
| 644 | 200644 | 26115042126513 | NGUYỄN MINH         | KHẢI  | 21/11/2008 | 26DLKT1   | P.15 (A304) |
| 645 | 200645 | 26115042126419 | NGUYỄN VĂN          | KHẢI  | 22/10/2007 | 26DLD1    | P.15 (A304) |
| 646 | 200646 | 26115041126420 | PHẠM NGỌC QUANG     | KHẢI  | 11/03/2008 | 26CMPS1   | P.15 (A304) |
| 647 | 200647 | 26115042126120 | PHAN ĐÌNH           | KHẢI  | 17/05/2008 | 26DL1     | P.15 (A304) |
| 648 | 200648 | 26115043126214 | TĂNG VĂN            | KHẢI  | 30/05/2008 | 26N2      | P.15 (A304) |
| 649 | 200649 | 26115053126123 | TRƯƠNG ĐÌNH         | KHẢI  | 01/05/2007 | 26T1      | P.15 (A304) |
| 650 | 200650 | 26115053126223 | BÙI GIA             | KHANG | 18/01/2008 | 26T2      | P.15 (A304) |
| 651 | 200651 | 26115043126115 | ĐÀM LONG            | KHANG | 07/07/2008 | 26N1      | P.15 (A304) |
| 652 | 200652 | 26115051226221 | ĐỖ MINH             | KHANG | 06/02/2008 | 26KTD2    | P.15 (A304) |
| 653 | 200653 | 26115044126227 | ĐỖ NHẬT             | KHANG | 18/08/2008 | 26CDT2    | P.15 (A304) |
| 654 | 200654 | 26115042126514 | ĐỖ THẾ DƯƠNG        | KHANG | 19/01/2008 | 26DLKT1   | P.15 (A304) |
| 655 | 200655 | 26115054126121 | HOÀNG NGUYỄN        | KHANG | 19/10/2008 | 26DT1     | P.15 (A304) |
| 656 | 200656 | 26115053126323 | LÊ MINH             | KHANG | 24/11/2008 | 26T3      | P.15 (A304) |
| 657 | 200657 | 26115042126121 | NGUYỄN TÀI BẢO      | KHANG | 14/11/2008 | 26DL1     | P.15 (A304) |
| 658 | 200658 | 26115063126111 | NGUYỄN VIỆT         | KHANG | 30/11/2008 | 26XC1     | P.15 (A304) |
| 659 | 200659 | 26115071126117 | NGUYỄN VŨ MINH      | KHANG | 06/07/2008 | 26VL1     | P.15 (A304) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |       | Ngày sinh  | Lớp SH  | Phòng       |
|-----|--------|----------------|---------------------|-------|------------|---------|-------------|
| 660 | 200660 | 26115044126327 | TRẦN CÔNG VĂN       | KHANG | 14/06/2008 | 26CDT3  | P.15 (A304) |
| 661 | 200661 | 26115055126121 | TRẦN DUY            | KHANG | 12/07/2008 | 26TDH1  | P.15 (A304) |
| 662 | 200662 | 26115041126421 | TRẦN NGỌC           | KHANG | 05/06/2008 | 26CMPS1 | P.15 (A304) |
| 663 | 200663 | 26115041126422 | TRẦN NGUYỄN HOÀNG   | KHANG | 15/01/2008 | 26CMPS1 | P.15 (A304) |
| 664 | 200664 | 26115041126423 | TRẦN XUÂN           | KHANG | 18/08/2008 | 26CMPS1 | P.15 (A304) |
| 665 | 200665 | 26115051226122 | HỒ TRẦN BẢO         | KHANH | 13/12/2008 | 26KTD1  | P.15 (A304) |
| 666 | 200666 | 26115042126420 | LÊ THỌ              | KHANH | 31/10/2008 | 26DLD1  | P.15 (A304) |
| 667 | 200667 | 26115073126209 | PHAN TRỊNH VƯƠNG NI | KHANH | 20/10/2008 | 26TPSH1 | P.15 (A304) |
| 668 | 200668 | 26115042126221 | ĐÌNH GIA            | KHÁNH | 25/08/2008 | 26DL2   | P.15 (A304) |
| 669 | 200669 | 26115044126128 | LÊ DUY              | KHÁNH | 09/02/2008 | 26CDT1  | P.15 (A304) |
| 670 | 200670 | 26115054126315 | LÊ NGUYỄN QUỐC      | KHÁNH | 25/05/2008 | 26DTVM1 | P.15 (A304) |
| 671 | 200671 | 26115055126221 | LÊ QUỐC             | KHÁNH | 04/03/2008 | 26TDH2  | P.15 (A304) |
| 672 | 200672 | 26115041126123 | NGÔ                 | KHÁNH | 27/08/2008 | 26C1    | P.15 (A304) |
| 673 | 200673 | 26115052226218 | NGUYỄN ĐĂNG         | KHÁNH | 17/03/2008 | 26KTD2  | P.15 (A304) |
| 674 | 200674 | 26115067126220 | NGUYỄN GIA          | KHÁNH | 14/07/2008 | 26KT2   | P.15 (A304) |
| 675 | 200675 | 26115051226222 | NGUYỄN HOÀNG GIA    | KHÁNH | 09/03/2008 | 26KTD2  | P.15 (A304) |
| 676 | 200676 | 26115041126223 | NGUYỄN NGỌC NHẤT    | KHÁNH | 17/09/2008 | 26C2    | P.16 (A305) |
| 677 | 200677 | 26115044126228 | NGUYỄN QUỐC         | KHÁNH | 30/09/2008 | 26CDT2  | P.16 (A305) |
| 678 | 200678 | 26115061126227 | NGUYỄN VĂN          | KHÁNH | 12/10/2008 | 26XD2   | P.16 (A305) |
| 679 | 200679 | 26115044126328 | NGUYỄN VĂN QUỐC     | KHÁNH | 02/09/2008 | 26CDT3  | P.16 (A305) |
| 680 | 200680 | 26115052226119 | PHẠM DUY            | KHÁNH | 25/05/2007 | 26KTD2  | P.16 (A305) |
| 681 | 200681 | 26115042126321 | PHẠM PHÚ            | KHÁNH | 15/11/2008 | 26DL3   | P.16 (A305) |
| 682 | 200682 | 26115053126224 | THÁI NAM            | KHÁNH | 22/03/2008 | 26T2    | P.16 (A305) |
| 683 | 200683 | 26115041126323 | TÔN NGỌC            | KHÁNH | 15/02/2008 | 26C3    | P.16 (A305) |
| 684 | 200684 | 26115043126116 | TRẦN                | KHÁNH | 08/01/2008 | 26N1    | P.16 (A305) |
| 685 | 200685 | 26115044126129 | TRẦN ANH            | KHÁNH | 27/10/2008 | 26CDT1  | P.16 (A305) |
| 686 | 200686 | 26115061126327 | TRẦN ĐÌNH           | KHÁNH | 16/09/2008 | 26XD3   | P.16 (A305) |
| 687 | 200687 | 26115044126229 | VƯƠNG NGỌC          | KHÁNH | 01/06/2008 | 26CDT2  | P.16 (A305) |
| 688 | 200688 | 26115054126221 | HOÀNG GIA           | KHIÊM | 09/02/2008 | 26DT2   | P.16 (A305) |
| 689 | 200689 | 26115043126216 | HUỶNH CHÁNH         | KHIÊM | 15/12/2008 | 26N2    | P.16 (A305) |
| 690 | 200690 | 26115067126121 | PHẠM NGỌC LÊ        | KHIÊM | 11/09/2008 | 26KT1   | P.16 (A305) |
| 691 | 200691 | 26115073126210 | CAO NGUYỄN ANH      | KHOA  | 12/01/2008 | 26TPSH1 | P.16 (A305) |
| 692 | 200692 | 26115043126117 | ĐĂNG NGỌC ANH       | KHOA  | 04/04/2008 | 26N1    | P.16 (A305) |
| 693 | 200693 | 26115053126324 | ĐÌNH NGỌC ANH       | KHOA  | 12/10/2008 | 26T3    | P.16 (A305) |
| 694 | 200694 | 26115067126221 | ĐOÀN THANH          | KHOA  | 25/02/2008 | 26KT2   | P.16 (A305) |
| 695 | 200695 | 26115071126118 | DƯƠNG NGỌC ĐĂNG     | KHOA  | 15/01/2007 | 26VL1   | P.16 (A305) |
| 696 | 200696 | 26115041126424 | HOÀNG HỮU BẢO       | KHOA  | 12/08/2008 | 26CMPS1 | P.16 (A305) |
| 697 | 200697 | 26115061126128 | LÊ ANH              | KHOA  | 14/06/2008 | 26XD1   | P.16 (A305) |
| 698 | 200698 | 26115055126222 | LÊ NGỌC ANH         | KHOA  | 05/11/2008 | 26TDH2  | P.16 (A305) |
| 699 | 200699 | 26115053126125 | LÊ PHẠM ANH         | KHOA  | 13/05/2008 | 26T1    | P.16 (A305) |
| 700 | 200700 | 26115071126212 | NGÔ XUÂN            | KHOA  | 05/01/2008 | 26VLBD1 | P.16 (A305) |
| 701 | 200701 | 26115041126425 | NGUYỄN ANH          | KHOA  | 21/10/2008 | 26CMPS1 | P.16 (A305) |
| 702 | 200702 | 26115051226123 | NGUYỄN ANH          | KHOA  | 29/05/2008 | 26KTD1  | P.16 (A305) |
| 703 | 200703 | 26115061126228 | NGUYỄN ANH          | KHOA  | 24/01/2008 | 26XD2   | P.16 (A305) |
| 704 | 200704 | 26115054126122 | NGUYỄN ĐĂNG         | KHOA  | 31/03/2008 | 26DT1   | P.16 (A305) |
| 705 | 200705 | 26115055126322 | NGUYỄN ĐĂNG         | KHOA  | 07/05/2008 | 26TDH3  | P.16 (A305) |
| 706 | 200706 | 26115041126224 | NGUYỄN MINH         | KHOA  | 31/08/2008 | 26C2    | P.16 (A305) |
| 707 | 200707 | 26115044126130 | NGUYỄN NHẬT ANH     | KHOA  | 06/06/2008 | 26CDT1  | P.16 (A305) |
| 708 | 200708 | 26115064126116 | NGUYỄN QUANG DUY    | KHOA  | 21/08/2008 | 26XH1   | P.16 (A305) |
| 709 | 200709 | 26115041126324 | NGUYỄN TẤT ANH      | KHOA  | 17/04/2008 | 26C3    | P.16 (A305) |
| 710 | 200710 | 26115055126223 | NGUYỄN VĂN BẢO      | KHOA  | 03/05/2008 | 26TDH2  | P.16 (A305) |
| 711 | 200711 | 26115055126323 | PHẠM ANH            | KHOA  | 25/01/2008 | 26TDH3  | P.16 (A305) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |        | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|-----|--------|----------------|---------------------|--------|------------|-----------|-------------|
| 712 | 200712 | 26115044126230 | PHẠM TẤN            | KHOA   | 09/04/2008 | 26CDT2    | P.16 (A305) |
| 713 | 200713 | 26115044126330 | TRẦN ĐĂNG           | KHOA   | 14/11/2008 | 26CDT3    | P.16 (A305) |
| 714 | 200714 | 26115043126217 | TRẦN ĐĂNG           | KHOA   | 11/05/2008 | 26N2      | P.16 (A305) |
| 715 | 200715 | 26115064126117 | TRẦN MINH           | KHOA   | 02/02/2008 | 26XH1     | P.16 (A305) |
| 716 | 200716 | 26115052226219 | VÕ ANH              | KHOA   | 09/11/2008 | 26KTD2    | P.16 (A305) |
| 717 | 200717 | 26115044126131 | VÕ CÔNG ANH         | KHOA   | 30/11/2008 | 26CDT1    | P.16 (A305) |
| 718 | 200718 | 26115061126328 | VÕ ĐĂNG             | KHOA   | 28/03/2008 | 26XD3     | P.16 (A305) |
| 719 | 200719 | 26115053126225 | DƯƠNG CHÍ ĐĂNG      | KHÔI   | 27/01/2008 | 26T2      | P.16 (A305) |
| 720 | 200720 | 26115054126223 | HOÀNG NGỌC ANH      | KHÔI   | 06/08/2008 | 26DT2     | P.16 (A305) |
| 721 | 200721 | 26115041126125 | LÊ MINH             | KHÔI   | 13/03/2008 | 26C1      | P.16 (A305) |
| 722 | 200722 | 26115055126124 | LÊ TRỌNG NGUYỄN     | KHÔI   | 21/10/2008 | 26TDH1    | P.16 (A305) |
| 723 | 200723 | 26115061126129 | NGÔ MINH            | KHÔI   | 14/01/2008 | 26XD1     | P.16 (A305) |
| 724 | 200724 | 26115044126231 | NGUYỄN ĐẶNG TUẤN    | KHÔI   | 14/08/2008 | 26CDT2    | P.16 (A305) |
| 725 | 200725 | 26115067126222 | NGUYỄN MINH         | KHÔI   | 11/08/2008 | 26KT2     | P.16 (A305) |
| 726 | 200726 | 26115061126229 | NGUYỄN MINH         | KHÔI   | 09/05/2008 | 26XD2     | P.17 (A306) |
| 727 | 200727 | 26115055126224 | NGUYỄN TUẤN         | KHÔI   | 05/09/2008 | 26TDH2    | P.17 (A306) |
| 728 | 200728 | 26115055126324 | PHẠM ĐĂNG           | KHÔI   | 23/04/2008 | 26TDH3    | P.17 (A306) |
| 729 | 200729 | 26115053126226 | TRẦN ANH            | KHÔI   | 26/08/2008 | 26T2      | P.17 (A306) |
| 730 | 200730 | 26115052226120 | TRẦN DUY            | KHÔI   | 10/12/2008 | 26KTD1    | P.17 (A306) |
| 731 | 200731 | 26115044126331 | TRẦN NHẬT           | KHÔI   | 06/05/2008 | 26CDT3    | P.17 (A306) |
| 732 | 200732 | 26115042126515 | NGUYỄN HỮU          | KHƯƠNG | 01/01/2008 | 26DLKT1   | P.17 (A306) |
| 733 | 200733 | 26115052226220 | ĐÀM TRUNG           | KIÊN   | 28/08/2008 | 26KTD2    | P.17 (A306) |
| 734 | 200734 | 26115055126125 | ĐẶNG TRUNG          | KIÊN   | 08/11/2008 | 26TDH1    | P.17 (A306) |
| 735 | 200735 | 26115051226124 | DƯƠNG CÔNG HOÀNG    | KIÊN   | 16/10/2008 | 26KTD1    | P.17 (A306) |
| 736 | 200736 | 26115042126421 | DƯƠNG HOÀNG         | KIÊN   | 01/04/2008 | 26DL1     | P.17 (A306) |
| 737 | 200737 | 26115044126132 | HOÀNG CHÍ           | KIÊN   | 10/01/2008 | 26CDT1    | P.17 (A306) |
| 738 | 200738 | 26115067126223 | LÊ TRUNG            | KIÊN   | 26/09/2008 | 26KT2     | P.17 (A306) |
| 739 | 200739 | 26115054126124 | NGÔ NGUYỄN TRUNG    | KIÊN   | 17/07/2008 | 26DT1     | P.17 (A306) |
| 740 | 200740 | 26115063126113 | NGUYỄN TRUNG        | KIÊN   | 13/08/2008 | 26XC1     | P.17 (A306) |
| 741 | 200741 | 26115042126123 | NGUYỄN VĂN          | KIÊN   | 08/09/2008 | 26DL1     | P.17 (A306) |
| 742 | 200742 | 26115053126326 | PHẠM TRƯỜNG         | KIÊN   | 07/10/2008 | 26T3      | P.17 (A306) |
| 743 | 200743 | 26115051226224 | BÙI ANH             | KIỆT   | 12/03/2008 | 26KTD2    | P.17 (A306) |
| 744 | 200744 | 26115064126118 | ĐINH CHỈ TUẤN       | KIỆT   | 14/05/2008 | 26XH1     | P.17 (A306) |
| 745 | 200745 | 26115041126325 | ĐỖ ANH              | KIỆT   | 07/10/2008 | 26C3      | P.17 (A306) |
| 746 | 200746 | 26115042126223 | ĐỖ ĐĂNG             | KIỆT   | 07/12/2008 | 26DL2     | P.17 (A306) |
| 747 | 200747 | 26115052226121 | DƯƠNG DANH THIÊN    | KIỆT   | 20/02/2008 | 26KTD1    | P.17 (A306) |
| 748 | 200748 | 26115053126127 | HÀ PHÚC ANH         | KIỆT   | 28/03/2008 | 26T1      | P.17 (A306) |
| 749 | 200749 | 26115041126126 | HỒ TUẤN             | KIỆT   | 08/07/2008 | 26C1      | P.17 (A306) |
| 750 | 200750 | 26115055126225 | HOÀNG HỮU ANH       | KIỆT   | 18/10/2008 | 26TDH2    | P.17 (A306) |
| 751 | 200751 | 26115052226221 | HOÀNG TUẤN          | KIỆT   | 25/02/2008 | 26KTD2    | P.17 (A306) |
| 752 | 200752 | 26115075126127 | HUỲNH QUỐC          | KIỆT   | 15/01/2008 | 26CNKTHH1 | P.17 (A306) |
| 753 | 200753 | 26115061126329 | KIỀU TUẤN           | KIỆT   | 14/12/2008 | 26XD3     | P.17 (A306) |
| 754 | 200754 | 26115061126130 | LÊ DUY QUỐC         | KIỆT   | 17/06/2008 | 26XD1     | P.17 (A306) |
| 755 | 200755 | 26115052226122 | LÊ THỪA ANH         | KIỆT   | 31/05/2008 | 26KTD1    | P.17 (A306) |
| 756 | 200756 | 26115041126226 | LÝ VĂN              | KIỆT   | 14/02/2008 | 26C2      | P.17 (A306) |
| 757 | 200757 | 26115044126232 | NGÔ ANH             | KIỆT   | 07/10/2008 | 26CDT2    | P.17 (A306) |
| 758 | 200758 | 26115042126323 | NGÔ ANH             | KIỆT   | 29/10/2008 | 26DL3     | P.17 (A306) |
| 759 | 200759 | 26115054126316 | NGÔ TẤN ANH         | KIỆT   | 20/12/2008 | 26DTVM1   | P.17 (A306) |
| 760 | 200760 | 26115055126409 | NGUYỄN LƯU VẠN      | KIỆT   | 12/07/2008 | 26TDHKT1  | P.17 (A306) |
| 761 | 200761 | 26115053126227 | NGUYỄN PHƯỚC ANH    | KIỆT   | 08/12/2008 | 26T2      | P.17 (A306) |
| 762 | 200762 | 26115061126230 | TRẦN ANH            | KIỆT   | 16/06/2008 | 26XD2     | P.17 (A306) |
| 763 | 200763 | 26115041126326 | TRẦN GIA            | KIỆT   | 10/01/2008 | 26C3      | P.17 (A306) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |      | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|-----|--------|----------------|---------------------|------|------------|-----------|-------------|
| 764 | 200764 | 26115043126218 | TRẦN HÀ             | KIỆT | 27/02/2008 | 26N2      | P.17 (A306) |
| 765 | 200765 | 26115041126127 | VÕ DUY              | KIỆT | 28/06/2008 | 26C1      | P.17 (A306) |
| 766 | 200766 | 26115073126116 | NGUYỄN PHAN ÁNH     | KIỀU | 30/12/2008 | 26HTP1    | P.17 (A306) |
| 767 | 200767 | 26115073126117 | NGUYỄN THỊ VÂN      | KIỀU | 04/07/2008 | 26HTP1    | P.17 (A306) |
| 768 | 200768 | 26115075126128 | HUỖNH HOÀNG GIA     | KING | 15/11/2008 | 26CNKTHH1 | P.17 (A306) |
| 769 | 200769 | 26115073126211 | NGUYỄN NHẬT         | KING | 14/12/2008 | 26TPSH1   | P.17 (A306) |
| 770 | 200770 | 26115141126104 | NGUYỄN PHAN GIA     | KÍNH | 11/09/2008 | 26SP1     | P.17 (A306) |
| 771 | 200771 | 26115053126327 | LÊ HÀ MAI           | KƠN  | 02/04/2008 | 26T3      | P.18 (A307) |
| 772 | 200772 | 26115054126224 | DƯƠNG CAO           | KỶ   | 14/06/2008 | 26DT2     | P.18 (A307) |
| 773 | 200773 | 26115041126227 | NGÔ QUANG           | KỶ   | 04/05/2008 | 26C2      | P.18 (A307) |
| 774 | 200774 | 26115044126233 | TRẦN VĨNH           | KỶ   | 15/12/2008 | 26CDT2    | P.18 (A307) |
| 775 | 200775 | 26115042126124 | ĐẶNG QUỐC           | LAI  | 05/06/2008 | 26DL1     | P.18 (A307) |
| 776 | 200776 | 26115071126213 | CHÂU VĂN            | LAM  | 30/07/2008 | 26VLBD1   | P.18 (A307) |
| 777 | 200777 | 26115043126119 | BÙI PHƯƠNG          | LÂM  | 22/06/2008 | 26N1      | P.18 (A307) |
| 778 | 200778 | 26115063126114 | ĐẶNG VĂN THÁI       | LÂM  | 26/09/2008 | 26XC1     | P.18 (A307) |
| 779 | 200779 | 26115044126333 | DOÃN VÕ TÙNG        | LÂM  | 11/04/2008 | 26CDT3    | P.18 (A307) |
| 780 | 200780 | 26115061126231 | DƯƠNG VĂN           | LÂM  | 22/08/2008 | 26XD2     | P.18 (A307) |
| 781 | 200781 | 26115043126219 | HỨA HÙNG            | LÂM  | 22/05/2008 | 26N2      | P.18 (A307) |
| 782 | 200782 | 26115061126331 | HUỖNH BÁ HOÀNG      | LÂM  | 15/10/2008 | 26XD3     | P.18 (A307) |
| 783 | 200783 | 26115061126132 | LÊ VĂN TÙNG         | LÂM  | 29/01/2008 | 26XD1     | P.18 (A307) |
| 784 | 200784 | 26115043126120 | NGUYỄN ĐẶNG HOÀNG   | LÂM  | 10/01/2008 | 26N1      | P.18 (A307) |
| 785 | 200785 | 26115043126220 | NGUYỄN HOÀNG        | LÂM  | 17/09/2008 | 26N2      | P.18 (A307) |
| 786 | 200786 | 26115041126426 | NGUYỄN KHOA TÙNG    | LÂM  | 10/05/2007 | 26CMPS1   | P.18 (A307) |
| 787 | 200787 | 26115041126327 | NGUYỄN XUÂN         | LÂM  | 10/09/2008 | 26C3      | P.18 (A307) |
| 788 | 200788 | 26115072126112 | PHÙNG QUANG         | LÂM  | 04/09/2008 | 26MT1     | P.18 (A307) |
| 789 | 200789 | 26115042126423 | TRẦN QUANG          | LÂM  | 15/05/2008 | 26DLD1    | P.18 (A307) |
| 790 | 200790 | 26115071126214 | VÕ TRẦN MAI         | LAN  | 22/11/2006 | 26VLBD1   | P.18 (A307) |
| 791 | 200791 | 26115054126125 | HUỖNH TÔN MINH      | LÂN  | 09/11/2008 | 26DT1     | P.18 (A307) |
| 792 | 200792 | 26115061126232 | NGUYỄN NGỌC         | LÂN  | 12/04/2008 | 26XD2     | P.18 (A307) |
| 793 | 200793 | 26115073126118 | TRẦN THỊ ÁI         | LỄ   | 12/02/2008 | 26HTP1    | P.18 (A307) |
| 794 | 200794 | 26115071126119 | HOÀNG THỊ BÍCH      | LỄ   | 02/09/2008 | 26VL1     | P.18 (A307) |
| 795 | 200795 | 26115042126224 | ĐẶNG VĂN QUYỀN      | LINH | 10/04/2008 | 26DL2     | P.18 (A307) |
| 796 | 200796 | 26115073126212 | ĐOÀN THỊ            | LINH | 25/02/2008 | 26TPSH1   | P.18 (A307) |
| 797 | 200797 | 26115073126119 | HỒ NGUYỄN KHÁNH     | LINH | 22/03/2008 | 26HTP1    | P.18 (A307) |
| 798 | 200798 | 26115051226125 | LÊ NGUYỄN NHẬT      | LINH | 13/07/2006 | 26KTD1    | P.18 (A307) |
| 799 | 200799 | 26115055126326 | LƯƠNG NGUYỄN NGỌC   | LINH | 16/01/2008 | 26TDH3    | P.18 (A307) |
| 800 | 200800 | 26115042126424 | NGUYỄN THANH        | LINH | 01/04/2008 | 26DLD1    | P.18 (A307) |
| 801 | 200801 | 26115072126113 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG   | LINH | 20/07/2008 | 26MT1     | P.18 (A307) |
| 802 | 200802 | 26115042126324 | NGUYỄN VĂN HOÀNG    | LINH | 21/07/2008 | 26DL3     | P.18 (A307) |
| 803 | 200803 | 26115055126127 | TRẦN NHẬT           | LINH | 20/03/2008 | 26TDH1    | P.18 (A307) |
| 804 | 200804 | 26115073126120 | TRẦN NHƯ KHÁNH      | LINH | 01/05/2008 | 26HTP1    | P.18 (A307) |
| 805 | 200805 | 26115042126125 | VŨ ĐÌNH ĐỨC         | LINH | 10/06/2008 | 26DL1     | P.18 (A307) |
| 806 | 200806 | 26115044126367 | Đình Tô Ngọc        | Lĩnh | 16/04/2007 | 26CDT3    | P.18 (A307) |
| 807 | 200807 | 26115051226225 | PHẠM NGỌC           | LĨNH | 01/01/2007 | 26KTD2    | P.18 (A307) |
| 808 | 200808 | 26115075126129 | NGUYỄN THỊ          | LOAN | 08/10/2008 | 26CNKTHH1 | P.18 (A307) |
| 809 | 200809 | 26115042126126 | DƯƠNG QUANG         | LỘC  | 12/01/2008 | 26DL1     | P.18 (A307) |
| 810 | 200810 | 26115054126126 | LÊ ĐỨC              | LỘC  | 23/03/2008 | 26DT1     | P.18 (A307) |
| 811 | 200811 | 26115044126135 | LÊ QUANG            | LỘC  | 26/09/2008 | 26CDT1    | P.18 (A307) |
| 812 | 200812 | 26115042126226 | LÊ VIỆT             | LỘC  | 23/10/2008 | 26DL2     | P.18 (A307) |
| 813 | 200813 | 26115067126125 | LÊ VIỆT             | LỘC  | 20/01/2008 | 26KT1     | P.18 (A307) |
| 814 | 200814 | 26115054126226 | NGUYỄN ĐẶNG THÀNH   | LỘC  | 18/08/2008 | 26DT2     | P.18 (A307) |
| 815 | 200815 | 26115063126115 | NGUYỄN ĐỨC          | LỘC  | 21/07/2008 | 26XC1     | P.18 (A307) |



| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |       | Ngày sinh  | Lớp SH   | Phòng       |
|-----|--------|----------------|---------------------|-------|------------|----------|-------------|
| 816 | 200816 | 26115063126116 | NGUYỄN PHAN PHƯỚC   | LỘC   | 08/08/2008 | 26XC1    | P.19 (A308) |
| 817 | 200817 | 26115051226127 | NGUYỄN TAM          | LỘC   | 25/11/2008 | 26KTD1   | P.19 (A308) |
| 818 | 200818 | 26115063126117 | NGUYỄN TẤN          | LỘC   | 05/08/2008 | 26XC1    | P.19 (A308) |
| 819 | 200819 | 26115051226227 | NGUYỄN XUÂN         | LỘC   | 16/07/2008 | 26KTD2   | P.19 (A308) |
| 820 | 200820 | 26115053126328 | PHẠM HỮU            | LỘC   | 21/09/2008 | 26T3     | P.19 (A308) |
| 821 | 200821 | 26115054126127 | TRIỆU TẤN           | LỘC   | 26/11/2008 | 26DT1    | P.19 (A308) |
| 822 | 200822 | 26115042126517 | DƯƠNG QUỐC          | LỢI   | 13/08/2008 | 26DLKT1  | P.19 (A308) |
| 823 | 200823 | 26115061126133 | UNG VĂN HỮU         | LỢI   | 18/09/2008 | 26XD1    | P.19 (A308) |
| 824 | 200824 | 26115055126410 | BẠCH THIÊN          | LONG  | 28/10/2008 | 26TDHKT1 | P.19 (A308) |
| 825 | 200825 | 26115054126225 | CAO NGUYỄN HOÀNG    | LONG  | 15/06/2008 | 26DT2    | P.19 (A308) |
| 826 | 200826 | 26115053126228 | ĐÀO NGỌC HÙNG       | LONG  | 09/06/2008 | 26T2     | P.19 (A308) |
| 827 | 200827 | 26115042126425 | ĐINH HOÀNG          | LONG  | 01/11/2008 | 26DLD1   | P.19 (A308) |
| 828 | 200828 | 26115073126213 | DƯƠNG KIM           | LONG  | 20/01/2008 | 26TPSH1  | P.19 (A308) |
| 829 | 200829 | 26115042126426 | HOÀNG ĐỨC           | LONG  | 25/04/2008 | 26DLD1   | P.19 (A308) |
| 830 | 200830 | 26115043126121 | HUỲNH TỔNG CHẤN     | LONG  | 03/09/2008 | 26N1     | P.19 (A308) |
| 831 | 200831 | 26115061126332 | LÂM THÁI            | LONG  | 26/11/2008 | 26XD3    | P.19 (A308) |
| 832 | 200832 | 26115043126221 | LÊ PHẠM BẢO         | LONG  | 04/04/2008 | 26N2     | P.19 (A308) |
| 833 | 200833 | 26115055126227 | LÊ THÀNH            | LONG  | 27/01/2008 | 26TDH2   | P.19 (A308) |
| 834 | 200834 | 26115042126225 | MAI NHẬT            | LONG  | 01/01/2008 | 26DL2    | P.19 (A308) |
| 835 | 200835 | 26115055126327 | NGUYỄN              | LONG  | 30/07/2008 | 26TDH3   | P.19 (A308) |
| 836 | 200836 | 26115055126128 | NGUYỄN CÔNG HOÀNG   | LONG  | 16/05/2008 | 26TDH1   | P.19 (A308) |
| 837 | 200837 | 26115055126328 | NGUYỄN HOÀNG        | LONG  | 01/07/2008 | 26TDH3   | P.19 (A308) |
| 838 | 200838 | 26115044126134 | NGUYỄN HỮU HOÀNG    | LONG  | 16/09/2008 | 26CDT1   | P.19 (A308) |
| 839 | 200839 | 26115055126129 | NGUYỄN NGỌC KHÁNH   | LONG  | 14/08/2008 | 26TDH1   | P.19 (A308) |
| 840 | 200840 | 26115051226126 | NGUYỄN THÀNH        | LONG  | 25/01/2008 | 26KTD1   | P.19 (A308) |
| 841 | 200841 | 26115042126516 | NGUYỄN TRẦN         | LONG  | 11/07/2008 | 26DLKT1  | P.19 (A308) |
| 842 | 200842 | 26115067126124 | NGUYỄN VĂN NHẬT     | LONG  | 16/11/2008 | 26KT1    | P.19 (A308) |
| 843 | 200843 | 26115067126224 | PHẠM ANH HOÀNG      | LONG  | 02/06/2008 | 26KT2    | P.19 (A308) |
| 844 | 200844 | 26115043126122 | PHÙNG VIỆT          | LONG  | 10/09/2008 | 26N1     | P.19 (A308) |
| 845 | 200845 | 26115041126128 | TẠ THÀNH            | LONG  | 08/11/2008 | 26C1     | P.19 (A308) |
| 846 | 200846 | 26115055126229 | THÁI MINH           | LONG  | 23/01/2008 | 26TDH2   | P.19 (A308) |
| 847 | 200847 | 26115044126234 | TRẦN HOÀNG          | LONG  | 06/12/2008 | 26CDT2   | P.19 (A308) |
| 848 | 200848 | 26115042126427 | TRẦN LÊ PHI         | LONG  | 13/03/2008 | 26DLD1   | P.19 (A308) |
| 849 | 200849 | 26115043126222 | TRẦN PHƯỚC          | LONG  | 15/01/2008 | 26N2     | P.19 (A308) |
| 850 | 200850 | 26115044126334 | VÕ QUỐC             | LONG  | 08/08/2008 | 26CDT3   | P.19 (A308) |
| 851 | 200851 | 26115041126228 | LÊ THÀNH            | LUÂN  | 12/05/2008 | 26C2     | P.19 (A308) |
| 852 | 200852 | 26115064126119 | LƯƠNG HẠO           | LUÂN  | 06/09/2008 | 26XH1    | P.19 (A308) |
| 853 | 200853 | 26115051226128 | NGUYỄN HỮU          | LUÂN  | 10/11/2008 | 26KTD1   | P.19 (A308) |
| 854 | 200854 | 26115061126233 | NGUYỄN SỸ           | LUÂN  | 04/04/2008 | 26XD2    | P.19 (A308) |
| 855 | 200855 | 26115041126328 | NGUYỄN VĂN          | LUÂN  | 26/02/2008 | 26C3     | P.19 (A308) |
| 856 | 200856 | 26115054126227 | PHAN THÀNH          | LUÂN  | 05/05/2008 | 26DT2    | P.20 (A309) |
| 857 | 200857 | 26115055126329 | PHÙNG VĂN           | LUÂN  | 15/02/2008 | 26TDH3   | P.20 (A309) |
| 858 | 200858 | 26115041126427 | TIÊU VÕ THÀNH       | LUÂN  | 10/12/2008 | 26CMPS1  | P.20 (A309) |
| 859 | 200859 | 26115041126428 | NGUYỄN NGỌC         | LUẬN  | 04/03/2008 | 26CMPS1  | P.20 (A309) |
| 860 | 200860 | 26115042126326 | TRƯƠNG VĂN          | LUẬN  | 20/02/2008 | 26DL3    | P.20 (A309) |
| 861 | 200861 | 26115071126120 | LÊ VĂN              | LUẬT  | 16/10/2008 | 26VL1    | P.20 (A309) |
| 862 | 200862 | 26115055126130 | HỒ NGỌC             | LỰC   | 27/04/2008 | 26TDH1   | P.20 (A309) |
| 863 | 200863 | 26115061126134 | NGUYỄN TRUNG        | LƯƠNG | 25/10/2007 | 26XD1    | P.20 (A309) |
| 864 | 200864 | 26115052226222 | TRỊNH VĂN           | LƯƠNG | 18/10/2008 | 26KTD2   | P.20 (A309) |
| 865 | 200865 | 26115054126318 | ĐỖ TRẦN BẢO         | LY    | 02/06/2008 | 26DTVM1  | P.20 (A309) |
| 866 | 200866 | 26115071126216 | LÊ TRÚC             | LY    | 21/11/2008 | 26VLBD1  | P.20 (A309) |
| 867 | 200867 | 26115073126121 | NGUYỄN NGỌC         | LY    | 26/01/2008 | 26HTP1   | P.20 (A309) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên    | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|-----|--------|----------------|------------------------|------------|-----------|-------------|
| 868 | 200868 | 26115071126217 | PHAN THỊ LY LY         | 25/08/2008 | 26VLBD1   | P.20 (A309) |
| 869 | 200869 | 26115054126228 | TRẦN THỊ KHÁNH LY      | 29/03/2008 | 26DT2     | P.20 (A309) |
| 870 | 200870 | 26115044126235 | NGUYỄN CÔNG LÝ         | 02/07/2008 | 26CDT2    | P.20 (A309) |
| 871 | 200871 | 26115054126229 | LÊ THANH MÃN           | 22/05/2008 | 26DT2     | P.20 (A309) |
| 872 | 200872 | 26115071126121 | TRẦN VÕ DUY MÃN        | 21/01/2008 | 26VL1     | P.20 (A309) |
| 873 | 200873 | 26115075126130 | HỒ THỊ HỒNG MÃN        | 12/05/2008 | 26CNKTHH1 | P.20 (A309) |
| 874 | 200874 | 26115054126129 | CAO ĐỨC MẠNH           | 22/06/2008 | 26DT1     | P.20 (A309) |
| 875 | 200875 | 26115044126335 | ĐINH XUÂN MẠNH         | 27/02/2008 | 26CDT3    | P.20 (A309) |
| 876 | 200876 | 26115044126136 | HOÀNG VĂN MẠNH         | 14/07/2008 | 26CDT1    | P.20 (A309) |
| 877 | 200877 | 26115052226123 | LÊ THẾ MẠNH            | 28/10/2008 | 26KTD1    | P.20 (A309) |
| 878 | 200878 | 26115141126105 | NGUYỄN DUY MẠNH        | 24/04/2008 | 26SP1     | P.20 (A309) |
| 879 | 200879 | 26115053126229 | NGUYỄN DUY MẠNH        | 30/10/2008 | 26T2      | P.20 (A309) |
| 880 | 200880 | 26115063126118 | NGUYỄN TIẾN MẠNH       | 16/07/2008 | 26XC1     | P.20 (A309) |
| 881 | 200881 | 26115073126122 | PHẠM CHÂU MẠNH         | 16/07/2008 | 26HTP1    | P.20 (A309) |
| 882 | 200882 | 26115051226228 | VÕ ĐỨC MẠNH            | 02/12/2008 | 26KTD2    | P.20 (A309) |
| 883 | 200883 | 26115042126127 | ĐẶNG NGUYỄN THANH MINH | 25/02/2008 | 26DL1     | P.20 (A309) |
| 884 | 200884 | 26115052226223 | ĐINH MAI HOÀNG MINH    | 26/09/2008 | 26KTD2    | P.20 (A309) |
| 885 | 200885 | 26115042126428 | DƯƠNG NHẬT MINH        | 09/10/2007 | 26DL1     | P.20 (A309) |
| 886 | 200886 | 26115041126130 | HỒ NGỌC MINH           | 10/01/2008 | 26C1      | P.20 (A309) |
| 887 | 200887 | 26115053126130 | HỒ NHẬT MINH           | 20/08/2008 | 26T1      | P.20 (A309) |
| 888 | 200888 | 26115053126329 | HOÀNG MINH             | 27/07/2008 | 26T3      | P.20 (A309) |
| 889 | 200889 | 26115043126123 | HOÀNG NHẬT MINH        | 26/10/2008 | 26N1      | P.20 (A309) |
| 890 | 200890 | 26115041126329 | HOÀNG QUANG MINH       | 16/02/2008 | 26C3      | P.20 (A309) |
| 891 | 200891 | 26115053126230 | LÊ HOÀNG BẢO MINH      | 18/07/2008 | 26T2      | P.20 (A309) |
| 892 | 200892 | 26115054126130 | LÊ KHÁNH MINH          | 05/01/2008 | 26DT1     | P.20 (A309) |
| 893 | 200893 | 26115055126230 | LÔ TUẤN MINH           | 19/03/2008 | 26TDH2    | P.20 (A309) |
| 894 | 200894 | 26115043126223 | NGÔ ĐỨC MINH           | 04/03/2008 | 26N2      | P.20 (A309) |
| 895 | 200895 | 26115053126330 | NGUYỄN HOÀI NHẬT MINH  | 13/11/2008 | 26T3      | P.20 (A309) |
| 896 | 200896 | 26115055126330 | NGUYỄN HỮU NHẬT MINH   | 12/11/2008 | 26TDH3    | P.21 (A205) |
| 897 | 200897 | 26115041126429 | NGUYỄN HUY MINH        | 12/02/2008 | 26CMPS1   | P.21 (A205) |
| 898 | 200898 | 26115043126124 | NGUYỄN NGỌC MINH       | 07/05/2008 | 26N1      | P.21 (A205) |
| 899 | 200899 | 26115063126119 | NGUYỄN QUANG MINH      | 24/06/2008 | 26XC1     | P.21 (A205) |
| 900 | 200900 | 26115042126227 | PHẠM QUANG MINH        | 15/02/2008 | 26DL2     | P.21 (A205) |
| 901 | 200901 | 26115041126230 | PHẠM THANH MINH        | 23/11/2008 | 26C2      | P.21 (A205) |
| 902 | 200902 | 26115054126230 | PHAN LÊ NHẬT MINH      | 21/05/2008 | 26DT2     | P.21 (A205) |
| 903 | 200903 | 26115055126131 | PHAN THANH MINH        | 31/07/2008 | 26TDH1    | P.21 (A205) |
| 904 | 200904 | 26115073126123 | PHAN VĂN MINH          | 19/10/2008 | 26HTP1    | P.21 (A205) |
| 905 | 200905 | 26115043126224 | PHAN VĂN MINH          | 11/12/2008 | 26N2      | P.21 (A205) |
| 906 | 200906 | 26115044126236 | THÁI VĂN MINH          | 22/05/2008 | 26CDT2    | P.21 (A205) |
| 907 | 200907 | 26115053126131 | TRẦN ANH MINH          | 07/05/2008 | 26T1      | P.21 (A205) |
| 908 | 200908 | 26115043126125 | TRẦN ĐÌNH MINH         | 20/12/2007 | 26N1      | P.21 (A205) |
| 909 | 200909 | 26115053126231 | TRẦN ĐỨC MINH          | 26/05/2008 | 26T2      | P.21 (A205) |
| 910 | 200910 | 26115055126231 | VÕ VĂN MINH            | 02/11/2008 | 26TDH2    | P.21 (A205) |
| 911 | 200911 | 26115067126225 | VŨ NHẬT MINH           | 22/06/2008 | 26KT2     | P.21 (A205) |
| 912 | 200912 | 26115141126106 | ĐOÀN GIÁNG MY          | 18/07/2008 | 26SP1     | P.21 (A205) |
| 913 | 200913 | 26115053126331 | VÕ TRÀ MY              | 31/03/2008 | 26T3      | P.21 (A205) |
| 914 | 200914 | 26115061126234 | NGUYỄN MỸ              | 14/04/2008 | 26XD2     | P.21 (A205) |
| 915 | 200915 | 26115054126131 | PHẠM THANH TỐ MỸ       | 26/10/2008 | 26DT1     | P.21 (A205) |
| 916 | 200916 | 26115075126131 | LÊ THỊ NA              | 01/02/2008 | 26CNKTHH1 | P.21 (A205) |
| 917 | 200917 | 26115067126126 | PHẠM DƯƠNG LY NA       | 12/11/2008 | 26KT1     | P.21 (A205) |
| 918 | 200918 | 26115072126114 | VÕ THỊ HỒNG NA         | 10/03/2008 | 26MT1     | P.21 (A205) |
| 919 | 200919 | 26115053126132 | CAO HỨA XUÂN NAM       | 07/02/2008 | 26T1      | P.21 (A205) |

| STT | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |       | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|-----|--------|----------------|---------------------|-------|------------|-----------|-------------|
| 920 | 200920 | 26115041126330 | ĐÀO TRẦN NHẬT       | NAM   | 06/08/2008 | 26C3      | P.21 (A205) |
| 921 | 200921 | 26115044126336 | ĐỖ HOÀNG            | NAM   | 30/08/2008 | 26CDT3    | P.21 (A205) |
| 922 | 200922 | 26115063126120 | HÀ PHƯƠNG           | NAM   | 27/10/2008 | 26XC1     | P.21 (A205) |
| 923 | 200923 | 26115072126115 | HÀ VĂN              | NAM   | 22/06/2004 | 26MT1     | P.21 (A205) |
| 924 | 200924 | 26115043126126 | HỒ BẠCH KHÁNH       | NAM   | 01/02/2008 | 26N1      | P.21 (A205) |
| 925 | 200925 | 26115052226224 | HỒ VÕ QUANG         | NAM   | 20/11/2008 | 26KTD2    | P.21 (A205) |
| 926 | 200926 | 26115041126131 | HOÀNG NGUYỄN NHẬT   | NAM   | 16/09/2008 | 26C1      | P.21 (A205) |
| 927 | 200927 | 26115055126331 | HOÀNG TẤN           | NAM   | 01/01/2008 | 26TDH3    | P.21 (A205) |
| 928 | 200928 | 26115064126121 | HỨA QUỐC            | NAM   | 25/09/2008 | 26XH1     | P.21 (A205) |
| 929 | 200929 | 26115075126132 | LÃ QUÝ              | NAM   | 02/10/2008 | 26CNKTHH1 | P.21 (A205) |
| 930 | 200930 | 26115053126232 | LÊ VĂN              | NAM   | 13/11/2008 | 26T2      | P.21 (A205) |
| 931 | 200931 | 26115063126121 | LÊ VÕ VĂN           | NAM   | 29/04/2008 | 26XC1     | P.21 (A205) |
| 932 | 200932 | 26115051226229 | NGÔ VŨ NHẬT         | NAM   | 01/01/2007 | 26KTD2    | P.21 (A205) |
| 933 | 200933 | 26115041126331 | NGUYỄN HỮU          | NAM   | 08/07/2008 | 26C3      | P.21 (A205) |
| 934 | 200934 | 26115075126133 | NGUYỄN HỮU          | NAM   | 03/02/2008 | 26CNKTHH1 | P.21 (A205) |
| 935 | 200935 | 26115054126132 | NGUYỄN KHOA         | NAM   | 20/02/2008 | 26DT1     | P.21 (A205) |
| 936 | 200936 | 26115043126226 | NGUYỄN LÊ HOÀNG     | NAM   | 16/10/2008 | 26N2      | P.21 (A205) |
| 937 | 200937 | 26115044126137 | NGUYỄN TUẤN         | NAM   | 23/10/2008 | 26CDT1    | P.21 (A205) |
| 938 | 200938 | 26115055126132 | NGUYỄN VĂN          | NAM   | 02/05/2008 | 26TDH1    | P.22 (A206) |
| 939 | 200939 | 26115052226125 | PHẠM NGUYỄN NHẬT    | NAM   | 10/04/2008 | 26KTD1    | P.22 (A206) |
| 940 | 200940 | 26115044126237 | PHẠM NHẬT           | NAM   | 09/12/2008 | 26CDT2    | P.22 (A206) |
| 941 | 200941 | 26115071126122 | PHẠM NHẬT           | NAM   | 20/03/2008 | 26VL1     | P.22 (A206) |
| 942 | 200942 | 26115052226225 | PHẠM THẾ            | NAM   | 19/03/2008 | 26KTD2    | P.22 (A206) |
| 943 | 200943 | 26115063126122 | PHAN NGUYỄN BẢO     | NAM   | 29/11/2008 | 26XC1     | P.22 (A206) |
| 944 | 200944 | 26115055126232 | TRẦN ĐÌNH BẢO       | NAM   | 24/09/2008 | 26TDH2    | P.22 (A206) |
| 945 | 200945 | 26115043126127 | TRẦN HOÀNG          | NAM   | 22/08/2008 | 26N1      | P.22 (A206) |
| 946 | 200946 | 26115044126138 | TRƯƠNG KỶ           | NAM   | 24/11/2008 | 26CDT1    | P.22 (A206) |
| 947 | 200947 | 26115053126332 | TRƯƠNG PHƯƠNG       | NAM   | 29/04/2008 | 26T3      | P.22 (A206) |
| 948 | 200948 | 26115055126332 | TRƯƠNG THANH        | NAM   | 19/09/2007 | 26TDH3    | P.22 (A206) |
| 949 | 200949 | 26115052226126 | VÕ HOÀI             | NAM   | 12/06/2008 | 26KTD1    | P.22 (A206) |
| 950 | 200950 | 26115051226130 | VŨ ĐỨC TIẾN         | NAM   | 05/01/2008 | 26KTD1    | P.22 (A206) |
| 951 | 200951 | 26115073126215 | HOÀNG THỊ KIM       | NGÂN  | 10/03/2008 | 26TPSH1   | P.22 (A206) |
| 952 | 200952 | 26115073126124 | LÊ THỊ THANH        | NGÂN  | 06/09/2008 | 26HTP1    | P.22 (A206) |
| 953 | 200953 | 26115073126125 | TRẦN THỊ            | NGÂN  | 15/10/2008 | 26HTP1    | P.22 (A206) |
| 954 | 200954 | 26115067126226 | TRẦN THỊ BẢO        | NGÂN  | 18/01/2008 | 26KT2     | P.22 (A206) |
| 955 | 200955 | 26115051226230 | NÔNG THỊ THÚY       | NGÂN  | 20/11/2008 | 26KTD2    | P.22 (A206) |
| 956 | 200956 | 26115055126133 | NGUYỄN HỒNG         | NGÁT  | 22/08/2008 | 26TDH1    | P.22 (A206) |
| 957 | 200957 | 26115042126327 | CAO THANH           | NGHĨA | 11/05/2008 | 26DL3     | P.22 (A206) |
| 958 | 200958 | 26115042126128 | ĐẶNG THÀNH GIA      | NGHĨA | 11/07/2008 | 26DL1     | P.22 (A206) |
| 959 | 200959 | 26115051226131 | LÊ THANH            | NGHĨA | 08/07/2008 | 26KTD1    | P.22 (A206) |
| 960 | 200960 | 26115051226231 | LÊ VIỆT             | NGHĨA | 26/11/2007 | 26KTD2    | P.22 (A206) |
| 961 | 200961 | 26115063126123 | MAI VÕ TRỌNG        | NGHĨA | 03/12/2008 | 26XC1     | P.22 (A206) |
| 962 | 200962 | 26115042126228 | NGUYỄN ĐỨC GIA      | NGHĨA | 29/05/2008 | 26DL2     | P.22 (A206) |
| 963 | 200963 | 26115061126135 | NGUYỄN DUY PHƯƠNG   | NGHĨA | 23/04/2008 | 26XD1     | P.22 (A206) |
| 964 | 200964 | 26115044126238 | NGUYỄN MINH         | NGHĨA | 30/03/2008 | 26CDT2    | P.22 (A206) |
| 965 | 200965 | 26115044126338 | NGUYỄN THỊNH        | NGHĨA | 20/11/2008 | 26CDT3    | P.22 (A206) |
| 966 | 200966 | 26115055126233 | NGUYỄN TRUNG ĐẠI    | NGHĨA | 11/11/2008 | 26TDH2    | P.22 (A206) |
| 967 | 200967 | 26115051226132 | NGUYỄN TUẤN         | NGHĨA | 09/01/2008 | 26KTD1    | P.22 (A206) |
| 968 | 200968 | 26115044126139 | NGUYỄN VĂN          | NGHĨA | 05/06/2008 | 26CDT1    | P.22 (A206) |
| 969 | 200969 | 26115061126235 | THÁI NGUYỄN VĂN     | NGHĨA | 25/04/2008 | 26XD2     | P.22 (A206) |
| 970 | 200970 | 26115041126132 | VŨ PHAN             | NGHĨA | 07/06/2008 | 26C1      | P.22 (A206) |
| 971 | 200971 | 26115053126133 | Bríu                | Ngọc  | 28/12/2007 | 26T1      | P.22 (A206) |

| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên | Ngày sinh  | Lớp SH  | Phòng       |
|------|--------|----------------|---------------------|------------|---------|-------------|
| 972  | 200972 | 26115044126339 | CAO XUÂN NGỌC       | 07/11/2008 | 26CDT3  | P.22 (A206) |
| 973  | 200973 | 26115067126227 | ĐỖ THỊ NHƯ          | 17/05/2008 | 26KT2   | P.22 (A206) |
| 974  | 200974 | 26115067126128 | HOÀNG NGÔ TÚ        | 11/07/2008 | 26KT1   | P.22 (A206) |
| 975  | 200975 | 26115073126126 | HOÀNG VŨ BẢO        | 18/08/2008 | 26HTP1  | P.22 (A206) |
| 976  | 200976 | 26115072126117 | HUỖNH MINH          | 21/02/2008 | 26MT1   | P.22 (A206) |
| 977  | 200977 | 26115067126228 | NGUYỄN ĐÀO BẢO      | 23/08/2008 | 26KT2   | P.22 (A206) |
| 978  | 200978 | 26115073126127 | NGUYỄN THẢO         | 19/09/2008 | 26HTP1  | P.22 (A206) |
| 979  | 200979 | 26115054126321 | NGUYỄN THỊ KHÁNH    | 06/10/2008 | 26DTVM1 | P.22 (A206) |
| 980  | 200980 | 26115071126124 | NGUYỄN THỊ NHƯ      | 02/12/2008 | 26VL1   | P.23 (A207) |
| 981  | 200981 | 26115072126118 | NGUYỄN TRẦN KIM     | 29/12/2008 | 26MT1   | P.23 (A207) |
| 982  | 200982 | 26115055126333 | PHẠM TRẦN BẢO       | 29/07/2008 | 26TDH3  | P.23 (A207) |
| 983  | 200983 | 26115042126429 | PHAN TUẤN           | 06/10/2008 | 26DLD1  | P.23 (A207) |
| 984  | 200984 | 26115061126335 | THÁI NGUYỄN TUẤN    | 23/02/2008 | 26XD3   | P.23 (A207) |
| 985  | 200985 | 26115141126107 | TRẦN NHƯ            | 06/05/2008 | 26SP1   | P.23 (A207) |
| 986  | 200986 | 26115044126140 | BÙI ANH             | 06/01/2008 | 26CDT1  | P.23 (A207) |
| 987  | 200987 | 26115073126128 | BÙI MINH            | 20/10/2008 | 26HTP1  | P.23 (A207) |
| 988  | 200988 | 26115073126129 | CAO BẢO             | 27/07/2008 | 26HTP1  | P.23 (A207) |
| 989  | 200989 | 26115064126122 | ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG   | 18/12/2008 | 26XH1   | P.23 (A207) |
| 990  | 200990 | 26115044126240 | ĐÌNH CÔNG           | 06/10/2008 | 26CDT2  | P.23 (A207) |
| 991  | 200991 | 26115072126119 | HOÀNG PHÚC          | 19/06/2008 | 26MT1   | P.23 (A207) |
| 992  | 200992 | 26115052226127 | HUỖNH MAI KHẢI      | 24/03/2008 | 26KTDT1 | P.23 (A207) |
| 993  | 200993 | 26115052226227 | LÊ CAO              | 07/09/2008 | 26KTDT2 | P.23 (A207) |
| 994  | 200994 | 26115042126129 | LÊ ĐÌNH PHÚ         | 01/09/2008 | 26DL1   | P.23 (A207) |
| 995  | 200995 | 26115061126136 | LÊ HẢI              | 07/09/2008 | 26XD1   | P.23 (A207) |
| 996  | 200996 | 26115044126340 | LÊ TIẾN             | 30/01/2008 | 26CDT3  | P.23 (A207) |
| 997  | 200997 | 26115071126125 | LÊ TRẦN THẢO        | 16/11/2008 | 26VL1   | P.23 (A207) |
| 998  | 200998 | 26115042126229 | LÊ TRỌNG            | 11/12/2008 | 26DL2   | P.23 (A207) |
| 999  | 200999 | 26115043126128 | LÊ TRỌNG            | 08/03/2008 | 26N1    | P.23 (A207) |
| 1000 | 201000 | 26115055126134 | NGÔ HOÀNG           | 23/10/2008 | 26TDH1  | P.23 (A207) |
| 1001 | 201001 | 26115044126141 | NGUYỄN              | 28/07/2008 | 26CDT1  | P.23 (A207) |
| 1002 | 201002 | 26115042126329 | NGUYỄN CÔNG         | 26/12/2008 | 26DL3   | P.23 (A207) |
| 1003 | 201003 | 26115041126232 | NGUYỄN HOÀNG        | 03/02/2008 | 26C2    | P.23 (A207) |
| 1004 | 201004 | 26115055126234 | NGUYỄN HOÀNG        | 16/03/2008 | 26TDH2  | P.23 (A207) |
| 1005 | 201005 | 26115042126130 | NGUYỄN HỮU NHẬT     | 08/08/2008 | 26DL1   | P.23 (A207) |
| 1006 | 201006 | 26115044126241 | NGUYỄN THÁI         | 08/12/2008 | 26CDT2  | P.23 (A207) |
| 1007 | 201007 | 26115053126233 | NGUYỄN VĂN QUỐC     | 04/11/2008 | 26T2    | P.23 (A207) |
| 1008 | 201008 | 26115051226232 | NGUYỄN VIỆT HOÀNG   | 18/09/2008 | 26KTD2  | P.23 (A207) |
| 1009 | 201009 | 26115042126330 | NGUYỄN VŨ HOÀNG     | 31/05/2008 | 26DL3   | P.23 (A207) |
| 1010 | 201010 | 26115067126229 | PHẠM LÊ THẢO        | 12/01/2008 | 26KT2   | P.23 (A207) |
| 1011 | 201011 | 26115053126333 | PHẠM VĂN GIA        | 09/10/2008 | 26T3    | P.23 (A207) |
| 1012 | 201012 | 26115055126334 | PHAN HOÀNG          | 28/10/2008 | 26TDH3  | P.23 (A207) |
| 1013 | 201013 | 26115055126135 | TRẦN BẢO            | 11/08/2008 | 26TDH1  | P.23 (A207) |
| 1014 | 201014 | 26115054126232 | TRẦN LƯƠNG          | 27/02/2008 | 26DT2   | P.23 (A207) |
| 1015 | 201015 | 26115044126341 | TRẦN SINH           | 21/01/2008 | 26CDT3  | P.23 (A207) |
| 1016 | 201016 | 26115044126142 | TRẦN TRỌNG          | 30/07/2008 | 26CDT1  | P.23 (A207) |
| 1017 | 201017 | 26115053126134 | VŨ HỒNG TÂM         | 25/09/2008 | 26T1    | P.23 (A207) |
| 1018 | 201018 | 26115044126242 | VŨ KHOA             | 04/07/2008 | 26CDT2  | P.23 (A207) |
| 1019 | 201019 | 26115052226128 | VŨ TRẦN             | 19/12/2008 | 26KTDT1 | P.23 (A207) |
| 1020 | 201020 | 26115064126124 | NGÔ ĐỨC             | 29/07/2008 | 26XH1   | P.23 (A207) |
| 1021 | 201021 | 26115053126234 | PHAN MINH           | 31/01/2008 | 26T2    | P.23 (A207) |
| 1022 | 201022 | 26115054126133 | TRẦN HOÀN           | 18/02/2008 | 26DT1   | P.24 (A208) |
| 1023 | 201023 | 26115067126130 | LÊ THỊ THANH        | 25/10/2008 | 26KT1   | P.24 (A208) |

| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |      | Ngày sinh  | Lớp SH  | Phòng       |
|------|--------|----------------|---------------------|------|------------|---------|-------------|
| 1024 | 201024 | 26115055126235 | LÊ VĂN PHONG        | NHÃ  | 04/04/2008 | 26TDH2  | P.24 (A208) |
| 1025 | 201025 | 26115073126130 | TRẦN THỊ THANH      | NHÃ  | 24/11/2008 | 26HTP1  | P.24 (A208) |
| 1026 | 201026 | 26115071126126 | ĐOÀN THỊ THANH      | NHÀN | 24/03/2008 | 26VL1   | P.24 (A208) |
| 1027 | 201027 | 26115054126233 | ĐOÀN                | NHÂN | 10/08/2008 | 26DT2   | P.24 (A208) |
| 1028 | 201028 | 26115053126334 | ĐOÀN TRUNG          | NHÂN | 22/10/2008 | 26T3    | P.24 (A208) |
| 1029 | 201029 | 26115061126137 | ĐOÀN VĂN            | NHÂN | 07/04/2008 | 26XD1   | P.24 (A208) |
| 1030 | 201030 | 26115061126336 | DƯƠNG CÔNG THIỆN    | NHÂN | 12/10/2008 | 26XD3   | P.24 (A208) |
| 1031 | 201031 | 26115041126332 | HỒ HOÀNG            | NHÂN | 24/09/2000 | 26C3    | P.24 (A208) |
| 1032 | 201032 | 26115044126342 | KIỀU                | NHÂN | 04/11/2008 | 26CDT3  | P.24 (A208) |
| 1033 | 201033 | 26115054126322 | LÊ HỮU              | NHÂN | 07/08/2008 | 26DTVM1 | P.24 (A208) |
| 1034 | 201034 | 26115042126131 | LÊ VĂN THÀNH        | NHÂN | 06/11/2008 | 26DL1   | P.24 (A208) |
| 1035 | 201035 | 26115051226133 | LƯƠNG THÀNH         | NHÂN | 10/08/2008 | 26KTD1  | P.24 (A208) |
| 1036 | 201036 | 26115044126143 | LƯU HÙNG            | NHÂN | 01/06/2008 | 26CDT1  | P.24 (A208) |
| 1037 | 201037 | 26115042126518 | NGUYỄN MINH         | NHÂN | 05/02/2008 | 26DLKT1 | P.24 (A208) |
| 1038 | 201038 | 26115061126237 | PHAN THANH          | NHÂN | 21/07/2008 | 26XD2   | P.24 (A208) |
| 1039 | 201039 | 26115043126228 | TRẦN KIÊM           | NHÂN | 12/01/2008 | 26N2    | P.24 (A208) |
| 1040 | 201040 | 26115043126129 | TRẦN THANH          | NHÂN | 04/01/2008 | 26N1    | P.24 (A208) |
| 1041 | 201041 | 26115041126133 | TRẦN THIỆN          | NHÂN | 13/03/2008 | 26C1    | P.24 (A208) |
| 1042 | 201042 | 26115052226228 | VÕ ĐÌNH             | NHÂN | 23/10/2008 | 26KTDT2 | P.24 (A208) |
| 1043 | 201043 | 26115051226233 | VÕ HẬU              | NHÂN | 25/01/2008 | 26KTD2  | P.24 (A208) |
| 1044 | 201044 | 26115061126337 | BÙI CÔNG            | NHẤT | 12/12/2008 | 26XD3   | P.24 (A208) |
| 1045 | 201045 | 26115055126136 | ĐỖ MINH             | NHẬT | 24/07/2008 | 26TDH1  | P.24 (A208) |
| 1046 | 201046 | 26115072126120 | LÊ QUỐC             | NHẬT | 10/07/2008 | 26MT1   | P.24 (A208) |
| 1047 | 201047 | 26115044126343 | LÊ TẤN              | NHẬT | 07/04/2008 | 26CDT3  | P.24 (A208) |
| 1048 | 201048 | 26115053126135 | NGUYỄN ĐÌNH         | NHẬT | 25/02/2008 | 26T1    | P.24 (A208) |
| 1049 | 201049 | 26115044126144 | NGUYỄN GIA MINH     | NHẬT | 23/07/2008 | 26CDT1  | P.24 (A208) |
| 1050 | 201050 | 26115141126108 | NGUYỄN HOÀNG LONG   | NHẬT | 29/11/2008 | 26SP1   | P.24 (A208) |
| 1051 | 201051 | 26115042126231 | NGUYỄN HỮU MINH     | NHẬT | 11/01/2008 | 26DL2   | P.24 (A208) |
| 1052 | 201052 | 26115072126121 | NGUYỄN HỮU QUANG    | NHẬT | 01/01/2008 | 26MT1   | P.24 (A208) |
| 1053 | 201053 | 26115044126244 | NGUYỄN MINH         | NHẬT | 26/06/2008 | 26CDT2  | P.24 (A208) |
| 1054 | 201054 | 26115043126229 | NGUYỄN MINH         | NHẬT | 19/01/2008 | 26N2    | P.24 (A208) |
| 1055 | 201055 | 26115043126130 | NGUYỄN QUANG        | NHẬT | 05/11/2008 | 26N1    | P.24 (A208) |
| 1056 | 201056 | 26115051226134 | NGUYỄN THẾ          | NHẬT | 01/11/2008 | 26KTD1  | P.24 (A208) |
| 1057 | 201057 | 26115044126344 | NGUYỄN VĂN          | NHẬT | 11/02/2008 | 26CDT3  | P.24 (A208) |
| 1058 | 201058 | 26115051226234 | NGUYỄN VĂN VIỆT     | NHẬT | 15/06/2008 | 26KTD2  | P.24 (A208) |
| 1059 | 201059 | 26115044126145 | PHẠM LONG           | NHẬT | 19/05/2008 | 26CDT1  | P.24 (A208) |
| 1060 | 201060 | 26115071126220 | PHẠM LONG           | NHẬT | 07/12/2007 | 26VLBD1 | P.24 (A208) |
| 1061 | 201061 | 26115042126431 | PHẠM MINH           | NHẬT | 05/11/2008 | 26DLD1  | P.24 (A208) |
| 1062 | 201062 | 26115055126336 | PHAN TUẤN           | NHẬT | 16/02/2008 | 26TDH3  | P.24 (A208) |
| 1063 | 201063 | 26115043126131 | TẠ MINH             | NHẬT | 19/05/2008 | 26N1    | P.24 (A208) |
| 1064 | 201064 | 26115044126245 | TÁN VĂN             | NHẬT | 06/02/2008 | 26CDT2  | P.25 (A209) |
| 1065 | 201065 | 26115041126233 | TRẦN LONG           | NHẬT | 22/04/2008 | 26C2    | P.25 (A209) |
| 1066 | 201066 | 26115063126124 | TRẦN LONG           | NHẬT | 04/04/2008 | 26XC1   | P.25 (A209) |
| 1067 | 201067 | 26115061126138 | TRẦN LONG           | NHẬT | 09/07/2008 | 26XD1   | P.25 (A209) |
| 1068 | 201068 | 26115044126345 | TRẦN MINH           | NHẬT | 01/09/2008 | 26CDT3  | P.25 (A209) |
| 1069 | 201069 | 26115051226135 | TRẦN MINH           | NHẬT | 17/01/2008 | 26KTD1  | P.25 (A209) |
| 1070 | 201070 | 26115041126333 | TRẦN VIỆT           | NHẬT | 26/09/2008 | 26C3    | P.25 (A209) |
| 1071 | 201071 | 26115051226235 | TRƯƠNG ANH          | NHẬT | 03/05/2008 | 26KTD2  | P.25 (A209) |
| 1072 | 201072 | 26115051226136 | TRƯƠNG ĐỨC QUỐC     | NHẬT | 02/04/2008 | 26KTD1  | P.25 (A209) |
| 1073 | 201073 | 26115073126216 | VÕ QUANG            | NHẬT | 15/09/2008 | 26TPSH1 | P.25 (A209) |
| 1074 | 201074 | 26115053126235 | VÕ VĂN              | NHẬT | 24/09/2008 | 26T2    | P.25 (A209) |
| 1075 | 201075 | 26115073126217 | ĐỖ THỊ YẾN          | NHI  | 26/06/2008 | 26TPSH1 | P.25 (A209) |

| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |       | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|------|--------|----------------|---------------------|-------|------------|-----------|-------------|
| 1076 | 201076 | 26115073126218 | NGUYỄN VŨ YẾN       | NHI   | 10/07/2008 | 26TPSH1   | P.25 (A209) |
| 1077 | 201077 | 26115061126238 | VY NHẬT             | NHI   | 01/07/2008 | 26XD2     | P.25 (A209) |
| 1078 | 201078 | 26115073126131 | VÕ THỊ THÚY         | NHIÊN | 09/03/2008 | 26HTP1    | P.25 (A209) |
| 1079 | 201079 | 26115075126134 | ĐỖ TRƯƠNG QUỲNH     | NHƯ   | 15/03/2008 | 26CNKTHH1 | P.25 (A209) |
| 1080 | 201080 | 26115071126127 | LÊ NGUYỄN QUỲNH     | NHƯ   | 09/07/2008 | 26VL1     | P.25 (A209) |
| 1081 | 201081 | 26115072126122 | NGUYỄN NGỌC THẢO    | NHƯ   | 09/10/2008 | 26MT1     | P.25 (A209) |
| 1082 | 201082 | 26115073126133 | PHẠM THỊ THANH      | NHƯ   | 01/01/2008 | 26HTP1    | P.25 (A209) |
| 1083 | 201083 | 26115073126134 | PHAN NGUYỄN KHÁNH   | NHƯ   | 01/01/2007 | 26HTP1    | P.25 (A209) |
| 1084 | 201084 | 26115055126237 | TRẦN GIA            | NHƯ   | 02/09/2008 | 26TDH2    | P.25 (A209) |
| 1085 | 201085 | 26115073126132 | HÀ THỊ TUYẾT        | NHUNG | 25/10/2008 | 26HTP1    | P.25 (A209) |
| 1086 | 201086 | 26115043126231 | LÊ THỊ HỒNG         | NHUNG | 16/12/2008 | 26N2      | P.25 (A209) |
| 1087 | 201087 | 26115141126109 | LƯƠNG HỒNG          | NHUNG | 01/02/2008 | 26SP1     | P.25 (A209) |
| 1088 | 201088 | 26115041126432 | PHAN HỒNG           | NHUNG | 17/11/2008 | 26CMPS1   | P.25 (A209) |
| 1089 | 201089 | 26115041126433 | LÊ MINH             | NHỰT  | 09/01/2008 | 26CMPS1   | P.25 (A209) |
| 1090 | 201090 | 26115071126129 | H KHUYÊN            | NIÊ   | 06/09/2008 | 26VL1     | P.25 (A209) |
| 1091 | 201091 | 26115063126125 | TRẦN LÊ             | NIN   | 07/06/2008 | 26XC1     | P.25 (A209) |
| 1092 | 201092 | 26115051226236 | NGUYỄN VĂN NHẬT     | NINH  | 10/01/2008 | 26KTD2    | P.25 (A209) |
| 1093 | 201093 | 26115055126337 | NGUYỄN THÀNH        | NÚI   | 05/08/2008 | 26TDH3    | P.25 (A209) |
| 1094 | 201094 | 26115055126138 | NGUYỄN LÊ           | NY    | 09/10/2008 | 26TDH1    | P.25 (A209) |
| 1095 | 201095 | 26115073126219 | LÊ ĐẶNG KIỀU        | OANH  | 26/03/2008 | 26TPSH1   | P.25 (A209) |
| 1096 | 201096 | 26115073126135 | MAI NGUYỄN VĂN      | PHÁP  | 04/09/2008 | 26HTP1    | P.25 (A209) |
| 1097 | 201097 | 26115041126234 | NGUYỄN TẤN          | PHÁP  | 22/02/2008 | 26C2      | P.25 (A209) |
| 1098 | 201098 | 26115052226129 | NGUYỄN THANH        | PHÁP  | 14/05/2008 | 26KTDT1   | P.25 (A209) |
| 1099 | 201099 | 26115041126334 | ĐINH VĂN            | PHÁT  | 11/11/2008 | 26C3      | P.25 (A209) |
| 1100 | 201100 | 26115141126110 | HÀNG MINH           | PHÁT  | 15/04/2008 | 26SP1     | P.25 (A209) |
| 1101 | 201101 | 26115041126135 | NGÔ VĂN             | PHÁT  | 09/08/2008 | 26C1      | P.25 (A209) |
| 1102 | 201102 | 26115073126136 | NGUYỄN KHOA ĐĂNG    | PHÁT  | 24/03/2008 | 26HTP1    | P.25 (A209) |
| 1103 | 201103 | 26115042126331 | NGUYỄN NGỌC         | PHÁT  | 10/05/2008 | 26DL3     | P.25 (A209) |
| 1104 | 201104 | 26115061126338 | NGUYỄN TẤN          | PHÁT  | 09/01/2008 | 26XD3     | P.25 (A209) |
| 1105 | 201105 | 26115044126146 | NGUYỄN THÀNH        | PHÁT  | 27/10/2008 | 26CDT1    | P.25 (A209) |
| 1106 | 201106 | 26115042126520 | NGUYỄN THÀNH        | PHÁT  | 19/12/2008 | 26DLKT1   | P.26 (A210) |
| 1107 | 201107 | 26115071126221 | NGUYỄN THÀNH        | PHÁT  | 19/04/2008 | 26VLBD1   | P.26 (A210) |
| 1108 | 201108 | 26115043126132 | NGUYỄN TRẦN HÒA     | PHÁT  | 26/02/2008 | 26N1      | P.26 (A210) |
| 1109 | 201109 | 26115041126235 | VÕ TẤN              | PHÁT  | 11/06/2008 | 26C2      | P.26 (A210) |
| 1110 | 201110 | 26115061126139 | ĐẶNG NGỌC           | PHONG | 13/12/2008 | 26XD1     | P.26 (A210) |
| 1111 | 201111 | 26115042126232 | Hồ Thái             | Phong | 07/02/2004 | 26DL2     | P.26 (A210) |
| 1112 | 201112 | 26115044126246 | HUỲNH MINH          | PHONG | 04/07/2008 | 26CDT2    | P.26 (A210) |
| 1113 | 201113 | 26115042126332 | LÊ BÁ               | PHONG | 06/09/2008 | 26DL3     | P.26 (A210) |
| 1114 | 201114 | 26115042126133 | LÊ TRUNG            | PHONG | 20/09/2008 | 26DL1     | P.26 (A210) |
| 1115 | 201115 | 26115042126432 | LÊ TUẤN             | PHONG | 19/10/2008 | 26DLD1    | P.26 (A210) |
| 1116 | 201116 | 26115042126233 | LÊ VIỆT             | PHONG | 02/11/2008 | 26DL2     | P.26 (A210) |
| 1117 | 201117 | 26115067126231 | NGUYỄN CHÍ          | PHONG | 08/03/2008 | 26KT2     | P.26 (A210) |
| 1118 | 201118 | 26115044126346 | NGUYỄN DUY          | PHONG | 10/03/2008 | 26CDT3    | P.26 (A210) |
| 1119 | 201119 | 26115042126333 | NGUYỄN KHÁNH        | PHONG | 16/08/2008 | 26DL3     | P.26 (A210) |
| 1120 | 201120 | 26115041126335 | PHẠM NGỌC           | PHONG | 02/10/2008 | 26C3      | P.26 (A210) |
| 1121 | 201121 | 26115044126147 | PHẠM NGUYỄN HOÀI    | PHONG | 25/07/2008 | 26CDT1    | P.26 (A210) |
| 1122 | 201122 | 26115054126135 | PHẠM VŨ             | PHONG | 27/11/2008 | 26DT1     | P.26 (A210) |
| 1123 | 201123 | 26115053126136 | PHAN ĐÌNH TUẤN      | PHONG | 13/09/2008 | 26T1      | P.26 (A210) |
| 1124 | 201124 | 26115055126238 | PHAN TRƯƠNG VŨ      | PHONG | 23/04/2008 | 26TDH2    | P.26 (A210) |
| 1125 | 201125 | 26115055126338 | TÔN THÁI            | PHONG | 01/01/2008 | 26TDH3    | P.26 (A210) |
| 1126 | 201126 | 26115044126347 | TRẦN VĂN            | PHONG | 20/06/2008 | 26CDT3    | P.26 (A210) |
| 1127 | 201127 | 26115042126521 | TRẦN VĂN            | PHONG | 22/08/2008 | 26DLKT1   | P.26 (A210) |

| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |       | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|------|--------|----------------|---------------------|-------|------------|-----------|-------------|
| 1128 | 201128 | 26115043126233 | VÕ TẤN              | PHONG | 05/07/2008 | 26N2      | P.26 (A210) |
| 1129 | 201129 | 26115042126433 | ĐỖ TẤN              | PHÔNG | 14/03/2008 | 26DLD1    | P.26 (A210) |
| 1130 | 201130 | 26115061126239 | NGUYỄN CẢNH         | PHÚ   | 05/05/2008 | 26XD2     | P.26 (A210) |
| 1131 | 201131 | 26115054126235 | NGUYỄN ĐÌNH         | PHÚ   | 23/06/2008 | 26DT2     | P.26 (A210) |
| 1132 | 201132 | 26115054126323 | NGUYỄN ĐÌNH         | PHÚ   | 21/10/2008 | 26DTVM1   | P.26 (A210) |
| 1133 | 201133 | 26115041126434 | NGUYỄN HOÀNG        | PHÚ   | 11/12/2008 | 26CMPS1   | P.26 (A210) |
| 1134 | 201134 | 26115044126148 | NGUYỄN TRỌNG        | PHÚ   | 03/07/2008 | 26CDT1    | P.26 (A210) |
| 1135 | 201135 | 26115044126248 | NGUYỄN VĂN AN       | PHÚ   | 09/03/2008 | 26CDT2    | P.26 (A210) |
| 1136 | 201136 | 26115042126134 | PHẠM NGUYỄN         | PHÚ   | 05/03/2008 | 26DL1     | P.26 (A210) |
| 1137 | 201137 | 26115051226137 | PHAN VĂN            | PHÚ   | 26/02/2008 | 26KTD1    | P.26 (A210) |
| 1138 | 201138 | 26115055126139 | TRẦN GIA            | PHÚ   | 26/10/2008 | 26TDH1    | P.26 (A210) |
| 1139 | 201139 | 26115067126132 | TRẦN QUANG          | PHÚ   | 30/06/2008 | 26KT1     | P.26 (A210) |
| 1140 | 201140 | 26115061126339 | TRỊNH XUÂN          | PHÚ   | 30/04/2008 | 26XD3     | P.26 (A210) |
| 1141 | 201141 | 26115055126239 | TRƯƠNG VĂN          | PHÚ   | 17/10/2008 | 26TDH2    | P.26 (A210) |
| 1142 | 201142 | 26115044126348 | ĐẶNG HỒNG           | PHÚC  | 25/01/2008 | 26CDT3    | P.26 (A210) |
| 1143 | 201143 | 26115054126136 | ĐỖ BÙI THANH        | PHÚC  | 17/01/2008 | 26DT1     | P.26 (A210) |
| 1144 | 201144 | 26115073126137 | ĐOÀN NGUYỄN THIÊN   | PHÚC  | 08/10/2008 | 26HTP1    | P.26 (A210) |
| 1145 | 201145 | 26115072126123 | HỒ NGỌC HOÀNG       | PHÚC  | 08/04/2008 | 26MT1     | P.26 (A210) |
| 1146 | 201146 | 26115041126435 | LÊ ĐÌNH TIẾN        | PHÚC  | 17/04/2007 | 26CMPS1   | P.26 (A210) |
| 1147 | 201147 | 26115042126434 | NGÔ VĂN HOÀNG       | PHÚC  | 31/05/2008 | 26DLD1    | P.26 (A210) |
| 1148 | 201148 | 26115071126222 | NGUYỄN ĐẮC          | PHÚC  | 09/04/2008 | 26VLBD1   | P.26 (A210) |
| 1149 | 201149 | 26115055126339 | NGUYỄN ĐỨC          | PHÚC  | 10/08/2008 | 26TDH3    | P.26 (A210) |
| 1150 | 201150 | 26115052226229 | NGUYỄN ĐỨC HOÀNG    | PHÚC  | 11/06/2008 | 26KTDT2   | P.26 (A210) |
| 1151 | 201151 | 26115051226237 | NGUYỄN HÀ ĐỨC       | PHÚC  | 14/07/2008 | 26KTD2    | P.26 (A210) |
| 1152 | 201152 | 26115067126232 | NGUYỄN HOÀNG TIẾN   | PHÚC  | 01/08/2008 | 26KT2     | P.26 (A210) |
| 1153 | 201153 | 26115063126126 | NGUYỄN KIM          | PHÚC  | 27/08/2008 | 26XC1     | P.26 (A210) |
| 1154 | 201154 | 26115055126240 | NGUYỄN NGỌC         | PHÚC  | 13/11/2008 | 26TDH2    | P.26 (A210) |
| 1155 | 201155 | 26115043126134 | NGUYỄN THIÊN        | PHÚC  | 20/07/2008 | 26N1      | P.26 (A210) |
| 1156 | 201156 | 26115041126136 | NGUYỄN VĂN          | PHÚC  | 26/04/2008 | 26C1      | P.27 (A211) |
| 1157 | 201157 | 26115075126135 | NGUYỄN XUÂN         | PHÚC  | 18/04/2008 | 26CNKTHH1 | P.27 (A211) |
| 1158 | 201158 | 26115042126234 | NÔNG HOÀNG          | PHÚC  | 31/07/2008 | 26DL2     | P.27 (A211) |
| 1159 | 201159 | 26115051226138 | PHẠM HOÀNG          | PHÚC  | 09/10/2008 | 26KTD1    | P.27 (A211) |
| 1160 | 201160 | 26115072126124 | PHẠM LONG           | PHÚC  | 17/06/2008 | 26MT1     | P.27 (A211) |
| 1161 | 201161 | 26115053126137 | PHẠM PHÚ            | PHÚC  | 31/08/2008 | 26T1      | P.27 (A211) |
| 1162 | 201162 | 26115064126125 | PHẠM TẤN            | PHÚC  | 21/09/2008 | 26XH1     | P.27 (A211) |
| 1163 | 201163 | 26115042126334 | TRẦN LÊ THIÊN       | PHÚC  | 07/07/2008 | 26DL3     | P.27 (A211) |
| 1164 | 201164 | 26115053126237 | TRẦN THIÊN          | PHÚC  | 16/09/2008 | 26T2      | P.27 (A211) |
| 1165 | 201165 | 26115055126340 | TRẦN VĂN            | PHÚC  | 08/09/2008 | 26TDH3    | P.27 (A211) |
| 1166 | 201166 | 26115052226130 | TRƯƠNG CÔNG         | PHÚC  | 05/05/2008 | 26KTDT1   | P.27 (A211) |
| 1167 | 201167 | 26115055126141 | TRƯƠNG ĐÌNH         | PHÚC  | 04/01/2008 | 26TDH1    | P.27 (A211) |
| 1168 | 201168 | 26115061126140 | TRƯƠNG HỒNG         | PHÚC  | 02/02/2008 | 26XD1     | P.27 (A211) |
| 1169 | 201169 | 26115054126236 | TRƯƠNG HUỖNH CÔNG   | PHÚC  | 03/09/2008 | 26DT2     | P.27 (A211) |
| 1170 | 201170 | 26115052226230 | TRƯƠNG THẾ          | PHÚC  | 04/06/2008 | 26KTDT2   | P.27 (A211) |
| 1171 | 201171 | 26115063126127 | TRƯƠNG THIÊN        | PHÚC  | 23/10/2008 | 26XC1     | P.27 (A211) |
| 1172 | 201172 | 26115071126130 | CHÂU ANH            | PHƯỚC | 23/04/2008 | 26VL1     | P.27 (A211) |
| 1173 | 201173 | 26115043126234 | HUỖNH TẤN           | PHƯỚC | 27/04/2008 | 26N2      | P.27 (A211) |
| 1174 | 201174 | 26115072126125 | LÊ HÙNG             | PHƯỚC | 28/08/2008 | 26MT1     | P.27 (A211) |
| 1175 | 201175 | 26115044126267 | LÊ VĂN              | PHƯỚC | 09/03/2007 | 26CDT2    | P.27 (A211) |
| 1176 | 201176 | 26115053126337 | NGUYỄN BÁ           | PHƯỚC | 07/05/2008 | 26T3      | P.27 (A211) |
| 1177 | 201177 | 26115042126135 | NGUYỄN THANH        | PHƯỚC | 24/09/2008 | 26DL1     | P.27 (A211) |
| 1178 | 201178 | 26115073126138 | PHẠM TRẦN THANH     | PHƯỚC | 12/01/2008 | 26HTP1    | P.27 (A211) |
| 1179 | 201179 | 26115063126128 | TRẦN MINH           | PHƯỚC | 14/12/2008 | 26XC1     | P.27 (A211) |

| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |        | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|------|--------|----------------|---------------------|--------|------------|-----------|-------------|
| 1180 | 201180 | 26115053126138 | TRƯƠNG HỮU          | PHƯỚC  | 09/02/2008 | 26T1      | P.27 (A211) |
| 1181 | 201181 | 26115041126436 | TRƯƠNG XUÂN         | PHƯỚC  | 14/02/2008 | 26CMPS1   | P.27 (A211) |
| 1182 | 201182 | 26115063126129 | DƯƠNG THỊ NHƯ       | PHƯƠNG | 20/08/2008 | 26XC1     | P.27 (A211) |
| 1183 | 201183 | 26115044126149 | HẠNG CHÍ            | PHƯƠNG | 19/04/2008 | 26CDT1    | P.27 (A211) |
| 1184 | 201184 | 26115073126220 | LÊ THỊ HỒNG         | PHƯƠNG | 26/01/2008 | 26TPSH1   | P.27 (A211) |
| 1185 | 201185 | 26115044126249 | NGUYỄN NGỌC MINH    | PHƯƠNG | 17/01/2008 | 26CDT2    | P.27 (A211) |
| 1186 | 201186 | 26115073126139 | TRẦN TRÚC           | PHƯƠNG | 05/01/2008 | 26HTP1    | P.27 (A211) |
| 1187 | 201187 | 26115075126136 | VÕ THU              | PHƯƠNG | 28/01/2008 | 26CNKTHH1 | P.27 (A211) |
| 1188 | 201188 | 26115053126238 | VÕ THỊ MINH         | PHƯƠNG | 22/12/2007 | 26T2      | P.27 (A211) |
| 1189 | 201189 | 26115042126435 | HỒ QUỐC             | PIN    | 02/08/2008 | 26DLD1    | P.27 (A211) |
| 1190 | 201190 | 26115072126126 | BÙI CÔNG NHẬT       | QUÂN   | 22/10/2008 | 26MT1     | P.27 (A211) |
| 1191 | 201191 | 26115055126412 | ĐẶNG HOÀNG          | QUÂN   | 13/05/2008 | 26TDHKT1  | P.27 (A211) |
| 1192 | 201192 | 26115043126135 | ĐẶNG NGỌC           | QUÂN   | 25/02/2008 | 26N1      | P.27 (A211) |
| 1193 | 201193 | 26115061126141 | ĐOÀN VĂN            | QUÂN   | 30/01/2008 | 26XD1     | P.27 (A211) |
| 1194 | 201194 | 26115053126339 | DƯƠNG MINH          | QUÂN   | 03/08/2008 | 26T3      | P.27 (A211) |
| 1195 | 201195 | 26115053126140 | DƯƠNG PHÚ           | QUÂN   | 07/11/2008 | 26T1      | P.27 (A211) |
| 1196 | 201196 | 26115043126235 | HỒ MINH             | QUÂN   | 15/03/2007 | 26N2      | P.27 (A211) |
| 1197 | 201197 | 26115051226139 | HOÀNG MINH          | QUÂN   | 30/06/2008 | 26KTD1    | P.27 (A211) |
| 1198 | 201198 | 26115064126126 | HOÀNG MINH          | QUÂN   | 06/10/2008 | 26XH1     | P.27 (A211) |
| 1199 | 201199 | 26115043126136 | HUYỀN DUY           | QUÂN   | 16/05/2008 | 26N1      | P.27 (A211) |
| 1200 | 201200 | 26115041126137 | LẠI THẾ             | QUÂN   | 14/07/2008 | 26C1      | P.27 (A211) |
| 1201 | 201201 | 26115061126241 | LÊ HOÀNG            | QUÂN   | 07/11/2008 | 26XD2     | P.27 (A211) |
| 1202 | 201202 | 26115075126137 | LÊ HUY ANH          | QUÂN   | 29/06/2008 | 26CNKTHH1 | P.27 (A211) |
| 1203 | 201203 | 26115052226231 | LÊ KẾ               | QUÂN   | 26/09/2005 | 26KTDT2   | P.27 (A211) |
| 1204 | 201204 | 26115054126237 | LÊ MẠNH             | QUÂN   | 19/10/2008 | 26DT2     | P.27 (A211) |
| 1205 | 201205 | 26115053126240 | LÊ VĂN              | QUÂN   | 03/08/2008 | 26T2      | P.27 (A211) |
| 1206 | 201206 | 26115061126341 | LÊ XUÂN             | QUÂN   | 16/04/2008 | 26XD3     | P.28 (A212) |
| 1207 | 201207 | 26115041126237 | NGUYỄN ANH          | QUÂN   | 06/06/2008 | 26C2      | P.28 (A212) |
| 1208 | 201208 | 26115044126349 | NGUYỄN ANH          | QUÂN   | 12/07/2008 | 26CDT3    | P.28 (A212) |
| 1209 | 201209 | 26115054126324 | NGUYỄN ĐỨC MINH     | QUÂN   | 18/08/2008 | 26DTVM1   | P.28 (A212) |
| 1210 | 201210 | 26115072126127 | NGUYỄN HÀ           | QUÂN   | 17/07/2008 | 26MT1     | P.28 (A212) |
| 1211 | 201211 | 26115051226239 | NGUYỄN HOÀNG        | QUÂN   | 19/05/2008 | 26KTD2    | P.28 (A212) |
| 1212 | 201212 | 26115053126141 | NGUYỄN HOÀNG        | QUÂN   | 23/05/2008 | 26T1      | P.28 (A212) |
| 1213 | 201213 | 26115071126223 | NGUYỄN HỒNG         | QUÂN   | 05/08/2008 | 26VLBD1   | P.28 (A212) |
| 1214 | 201214 | 26115042126522 | NGUYỄN HỮU          | QUÂN   | 30/08/2008 | 26DLKT1   | P.28 (A212) |
| 1215 | 201215 | 26115044126150 | NGUYỄN HỮU ANH      | QUÂN   | 06/08/2008 | 26CDT1    | P.28 (A212) |
| 1216 | 201216 | 26115044126250 | NGUYỄN MINH         | QUÂN   | 24/08/2008 | 26CDT2    | P.28 (A212) |
| 1217 | 201217 | 26115073126140 | NGUYỄN MINH         | QUÂN   | 20/02/2008 | 26HTP1    | P.28 (A212) |
| 1218 | 201218 | 26115055126341 | NGUYỄN MINH         | QUÂN   | 13/02/2008 | 26TDH3    | P.28 (A212) |
| 1219 | 201219 | 26115061126142 | NGUYỄN MINH         | QUÂN   | 10/05/2008 | 26XD1     | P.28 (A212) |
| 1220 | 201220 | 26115042126136 | NGUYỄN NGỌC         | QUÂN   | 21/01/2008 | 26DL1     | P.28 (A212) |
| 1221 | 201221 | 26115051226140 | NGUYỄN NGỌC         | QUÂN   | 20/08/2008 | 26KTD1    | P.28 (A212) |
| 1222 | 201222 | 26115064126127 | NGUYỄN NGỌC BẢO     | QUÂN   | 15/07/2008 | 26XH1     | P.28 (A212) |
| 1223 | 201223 | 26115053126341 | NGUYỄN NHẬT         | QUÂN   | 24/03/2008 | 26T3      | P.28 (A212) |
| 1224 | 201224 | 26115044126350 | NGUYỄN TÙNG         | QUÂN   | 17/07/2008 | 26CDT3    | P.28 (A212) |
| 1225 | 201225 | 26115051226240 | NGUYỄN VĂN          | QUÂN   | 14/05/2008 | 26KTD2    | P.28 (A212) |
| 1226 | 201226 | 26115061126242 | NÔNG MINH           | QUÂN   | 28/10/2008 | 26XD2     | P.28 (A212) |
| 1227 | 201227 | 26115052226132 | PHẠM ANH            | QUÂN   | 02/11/2008 | 26KTDT1   | P.28 (A212) |
| 1228 | 201228 | 26115044126251 | PHẠM TRẦN ANH       | QUÂN   | 01/12/2008 | 26CDT2    | P.28 (A212) |
| 1229 | 201229 | 26115044126351 | PHAN HỒNG           | QUÂN   | 28/03/2008 | 26CDT3    | P.28 (A212) |
| 1230 | 201230 | 26115063126130 | THÁI ANH            | QUÂN   | 17/10/2008 | 26XC1     | P.28 (A212) |
| 1231 | 201231 | 26115061126342 | TRẦN ĐÌNH           | QUÂN   | 01/01/2008 | 26XD3     | P.28 (A212) |



| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên   | Ngày sinh  | Lớp SH   | Phòng       |
|------|--------|----------------|-----------------------|------------|----------|-------------|
| 1232 | 201232 | 26115051226141 | TRẦN DƯƠNG QUÂN       | 23/08/2008 | 26KTD1   | P.28 (A212) |
| 1233 | 201233 | 26115043126137 | TRẦN HOÀNG QUÂN       | 04/09/2008 | 26N1     | P.28 (A212) |
| 1234 | 201234 | 26115041126437 | TRẦN LONG QUÂN        | 05/03/2008 | 26CMPS1  | P.28 (A212) |
| 1235 | 201235 | 26115044126152 | TRẦN NGỌC QUÂN        | 05/06/2008 | 26CDT1   | P.28 (A212) |
| 1236 | 201236 | 26115043126237 | TRẦN VĂN QUÂN         | 28/03/2008 | 26N2     | P.28 (A212) |
| 1237 | 201237 | 26115055126242 | TRẦN VĂN QUÂN         | 13/03/2008 | 26TDH2   | P.28 (A212) |
| 1238 | 201238 | 26115052226232 | VÕ VĂN QUÂN           | 19/03/2008 | 26KTD2   | P.28 (A212) |
| 1239 | 201239 | 26115053126142 | VŨ LÊ QUÂN            | 09/04/2008 | 26T1     | P.28 (A212) |
| 1240 | 201240 | 26115042126436 | LA VĂN QUANG          | 08/02/2008 | 26DLD1   | P.28 (A212) |
| 1241 | 201241 | 26115061126240 | NGUYỄN ĐỖ THÀNH QUANG | 24/08/2008 | 26XD2    | P.28 (A212) |
| 1242 | 201242 | 26115054126137 | NGUYỄN DOÃN QUANG     | 20/09/2008 | 26DT1    | P.28 (A212) |
| 1243 | 201243 | 26115055126241 | NGUYỄN NHẬT QUANG     | 30/08/2008 | 26TDH2   | P.28 (A212) |
| 1244 | 201244 | 26115041126236 | NGUYỄN THANH QUANG    | 24/04/2008 | 26C2     | P.28 (A212) |
| 1245 | 201245 | 26115055126411 | NGUYỄN VĂN QUANG      | 12/03/2008 | 26TDHKT1 | P.28 (A212) |
| 1246 | 201246 | 26115061126340 | TỔNG TUỆ QUANG        | 07/05/2008 | 26XD3    | P.28 (A212) |
| 1247 | 201247 | 26115052226131 | TRẦN ĐĂNG QUANG       | 18/12/2008 | 26KTD1   | P.28 (A212) |
| 1248 | 201248 | 26115053126139 | TRẦN MINH QUANG       | 09/09/2008 | 26T1     | P.28 (A212) |
| 1249 | 201249 | 26115053126239 | TRẦN THIÊN QUANG      | 21/04/2008 | 26T2     | P.28 (A212) |
| 1250 | 201250 | 26115051226238 | TRƯƠNG ĐÌNH ANH QUANG | 01/02/2008 | 26KTD2   | P.28 (A212) |
| 1251 | 201251 | 26115044126268 | Trương Vinh Quang     | 26/02/2007 | 26CDT2   | P.28 (A212) |
| 1252 | 201252 | 26115042126335 | VÕ NHẬT QUANG         | 12/07/2008 | 26DL3    | P.28 (A212) |
| 1253 | 201253 | 26115052226133 | CHU VĂN ANH QUỐC      | 09/10/2008 | 26KTD1   | P.28 (A212) |
| 1254 | 201254 | 26115055126342 | ĐOÀN ANH QUỐC         | 07/07/2007 | 26TDH3   | P.28 (A212) |
| 1255 | 201255 | 26115061126143 | LÊ VĂN QUỐC           | 07/08/2008 | 26XD1    | P.28 (A212) |
| 1256 | 201256 | 26115073126141 | NGUYỄN ANH QUỐC       | 11/03/2008 | 26HTP1   | P.29 (A213) |
| 1257 | 201257 | 26115071126224 | NGUYỄN ĐẠI QUỐC       | 20/08/2008 | 26VLBD1  | P.29 (A213) |
| 1258 | 201258 | 26115061126243 | NGUYỄN ĐÌNH QUỐC      | 25/05/2008 | 26XD2    | P.29 (A213) |
| 1259 | 201259 | 26115053126242 | NGUYỄN NGỌC QUỐC      | 11/05/2007 | 26T2     | P.29 (A213) |
| 1260 | 201260 | 26115052226233 | NGUYỄN TIẾN BẢO QUỐC  | 27/05/2007 | 26KTD2   | P.29 (A213) |
| 1261 | 201261 | 26115072126128 | TRẦN ANH QUỐC         | 10/04/2008 | 26MT1    | P.29 (A213) |
| 1262 | 201262 | 26115043126138 | TRẦN ANH QUỐC         | 01/03/2008 | 26N1     | P.29 (A213) |
| 1263 | 201263 | 26115042126438 | ĐẶNG ĐỨC QUÝ          | 05/01/2008 | 26DLD1   | P.29 (A213) |
| 1264 | 201264 | 26115053126342 | HUỲNH PHÚ QUÝ         | 24/07/2008 | 26T3     | P.29 (A213) |
| 1265 | 201265 | 26115044126352 | NGUYỄN VĂN QUÝ        | 12/02/2008 | 26CDT3   | P.29 (A213) |
| 1266 | 201266 | 26115041126337 | TRẦN THÁI QUÝ         | 03/01/2008 | 26C3     | P.29 (A213) |
| 1267 | 201267 | 26115042126236 | VÕ TÁ QUÝ             | 15/05/2008 | 26DL2    | P.29 (A213) |
| 1268 | 201268 | 26115067126233 | NGUYỄN HOÀNG QUYÊN    | 24/09/2008 | 26KT2    | P.29 (A213) |
| 1269 | 201269 | 26115073126142 | NGUYỄN LÊ BẢO QUYÊN   | 03/08/2008 | 26HTP1   | P.29 (A213) |
| 1270 | 201270 | 26115055126413 | HOÀNG HỮU QUYÊN       | 03/04/2008 | 26TDHKT1 | P.29 (A213) |
| 1271 | 201271 | 26115044126153 | NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT     | 18/10/2008 | 26CDT1   | P.29 (A213) |
| 1272 | 201272 | 26115072126129 | NGUYỄN DIỄM QUỲNH     | 30/12/2008 | 26MT1    | P.29 (A213) |
| 1273 | 201273 | 26115052226234 | NGUYỄN VĂN QUỲNH      | 24/07/2008 | 26KTD2   | P.29 (A213) |
| 1274 | 201274 | 26115054126325 | TRẦN VĂN QUỲNH        | 24/01/2008 | 26DTVM1  | P.29 (A213) |
| 1275 | 201275 | 26115053126243 | CHÂU THANH RI         | 03/04/2008 | 26T2     | P.29 (A213) |
| 1276 | 201276 | 26115055126143 | NGUYỄN ĐẠI TRƯỜNG SA  | 16/02/2008 | 26TDH1   | P.29 (A213) |
| 1277 | 201277 | 26115044126253 | TRIỀU HOÀNG SA        | 12/12/2008 | 26CDT2   | P.29 (A213) |
| 1278 | 201278 | 26115041126138 | ĐẶNG HỮU SANG         | 01/09/2008 | 26C1     | P.29 (A213) |
| 1279 | 201279 | 26115072126130 | ĐẶNG LÊ HUYỀN SANG    | 03/07/2008 | 26MT1    | P.29 (A213) |
| 1280 | 201280 | 26115055126243 | ĐỖ TRỌNG SANG         | 23/12/2008 | 26TDH2   | P.29 (A213) |
| 1281 | 201281 | 26115041126438 | PHẠM NGỌC SANG        | 18/07/2008 | 26CMPS1  | P.29 (A213) |
| 1282 | 201282 | 26115053126343 | THẠCH XUÂN SANG       | 14/01/2008 | 26T3     | P.29 (A213) |
| 1283 | 201283 | 26115041126238 | TRẦN HOÀNG SANG       | 11/10/2008 | 26C2     | P.29 (A213) |

| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |      | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|------|--------|----------------|---------------------|------|------------|-----------|-------------|
| 1284 | 201284 | 26115042126439 | VÕ VĂN              | SANG | 08/05/2008 | 26DLD1    | P.29 (A213) |
| 1285 | 201285 | 26115071126225 | LÊ ĐỨC              | SÁNG | 17/04/2008 | 26VLBD1   | P.29 (A213) |
| 1286 | 201286 | 26115042126336 | NGUYỄN VĂN          | SĨ   | 02/09/2008 | 26DL3     | P.29 (A213) |
| 1287 | 201287 | 26115041126338 | PHẠM ĐỨC            | SĨ   | 29/06/2008 | 26C3      | P.29 (A213) |
| 1288 | 201288 | 26115042126137 | HỒ TRƯỜNG           | SINH | 27/08/2008 | 26DL1     | P.29 (A213) |
| 1289 | 201289 | 26115055126343 | NGUYỄN ĐỨC          | SINH | 21/07/2008 | 26TDH3    | P.29 (A213) |
| 1290 | 201290 | 26115044126353 | NGUYỄN THỨC TRẦN    | SINH | 22/12/2008 | 26CDT3    | P.29 (A213) |
| 1291 | 201291 | 26115041126139 | NGUYỄN VĂN          | SINH | 25/06/2008 | 26C1      | P.29 (A213) |
| 1292 | 201292 | 26115055126414 | PHAN VĂN TRƯỜNG     | SINH | 01/01/2008 | 26TDHKT1  | P.29 (A213) |
| 1293 | 201293 | 26115067126234 | TRẦN TIÊN           | SINH | 19/07/2008 | 26KT2     | P.29 (A213) |
| 1294 | 201294 | 26115052226135 | CHÂU QUANG          | SƠN  | 02/04/2008 | 26KTD1    | P.29 (A213) |
| 1295 | 201295 | 26115052226235 | ĐỖ VĂN              | SƠN  | 08/10/2008 | 26KTD2    | P.29 (A213) |
| 1296 | 201296 | 26115044126154 | LÊ VĂN              | SƠN  | 10/05/2008 | 26CDT1    | P.30 (A214) |
| 1297 | 201297 | 26115061126343 | LƯƠNG THÁI          | SƠN  | 21/02/2008 | 26XD3     | P.30 (A214) |
| 1298 | 201298 | 26115064126128 | NGUYỄN BÌNH         | SƠN  | 26/04/2008 | 26XH1     | P.30 (A214) |
| 1299 | 201299 | 26115055126144 | NGUYỄN HOÀNG        | SƠN  | 23/04/2008 | 26TDH1    | P.30 (A214) |
| 1300 | 201300 | 26115075126138 | NGUYỄN HỒNG         | SƠN  | 06/01/2008 | 26CNKTHH1 | P.30 (A214) |
| 1301 | 201301 | 26115041126239 | NGUYỄN LÊ THÁI      | SƠN  | 17/07/2008 | 26C2      | P.30 (A214) |
| 1302 | 201302 | 26115041126339 | NGUYỄN NGỌC         | SƠN  | 10/02/2008 | 26C3      | P.30 (A214) |
| 1303 | 201303 | 26115054126326 | NGUYỄN TÔN          | SƠN  | 31/07/2008 | 26DTVM1   | P.30 (A214) |
| 1304 | 201304 | 26115052226136 | NGUYỄN VĂN          | SƠN  | 11/01/2008 | 26KTD1    | P.30 (A214) |
| 1305 | 201305 | 26115042126237 | NGUYỄN VIỆT CAO     | SƠN  | 28/09/2008 | 26DL2     | P.30 (A214) |
| 1306 | 201306 | 26115073126144 | VÕ MINH             | SƠN  | 28/01/2008 | 26HTP1    | P.30 (A214) |
| 1307 | 201307 | 26115042126441 | LÊ TẤN              | SỸ   | 02/04/2008 | 26DLD1    | P.30 (A214) |
| 1308 | 201308 | 26115055126244 | NGUYỄN TẤN          | SỸ   | 21/09/2008 | 26TDH2    | P.30 (A214) |
| 1309 | 201309 | 26115051226142 | CAO QUÝ             | SỸ   | 02/01/2008 | 26KTD1    | P.30 (A214) |
| 1310 | 201310 | 26115041126140 | BÙI NGỌC            | TÀI  | 26/06/2008 | 26C1      | P.30 (A214) |
| 1311 | 201311 | 26115061126144 | CAO XUÂN            | TÀI  | 30/09/2008 | 26XD1     | P.30 (A214) |
| 1312 | 201312 | 26115042126337 | ĐẶNG BẢO            | TÀI  | 03/10/2008 | 26DL3     | P.30 (A214) |
| 1313 | 201313 | 26115041126439 | ĐÀO VĂN             | TÀI  | 30/11/2008 | 26CMPS1   | P.30 (A214) |
| 1314 | 201314 | 26115055126415 | HỒ ĐỨC              | TÀI  | 30/09/2008 | 26TDHKT1  | P.30 (A214) |
| 1315 | 201315 | 26115042126138 | LÊ TẤN              | TÀI  | 19/12/2008 | 26DL1     | P.30 (A214) |
| 1316 | 201316 | 26115051226242 | NGUYỄN HỮU ANH      | TÀI  | 03/04/2008 | 26KTD2    | P.30 (A214) |
| 1317 | 201317 | 26115061126244 | NGUYỄN TẤN          | TÀI  | 09/01/2008 | 26XD2     | P.30 (A214) |
| 1318 | 201318 | 26115061126344 | NGUYỄN THANH        | TÀI  | 29/08/2008 | 26XD3     | P.30 (A214) |
| 1319 | 201319 | 26115061126145 | NGUYỄN THÀNH        | TÀI  | 19/03/2008 | 26XD1     | P.30 (A214) |
| 1320 | 201320 | 26115061126245 | NGUYỄN THÀNH        | TÀI  | 23/10/2008 | 26XD2     | P.30 (A214) |
| 1321 | 201321 | 26115041126240 | NGUYỄN TRUNG        | TÀI  | 02/05/2008 | 26C2      | P.30 (A214) |
| 1322 | 201322 | 26115051226143 | NGUYỄN VĂN          | TÀI  | 17/09/2008 | 26KTD1    | P.30 (A214) |
| 1323 | 201323 | 26115071126131 | PHAN BẮ             | TÀI  | 13/06/2008 | 26VL1     | P.30 (A214) |
| 1324 | 201324 | 26115055126145 | PHAN VĂN ANH        | TÀI  | 30/07/2008 | 26TDH1    | P.30 (A214) |
| 1325 | 201325 | 26115071126226 | TỔNG ANH            | TÀI  | 25/12/2008 | 26VLBD1   | P.30 (A214) |
| 1326 | 201326 | 26115041126340 | TRẦN DUY            | TÀI  | 19/02/2008 | 26C3      | P.30 (A214) |
| 1327 | 201327 | 26115053126344 | TRƯƠNG ĐÌNH         | TÀI  | 17/12/2008 | 26T3      | P.30 (A214) |
| 1328 | 201328 | 26115063126131 | VÕ VĂN              | TÀI  | 19/05/2008 | 26XC1     | P.30 (A214) |
| 1329 | 201329 | 26115071126227 | BÙI NGUYỄN LÂM THẾ  | TÂM  | 28/04/2008 | 26VLBD1   | P.30 (A214) |
| 1330 | 201330 | 26115075126139 | KHỔNG THỊ THANH     | TÂM  | 25/04/2008 | 26CNKTHH1 | P.30 (A214) |
| 1331 | 201331 | 26115053126145 | LÊ HỮU              | TÂM  | 26/04/2008 | 26T1      | P.30 (A214) |
| 1332 | 201332 | 26115067126135 | LÊ XUÂN             | TÂM  | 17/09/2008 | 26KT1     | P.30 (A214) |
| 1333 | 201333 | 26115064126130 | NGUYỄN CAO THỊ      | TÂM  | 29/03/2008 | 26XH1     | P.30 (A214) |
| 1334 | 201334 | 26115053126245 | NGUYỄN THỊ MỸ       | TÂM  | 15/12/2008 | 26T2      | P.30 (A214) |
| 1335 | 201335 | 26115042126238 | NGUYỄN VĂN          | TÂM  | 12/07/2008 | 26DL2     | P.30 (A214) |

| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |       | Ngày sinh  | Lớp SH   | Phòng       |
|------|--------|----------------|---------------------|-------|------------|----------|-------------|
| 1336 | 201336 | 26115051226243 | PHẠM NHẬT           | TÂM   | 16/02/2008 | 26KTD2   | P.30 (A214) |
| 1337 | 201337 | 26115071126132 | PHAN HỒNG THANH     | TÂM   | 07/08/2008 | 26VL1    | P.30 (A214) |
| 1338 | 201338 | 26115043126238 | THỜI VĂN            | TÂM   | 19/01/2008 | 26N2     | P.30 (A214) |
| 1339 | 201339 | 26115063126132 | TÔ NGỌC             | TÂM   | 27/10/2008 | 26XC1    | P.30 (A214) |
| 1340 | 201340 | 26115044126254 | TRƯƠNG ĐẶNG MINH    | TÂM   | 03/02/2008 | 26CDT2   | P.30 (A214) |
| 1341 | 201341 | 26115052226137 | VÕ HUY              | TÂM   | 28/05/2008 | 26KTD1   | P.30 (A214) |
| 1342 | 201342 | 26115071126228 | BÙI LÂM DUY         | TÂN   | 25/09/2008 | 26VLBD1  | P.30 (A214) |
| 1343 | 201343 | 26115052226237 | ĐẬU XUÂN            | TÂN   | 08/11/2008 | 26KTD2   | P.30 (A214) |
| 1344 | 201344 | 26115053126345 | HỒ MINH             | TÂN   | 03/01/2008 | 26T3     | P.30 (A214) |
| 1345 | 201345 | 26115055126345 | HOÀNG XUÂN          | TÂN   | 22/05/2008 | 26TDH3   | P.30 (A214) |
| 1346 | 201346 | 26115055126146 | HUỖNH NHẬT          | TÂN   | 01/01/2008 | 26TDH1   | P.31 (A218) |
| 1347 | 201347 | 26115041126141 | NGUYỄN CHÍ HÀ       | TÂN   | 19/01/2008 | 26C1     | P.31 (A218) |
| 1348 | 201348 | 26115055126246 | NGUYỄN MẠNH         | TÂN   | 15/02/2008 | 26TDH2   | P.31 (A218) |
| 1349 | 201349 | 26115041126341 | PHAN HUỖNH DUY      | TÂN   | 14/01/2008 | 26C3     | P.31 (A218) |
| 1350 | 201350 | 26115053126146 | PHAN MỸ NHẬT        | TÂN   | 27/08/2008 | 26T1     | P.31 (A218) |
| 1351 | 201351 | 26115043126139 | NGUYỄN LƯƠNG BẢO    | TẤN   | 31/12/2007 | 26N1     | P.31 (A218) |
| 1352 | 201352 | 26115072126131 | NGUYỄN LƯƠNG HUY    | TẤN   | 11/11/2008 | 26MT1    | P.31 (A218) |
| 1353 | 201353 | 26115051226144 | NGUYỄN TRỌNG        | TẤN   | 06/02/2008 | 26KTD1   | P.31 (A218) |
| 1354 | 201354 | 26115043126239 | PHAN NGUYỄN QUỐC    | TẤN   | 29/07/2008 | 26N2     | P.31 (A218) |
| 1355 | 201355 | 26115044126354 | PHAN TRỌNG          | TẤN   | 25/07/2008 | 26CDT3   | P.31 (A218) |
| 1356 | 201356 | 26115063126133 | NGUYỄN VĂN          | TÂY   | 29/02/2008 | 26XC1    | P.31 (A218) |
| 1357 | 201357 | 26115055126346 | LÊ QUANG            | THẠCH | 03/01/2008 | 26TDH3   | P.31 (A218) |
| 1358 | 201358 | 26115051226244 | NGUYỄN HỒ NGỌC      | THẠCH | 30/04/2008 | 26KTD2   | P.31 (A218) |
| 1359 | 201359 | 26115051226145 | NGUYỄN VĂN          | THẠCH | 03/07/2008 | 26KTD1   | P.31 (A218) |
| 1360 | 201360 | 26115061126345 | NGUYỄN VĂN          | THẠCH | 21/08/2008 | 26XD3    | P.31 (A218) |
| 1361 | 201361 | 26115055126417 | BÙI NGUYỄN ANH      | THÁI  | 21/09/2008 | 26TDHKT1 | P.31 (A218) |
| 1362 | 201362 | 26115067126235 | BÙI THÀNH           | THÁI  | 13/08/2008 | 26KT2    | P.31 (A218) |
| 1363 | 201363 | 26115063126134 | ĐẶNG HỮU            | THÁI  | 15/05/2008 | 26XC1    | P.31 (A218) |
| 1364 | 201364 | 26115061126146 | HỒ DUY              | THÁI  | 04/05/2008 | 26XD1    | P.31 (A218) |
| 1365 | 201365 | 26115041126142 | NGUYỄN HỮU          | THÁI  | 15/06/2008 | 26C1     | P.31 (A218) |
| 1366 | 201366 | 26115051226245 | NGUYỄN VĂN          | THÁI  | 22/02/2008 | 26KTD2   | P.31 (A218) |
| 1367 | 201367 | 26115061126246 | NGUYỄN VƯƠNG        | THÁI  | 28/03/2008 | 26XD2    | P.31 (A218) |
| 1368 | 201368 | 26115051226146 | PHẠM NGỌC           | THÁI  | 07/12/2008 | 26KTD1   | P.31 (A218) |
| 1369 | 201369 | 26115043126140 | TRẦN PHƯỚC          | THÁI  | 02/05/2008 | 26N1     | P.31 (A218) |
| 1370 | 201370 | 26115061126346 | TRẦN VĂN            | THÁI  | 20/01/2008 | 26XD3    | P.31 (A218) |
| 1371 | 201371 | 26115073126147 | NGUYỄN THỊ HỒNG     | THẨM  | 08/10/2008 | 26HTP1   | P.31 (A218) |
| 1372 | 201372 | 26115053126247 | NGUYỄN VIỆT         | THÂN  | 21/11/2005 | 26T2     | P.31 (A218) |
| 1373 | 201373 | 26115063126135 | HỒ NGỌC             | THẮNG | 10/08/2008 | 26XC1    | P.31 (A218) |
| 1374 | 201374 | 26115073126148 | ĐẶNG QUANG          | THẮNG | 11/09/2008 | 26HTP1   | P.31 (A218) |
| 1375 | 201375 | 26115044126156 | ĐINH VĂN HỮU        | THẮNG | 30/06/2008 | 26CDT1   | P.31 (A218) |
| 1376 | 201376 | 26115141126112 | HỒ QUANG            | THẮNG | 11/04/2008 | 26SP1    | P.31 (A218) |
| 1377 | 201377 | 26115041126444 | LÊ BẢO HỮU          | THẮNG | 03/08/2008 | 26CMPS1  | P.31 (A218) |
| 1378 | 201378 | 26115051226246 | LÊ QUANG            | THẮNG | 02/11/2008 | 26KTD2   | P.31 (A218) |
| 1379 | 201379 | 26115072126132 | LÊ TẤN              | THẮNG | 13/03/2008 | 26MT1    | P.31 (A218) |
| 1380 | 201380 | 26115061126247 | LÊ VĂN              | THẮNG | 03/03/2008 | 26XD2    | P.31 (A218) |
| 1381 | 201381 | 26115053126147 | NGUYỄN HỒ VIỆT      | THẮNG | 23/09/2008 | 26T1     | P.31 (A218) |
| 1382 | 201382 | 26115055126148 | NGUYỄN HỮU          | THẮNG | 19/04/2008 | 26TDH1   | P.31 (A218) |
| 1383 | 201383 | 26115051226147 | NGUYỄN TRẦN         | THẮNG | 15/10/2008 | 26KTD1   | P.31 (A218) |
| 1384 | 201384 | 26115042126339 | NGUYỄN TRỌNG        | THẮNG | 19/10/2008 | 26DL3    | P.31 (A218) |
| 1385 | 201385 | 26115055126348 | NGUYỄN VIỆT         | THẮNG | 16/04/2008 | 26TDH3   | P.31 (A218) |
| 1386 | 201386 | 26115052226239 | PHẠM VĂN            | THẮNG | 23/12/2007 | 26KTD2   | P.31 (A218) |
| 1387 | 201387 | 26115061126347 | PHAN QUỐC           | THẮNG | 02/06/2008 | 26XD3    | P.31 (A218) |

| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |       | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|------|--------|----------------|---------------------|-------|------------|-----------|-------------|
| 1388 | 201388 | 26115055126149 | PHAN VĂN            | THẮNG | 02/08/2008 | 26TDH1    | P.31 (A218) |
| 1389 | 201389 | 26115061126148 | TRẦN ĐÌNH           | THẮNG | 08/02/2008 | 26XD1     | P.31 (A218) |
| 1390 | 201390 | 26115044126256 | TƯỜNG QUỐC          | THẮNG | 13/07/2008 | 26CDT2    | P.31 (A218) |
| 1391 | 201391 | 26115041126440 | NGUYỄN VIỆT NAM     | THANH | 06/02/2008 | 26CMPS1   | P.31 (A218) |
| 1392 | 201392 | 26115041126441 | ĐẶNG TUẤN NHẬT      | THÀNH | 18/01/2008 | 26CMPS1   | P.31 (A218) |
| 1393 | 201393 | 26115052226238 | ĐÀO TẮT             | THÀNH | 04/09/2008 | 26KTDT2   | P.31 (A218) |
| 1394 | 201394 | 26115054126238 | ĐẬU TIẾN            | THÀNH | 11/11/2008 | 26DT2     | P.31 (A218) |
| 1395 | 201395 | 26115044126155 | DƯƠNG CHÍ           | THÀNH | 11/07/2008 | 26CDT1    | P.31 (A218) |
| 1396 | 201396 | 26115044126255 | DƯƠNG MINH          | THÀNH | 06/08/2007 | 26CDT2    | P.32 (A301) |
| 1397 | 201397 | 26115055126147 | HÀ DUY              | THÀNH | 09/03/2008 | 26TDH1    | P.32 (A301) |
| 1398 | 201398 | 26115055126247 | HỒ CÔNG             | THÀNH | 04/11/2008 | 26TDH2    | P.32 (A301) |
| 1399 | 201399 | 26115041126442 | HOÀNG ĐỨC           | THÀNH | 31/05/2008 | 26CMPS1   | P.32 (A301) |
| 1400 | 201400 | 26115042126525 | HOÀNG LÂM TUẤN      | THÀNH | 06/01/2008 | 26DLKT1   | P.32 (A301) |
| 1401 | 201401 | 26115055126347 | LÊ PHÚC             | THÀNH | 20/03/2008 | 26TDH3    | P.32 (A301) |
| 1402 | 201402 | 26115053126246 | NGUYỄN CÔNG         | THÀNH | 22/08/2008 | 26T2      | P.32 (A301) |
| 1403 | 201403 | 26115042126338 | NGUYỄN PHAN TRUNG   | THÀNH | 07/11/2008 | 26DL3     | P.32 (A301) |
| 1404 | 201404 | 26115141126111 | NGUYỄN QUANG        | THÀNH | 13/11/2008 | 26SP1     | P.32 (A301) |
| 1405 | 201405 | 26115052226139 | NGUYỄN TẤN          | THÀNH | 19/10/2008 | 26KTDT1   | P.32 (A301) |
| 1406 | 201406 | 26115061126147 | NGUYỄN TẤN          | THÀNH | 05/08/2008 | 26XD1     | P.32 (A301) |
| 1407 | 201407 | 26115043126240 | NGUYỄN VĂN TẤN      | THÀNH | 12/04/2008 | 26N2      | P.32 (A301) |
| 1408 | 201408 | 26115043126141 | TRẦN CÔNG           | THÀNH | 29/02/2008 | 26N1      | P.32 (A301) |
| 1409 | 201409 | 26115042126139 | TRẦN ĐÌNH           | THÀNH | 26/07/2008 | 26DL1     | P.32 (A301) |
| 1410 | 201410 | 26115041126443 | TRẦN KHÁNH MINH     | THÀNH | 15/01/2008 | 26CMPS1   | P.32 (A301) |
| 1411 | 201411 | 26115055126418 | ĐẶNG BÌNH           | THẠNH | 27/07/2008 | 26TDHKT1  | P.32 (A301) |
| 1412 | 201412 | 26115054126139 | LƯU VẠN             | THẠNH | 18/02/2008 | 26DT1     | P.32 (A301) |
| 1413 | 201413 | 26115071126134 | NGUYỄN PHẠM         | THẠNH | 05/02/2008 | 26VL1     | P.32 (A301) |
| 1414 | 201414 | 26115042126443 | ĐẶNG MINH           | THẢO  | 22/04/2008 | 26DLD1    | P.32 (A301) |
| 1415 | 201415 | 26115042126444 | HÀ THỊ PHƯƠNG       | THẢO  | 07/02/2008 | 26DLD1    | P.32 (A301) |
| 1416 | 201416 | 26115073126146 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG  | THẢO  | 07/01/2008 | 26HTP1    | P.32 (A301) |
| 1417 | 201417 | 26115044126355 | VŨ ĐÌNH             | THẢO  | 25/10/2008 | 26CDT3    | P.32 (A301) |
| 1418 | 201418 | 26115064126132 | PHẠM VĂN            | THI   | 11/06/2008 | 26XH1     | P.32 (A301) |
| 1419 | 201419 | 26115041126445 | ĐÀO HỮU             | THIỆN | 04/03/2007 | 26CMPS1   | P.32 (A301) |
| 1420 | 201420 | 26115051226247 | LÊ HOÀNG            | THIỆN | 07/07/2008 | 26KTD2    | P.32 (A301) |
| 1421 | 201421 | 26115044126356 | NGUYỄN LÊ NHỰT      | THIỆN | 23/12/2008 | 26CDT3    | P.32 (A301) |
| 1422 | 201422 | 26115073126149 | NGUYỄN MINH         | THIỆN | 27/07/2008 | 26HTP1    | P.32 (A301) |
| 1423 | 201423 | 26115054126239 | NGUYỄN VĂN THANH    | THIỆN | 14/01/2008 | 26DT2     | P.32 (A301) |
| 1424 | 201424 | 26115042126140 | TRẦN ĐĂNG           | THIỆN | 18/05/2008 | 26DL1     | P.32 (A301) |
| 1425 | 201425 | 26115044126157 | TRẦN VIỆT           | THIỆN | 01/01/2008 | 26CDT1    | P.32 (A301) |
| 1426 | 201426 | 26115044126257 | VÕ CAO              | THIỆN | 03/08/2008 | 26CDT2    | P.32 (A301) |
| 1427 | 201427 | 26115072126133 | ĐÀM HUY             | THIỆN | 15/10/2008 | 26MT1     | P.32 (A301) |
| 1428 | 201428 | 26115041126342 | NGÔ ĐÌNH            | THIỆN | 16/12/2008 | 26C3      | P.32 (A301) |
| 1429 | 201429 | 26115055126249 | NGUYỄN ĐỨC          | THIỆN | 13/02/2008 | 26TDH2    | P.32 (A301) |
| 1430 | 201430 | 26115055126419 | NGUYỄN NGỌC         | THIỆN | 12/09/2008 | 26TDHKT1  | P.32 (A301) |
| 1431 | 201431 | 26115053126347 | PHẠM ĐẮC            | THIỆN | 24/09/2008 | 26T3      | P.32 (A301) |
| 1432 | 201432 | 26115067126236 | PHAN NHƯ            | THIỆN | 22/06/2008 | 26KT2     | P.32 (A301) |
| 1433 | 201433 | 26115052226140 | TRẦN HOÀN           | THIỆN | 15/10/2008 | 26KTDT1   | P.32 (A301) |
| 1434 | 201434 | 26115054126140 | TRẦN HOÀNG BÁCH     | THIỆN | 20/07/2008 | 26DT1     | P.32 (A301) |
| 1435 | 201435 | 26115054126240 | TRỊNH MINH          | THIỆN | 27/05/2008 | 26DT2     | P.32 (A301) |
| 1436 | 201436 | 26115141126113 | VÕ LÊ ĐỨC           | THIỆN | 26/07/2008 | 26SP1     | P.32 (A301) |
| 1437 | 201437 | 26115075126140 | VÕ CÔNG             | THIỆT | 06/10/2008 | 26CNKTHH1 | P.32 (A301) |
| 1438 | 201438 | 26115043126142 | HỒ NGỌC             | THỊNH | 20/06/2008 | 26N1      | P.32 (A301) |
| 1439 | 201439 | 26115044126357 | HOÀNG QUỐC          | THỊNH | 03/11/2008 | 26CDT3    | P.32 (A301) |

| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |        | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|------|--------|----------------|---------------------|--------|------------|-----------|-------------|
| 1440 | 201440 | 26115053126148 | HOÀNG THIÊN         | THỊNH  | 18/05/2008 | 26T1      | P.32 (A301) |
| 1441 | 201441 | 26115044126158 | KHẨU MINH           | THỊNH  | 25/08/2008 | 26CDT1    | P.32 (A301) |
| 1442 | 201442 | 26115043126242 | NGÔ VĂN QUỐC        | THỊNH  | 27/02/2008 | 26N2      | P.32 (A301) |
| 1443 | 201443 | 26115055126349 | NGUYỄN ĐỨC          | THỊNH  | 08/07/2007 | 26TDH3    | P.32 (A301) |
| 1444 | 201444 | 26115055126150 | NGUYỄN HOÀNG QUỐC   | THỊNH  | 04/07/2008 | 26TDH1    | P.32 (A301) |
| 1445 | 201445 | 26115052226240 | NGUYỄN HỮU          | THỊNH  | 18/08/2008 | 26KTD2    | P.32 (A301) |
| 1446 | 201446 | 26115041126143 | NGUYỄN HỮU THÁI     | THỊNH  | 22/06/2008 | 26C1      | P.33 (A302) |
| 1447 | 201447 | 26115053126248 | NGUYỄN MINH         | THỊNH  | 10/11/2008 | 26T2      | P.33 (A302) |
| 1448 | 201448 | 26115055126250 | NGUYỄN NGỌC         | THỊNH  | 26/02/2008 | 26TDH2    | P.33 (A302) |
| 1449 | 201449 | 26115055126420 | NGUYỄN TẤN          | THỊNH  | 24/09/2008 | 26TDHKT1  | P.33 (A302) |
| 1450 | 201450 | 26115041126446 | NGUYỄN VĂN          | THỊNH  | 11/05/2008 | 26CMPS1   | P.33 (A302) |
| 1451 | 201451 | 26115063126136 | TRẦN BÁ             | THỊNH  | 29/07/2008 | 26XC1     | P.33 (A302) |
| 1452 | 201452 | 26115052226141 | TRẦN ĐỨC            | THỊNH  | 20/01/2008 | 26KTD1    | P.33 (A302) |
| 1453 | 201453 | 26115072126134 | TRẦN HƯNG           | THỊNH  | 10/11/2008 | 26MT1     | P.33 (A302) |
| 1454 | 201454 | 26115064126133 | TRẦN HỮU PHÚC       | THỊNH  | 08/10/2008 | 26XH1     | P.33 (A302) |
| 1455 | 201455 | 26115067126137 | TRẦN QUỐC           | THỊNH  | 20/06/2008 | 26KT1     | P.33 (A302) |
| 1456 | 201456 | 26115054126141 | VĂN ĐỨC AN          | THỊNH  | 27/01/2008 | 26DT1     | P.33 (A302) |
| 1457 | 201457 | 26115054126241 | VÕ VĂN QUỐC         | THỊNH  | 21/05/2008 | 26DT2     | P.33 (A302) |
| 1458 | 201458 | 26115052226241 | NGUYỄN VĂN          | THOẠI  | 08/06/2008 | 26KTD2    | P.33 (A302) |
| 1459 | 201459 | 26115055126350 | NGUYỄN VĂN          | THƠM   | 24/03/2008 | 26TDH3    | P.33 (A302) |
| 1460 | 201460 | 26115042126340 | LÊ NGUYỄN VĂN       | THÔNG  | 20/06/2008 | 26DL3     | P.33 (A302) |
| 1461 | 201461 | 26115051226148 | LÊ QUANG            | THÔNG  | 02/01/2008 | 26KTD1    | P.33 (A302) |
| 1462 | 201462 | 26115043126143 | LÊ XUÂN             | THÔNG  | 05/03/2008 | 26N1      | P.33 (A302) |
| 1463 | 201463 | 26115061126248 | NGUYỄN MINH         | THÔNG  | 22/12/2008 | 26XD2     | P.33 (A302) |
| 1464 | 201464 | 26115067126237 | NGUYỄN QUANG        | THÔNG  | 01/11/2008 | 26KT2     | P.33 (A302) |
| 1465 | 201465 | 26115075126141 | LÊ HỒNG             | THU    | 01/10/2008 | 26CNKTHH1 | P.33 (A302) |
| 1466 | 201466 | 26115042126141 | LÊ NGUYỄN ANH       | THƯ    | 04/12/2008 | 26DL1     | P.33 (A302) |
| 1467 | 201467 | 26115073126221 | TRẦN NGUYỄN ANH     | THƯ    | 02/06/2008 | 26TPSH1   | P.33 (A302) |
| 1468 | 201468 | 26115067126138 | TRỊNH THỊ MINH      | THƯ    | 17/06/2008 | 26KT1     | P.33 (A302) |
| 1469 | 201469 | 26115041126447 | ĐỖ DUY              | THUẬN  | 10/10/2008 | 26CMPS1   | P.33 (A302) |
| 1470 | 201470 | 26115055126251 | LÊ MINH             | THUẬN  | 20/01/2008 | 26TDH2    | P.33 (A302) |
| 1471 | 201471 | 26115072126135 | MẠC LÊ GIA          | THUẬN  | 20/01/2008 | 26MT1     | P.33 (A302) |
| 1472 | 201472 | 26115063126137 | NGUYỄN TRẦN NHẬT    | THUẬN  | 24/11/2008 | 26XC1     | P.33 (A302) |
| 1473 | 201473 | 26115052226242 | NGUYỄN VĂN          | THUẬN  | 20/11/2008 | 26KTD2    | P.33 (A302) |
| 1474 | 201474 | 26115041126448 | NGUYỄN VĨNH         | THUẬN  | 26/12/2008 | 26CMPS1   | P.33 (A302) |
| 1475 | 201475 | 26115061126348 | PHẠM VĂN            | THUẬN  | 09/05/2008 | 26XD3     | P.33 (A302) |
| 1476 | 201476 | 26115044126258 | PHAN TRẦN BÌNH      | THUẬN  | 20/03/2007 | 26CDT2    | P.33 (A302) |
| 1477 | 201477 | 26115052226143 | VÕ NGỌC             | THUẬN  | 28/05/2008 | 26KTD1    | P.33 (A302) |
| 1478 | 201478 | 26115042126241 | BÙI TRÍ             | THỨC   | 11/12/2008 | 26DL2     | P.33 (A302) |
| 1479 | 201479 | 26115043126243 | NGUYỄN BÁ           | THỨC   | 10/04/2008 | 26N2      | P.33 (A302) |
| 1480 | 201480 | 26115055126351 | NGUYỄN SONG         | THƯƠNG | 22/06/2008 | 26TDH3    | P.33 (A302) |
| 1481 | 201481 | 26115073126222 | NGUYỄN THỊ ÁI       | THƯƠNG | 01/03/2008 | 26TPSH1   | P.33 (A302) |
| 1482 | 201482 | 26115141126114 | DOÃN THỊ            | THÙY   | 02/12/2008 | 26SP1     | P.33 (A302) |
| 1483 | 201483 | 26115063126138 | NGUYỄN VĂN          | THỦY   | 01/01/2008 | 26XC1     | P.33 (A302) |
| 1484 | 201484 | 26115055126152 | HỒ THỊ THUỶ         | TIỀN   | 24/06/2008 | 26TDH1    | P.33 (A302) |
| 1485 | 201485 | 26115075126143 | NGUYỄN VĂN          | TIỀN   | 02/04/2008 | 26CNKTHH1 | P.33 (A302) |
| 1486 | 201486 | 26115052226243 | ĐINH VŨ             | TIẾN   | 04/11/2008 | 26KTD2    | P.34 (A303) |
| 1487 | 201487 | 26115054126142 | DƯƠNG HỮU           | TIẾN   | 19/10/2008 | 26DT1     | P.34 (A303) |
| 1488 | 201488 | 26115044126358 | HỒ VĂN              | TIẾN   | 13/05/2008 | 26CDT3    | P.34 (A303) |
| 1489 | 201489 | 26115042126341 | HỒ XUÂN             | TIẾN   | 29/06/2008 | 26DL3     | P.34 (A303) |
| 1490 | 201490 | 26115042126445 | HOÀNG VĂN           | TIẾN   | 15/09/2008 | 26DL1     | P.34 (A303) |
| 1491 | 201491 | 26115044126159 | LÊ QUANG VIỆT       | TIẾN   | 31/05/2008 | 26CDT1    | P.34 (A303) |

| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |       | Ngày sinh  | Lớp SH  | Phòng       |
|------|--------|----------------|---------------------|-------|------------|---------|-------------|
| 1492 | 201492 | 26115042126142 | LƯƠNG CAO           | TIẾN  | 03/11/2008 | 26DL1   | P.34 (A303) |
| 1493 | 201493 | 26115044126368 | Mông Minh           | Tiến  | 24/02/2007 | 26CDT3  | P.34 (A303) |
| 1494 | 201494 | 26115041126243 | NGUYỄN MINH         | TIẾN  | 04/01/2008 | 26C2    | P.34 (A303) |
| 1495 | 201495 | 26115141126115 | NGUYỄN NHẬT         | TIẾN  | 27/01/2008 | 26SP1   | P.34 (A303) |
| 1496 | 201496 | 26115067126238 | NGUYỄN THANH        | TIẾN  | 24/09/2008 | 26KT2   | P.34 (A303) |
| 1497 | 201497 | 26115055126252 | NGUYỄN TRỌNG        | TIẾN  | 10/11/2008 | 26TDH2  | P.34 (A303) |
| 1498 | 201498 | 26115061126349 | PHAN MINH           | TIẾN  | 04/05/2008 | 26XD3   | P.34 (A303) |
| 1499 | 201499 | 26115052226144 | TRẦN ĐÌNH           | TIẾN  | 25/01/2008 | 26KTD1  | P.34 (A303) |
| 1500 | 201500 | 26115073126150 | TRẦN QUANG          | TIẾN  | 01/01/2008 | 26HTP1  | P.34 (A303) |
| 1501 | 201501 | 26115064126135 | TRẦN VĂN            | TIẾN  | 08/12/2008 | 26XH1   | P.34 (A303) |
| 1502 | 201502 | 26115053126249 | TRỊNH NGỌC          | TIẾN  | 13/12/2008 | 26T2    | P.34 (A303) |
| 1503 | 201503 | 26115055126352 | PHẠM VIỆT           | TIẾP  | 09/10/2008 | 26TDH3  | P.34 (A303) |
| 1504 | 201504 | 26115054126327 | VÕ TRẦN MINH        | TIẾP  | 12/06/2008 | 26DTVM1 | P.34 (A303) |
| 1505 | 201505 | 26115051226149 | ĐẶNG TRẦN VIỆT      | TÍN   | 27/01/2008 | 26KTD1  | P.34 (A303) |
| 1506 | 201506 | 26115054126328 | ĐÌNH VĂN            | TÍN   | 20/10/2008 | 26DTVM1 | P.34 (A303) |
| 1507 | 201507 | 26115071126136 | NGUYỄN VÕ PHƯỚC     | TÍN   | 12/08/2008 | 26VL1   | P.34 (A303) |
| 1508 | 201508 | 26115043126144 | VŨ MINH             | TÍN   | 18/05/2008 | 26N1    | P.34 (A303) |
| 1509 | 201509 | 26115053126349 | LÊ TẤN              | TÍNH  | 01/03/2008 | 26T3    | P.34 (A303) |
| 1510 | 201510 | 26115055126153 | LÊ GIA              | TÌNH  | 01/02/2008 | 26TDH1  | P.34 (A303) |
| 1511 | 201511 | 26115043126244 | HUYỀN LÊ ĐẮC        | TÌNH  | 16/09/2008 | 26N2    | P.34 (A303) |
| 1512 | 201512 | 26115051226150 | PHAN DUY            | TỔ    | 28/01/2008 | 26KTD1  | P.34 (A303) |
| 1513 | 201513 | 26115041126343 | DIỆP MINH           | TOÀN  | 29/07/2008 | 26C3    | P.34 (A303) |
| 1514 | 201514 | 26115067126139 | ĐỖ PHẠM ANH         | TOÀN  | 22/02/2008 | 26KT1   | P.34 (A303) |
| 1515 | 201515 | 26115043126145 | ĐOÀN MINH           | TOÀN  | 04/10/2008 | 26N1    | P.34 (A303) |
| 1516 | 201516 | 26115054126143 | HÀ GIA              | TOÀN  | 15/01/2008 | 26DT1   | P.34 (A303) |
| 1517 | 201517 | 26115051226249 | LƯƠNG BẢO           | TOÀN  | 09/01/2008 | 26KTD2  | P.34 (A303) |
| 1518 | 201518 | 26115055126253 | NGUYỄN ANH          | TOÀN  | 28/05/2007 | 26TDH2  | P.34 (A303) |
| 1519 | 201519 | 26115055126353 | NGUYỄN ĐĂNG MINH    | TOÀN  | 30/03/2008 | 26TDH3  | P.34 (A303) |
| 1520 | 201520 | 26115055126254 | NGUYỄN MINH         | TOÀN  | 17/03/2008 | 26TDH2  | P.34 (A303) |
| 1521 | 201521 | 26115055126354 | NGUYỄN TRỌNG        | TOÀN  | 09/12/2008 | 26TDH3  | P.34 (A303) |
| 1522 | 201522 | 26115055126155 | PHAN TIẾN           | TOÀN  | 12/09/2008 | 26TDH1  | P.34 (A303) |
| 1523 | 201523 | 26115063126139 | TRẦN NGUYỄN PHÚC    | TOÀN  | 24/03/2008 | 26XC1   | P.34 (A303) |
| 1524 | 201524 | 26115053126150 | TRẦN QUỐC           | TOÀN  | 12/09/2008 | 26T1    | P.34 (A303) |
| 1525 | 201525 | 26115041126449 | TRẦN VĂN            | TOÀN  | 30/04/2008 | 26CMPS1 | P.34 (A303) |
| 1526 | 201526 | 26115043126245 | TRẦN VĂN            | TOÀN  | 20/05/2008 | 26N2    | P.35 (A304) |
| 1527 | 201527 | 26115044126359 | VÕ DUY              | TOÀN  | 26/05/2008 | 26CDT3  | P.35 (A304) |
| 1528 | 201528 | 26115044126160 | ĐOÀN THANH MINH     | TOÀN  | 18/05/2008 | 26CDT1  | P.35 (A304) |
| 1529 | 201529 | 26115041126144 | NGUYỄN XUÂN         | TOÀN  | 22/12/2008 | 26C1    | P.35 (A304) |
| 1530 | 201530 | 26115044126260 | DƯƠNG QUANG         | TỚI   | 23/10/2008 | 26CDT2  | P.35 (A304) |
| 1531 | 201531 | 26115067126239 | HOÀNG THỊ BẢO       | TRÂM  | 21/04/2008 | 26KT2   | P.35 (A304) |
| 1532 | 201532 | 26115053126350 | NGUYỄN THỊ BÍCH     | TRÂM  | 08/08/2008 | 26T3    | P.35 (A304) |
| 1533 | 201533 | 26115071126137 | PHAN THỊ NGỌC       | TRÂM  | 23/04/2008 | 26VL1   | P.35 (A304) |
| 1534 | 201534 | 26115053126151 | LÊ THỊ BẢO          | TRÂN  | 13/12/2008 | 26T1    | P.35 (A304) |
| 1535 | 201535 | 26115072126138 | NGUYỄN PHẠM BẢO     | TRÂN  | 01/06/2008 | 26MT1   | P.35 (A304) |
| 1536 | 201536 | 26115073126151 | BÙI THỊ HUYỀN       | TRANG | 10/03/2008 | 26HTP1  | P.35 (A304) |
| 1537 | 201537 | 26115064126136 | LÊ THỊ THÙY         | TRANG | 23/08/2008 | 26XH1   | P.35 (A304) |
| 1538 | 201538 | 26115071126230 | NGUYỄN THỊ HUYỀN    | TRANG | 28/10/2008 | 26VLBD1 | P.35 (A304) |
| 1539 | 201539 | 26115053126250 | PHAN NGỌC CHÂU      | TRANG | 28/03/2008 | 26T2    | P.35 (A304) |
| 1540 | 201540 | 26115073126223 | TRẦN THỊ PHƯƠNG     | TRANG | 11/03/2008 | 26TPSH1 | P.35 (A304) |
| 1541 | 201541 | 26115051226250 | TRẦN THỊ THẢO       | TRANG | 30/07/2008 | 26KTD2  | P.35 (A304) |
| 1542 | 201542 | 26115053126251 | HUYỀN TRỌNG         | TRÍ   | 29/10/2008 | 26T2    | P.35 (A304) |
| 1543 | 201543 | 26115073126225 | LÊ HỮU              | TRÍ   | 21/04/2008 | 26TPSH1 | P.35 (A304) |

| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |       | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|------|--------|----------------|---------------------|-------|------------|-----------|-------------|
| 1544 | 201544 | 26115044126360 | LÊ NGUYỄN ANH       | TRÍ   | 07/08/2008 | 26CDT3    | P.35 (A304) |
| 1545 | 201545 | 26115055126255 | LÊ NHẬT             | TRÍ   | 10/07/2008 | 26TDH2    | P.35 (A304) |
| 1546 | 201546 | 26115075126144 | LÊ TRẦN THANH       | TRÍ   | 17/05/2008 | 26CNKTHH1 | P.35 (A304) |
| 1547 | 201547 | 26115042126242 | NGUYỄN ĐỨC MINH     | TRÍ   | 01/05/2008 | 26DL2     | P.35 (A304) |
| 1548 | 201548 | 26115053126351 | NGUYỄN THÁI         | TRÍ   | 27/02/2008 | 26T3      | P.35 (A304) |
| 1549 | 201549 | 26115054126144 | NGUYỄN VĂN MINH     | TRÍ   | 15/12/2008 | 26DT1     | P.35 (A304) |
| 1550 | 201550 | 26115044126161 | PHẠM NGỌC           | TRÍ   | 02/03/2008 | 26CDT1    | P.35 (A304) |
| 1551 | 201551 | 26115041126244 | PHAN MINH           | TRÍ   | 20/03/2008 | 26C2      | P.35 (A304) |
| 1552 | 201552 | 26115054126244 | TRẦN CÔNG           | TRÍ   | 02/08/2008 | 26DT2     | P.35 (A304) |
| 1553 | 201553 | 26115051226151 | TRẦN ĐÌNH           | TRÍ   | 13/05/2008 | 26KTD1    | P.35 (A304) |
| 1554 | 201554 | 26115042126342 | TRẦN MINH           | TRÍ   | 02/06/2008 | 26DL3     | P.35 (A304) |
| 1555 | 201555 | 26115043126147 | TRẦN MINH           | TRÍ   | 21/06/2008 | 26N1      | P.35 (A304) |
| 1556 | 201556 | 26115064126137 | TRẦN MINH           | TRÍ   | 17/02/2008 | 26XH1     | P.35 (A304) |
| 1557 | 201557 | 26115061126250 | BIỆN MINH           | TRÍ   | 17/05/2008 | 26XD2     | P.35 (A304) |
| 1558 | 201558 | 26115052226244 | NGUYỄN ĐÌNH         | TRIỂN | 20/08/2008 | 26KTDT2   | P.35 (A304) |
| 1559 | 201559 | 26115071126231 | ĐÌNH HỒNG           | TRIẾT | 07/08/2008 | 26VLBD1   | P.35 (A304) |
| 1560 | 201560 | 26115073126152 | NGUYỄN DƯƠNG        | TRIẾT | 14/02/2008 | 26HTP1    | P.35 (A304) |
| 1561 | 201561 | 26115042126143 | NGUYỄN MINH         | TRIẾT | 30/04/2008 | 26DL1     | P.35 (A304) |
| 1562 | 201562 | 26115073126226 | NGUYỄN HẢI          | TRIỀU | 20/02/2008 | 26TPSH1   | P.35 (A304) |
| 1563 | 201563 | 26115041126344 | NGUYỄN HOÀNG        | TRIỀU | 06/09/2008 | 26C3      | P.35 (A304) |
| 1564 | 201564 | 26115061126350 | NGUYỄN XUÂN         | TRIỀU | 29/02/2008 | 26XD3     | P.35 (A304) |
| 1565 | 201565 | 26115042126447 | VƯƠNG KIM QUỐC      | TRIỀU | 29/03/2008 | 26DL1     | P.35 (A304) |
| 1566 | 201566 | 26115051226251 | LÊ NGỌC             | TRIỆU | 10/11/2008 | 26KTD2    | P.35 (A304) |
| 1567 | 201567 | 26115052226145 | PHAN CÔNG           | TRÌNH | 28/03/2008 | 26KTDT1   | P.35 (A304) |
| 1568 | 201568 | 26115055126355 | LŨ TỰ               | TRỌNG | 03/03/2008 | 26TDH3    | P.35 (A304) |
| 1569 | 201569 | 26115061126151 | NGUYỄN PHÚ          | TRỌNG | 25/05/2008 | 26XD1     | P.35 (A304) |
| 1570 | 201570 | 26115044126261 | PHẠM ĐỨC            | TRỌNG | 13/02/2008 | 26CDT2    | P.35 (A304) |
| 1571 | 201571 | 26115044126361 | TRẦN THANH          | TRỌNG | 22/06/2008 | 26CDT3    | P.36 (A305) |
| 1572 | 201572 | 26115063126140 | TRƯƠNG VŨ           | TRỌNG | 02/08/2008 | 26XC1     | P.36 (A305) |
| 1573 | 201573 | 26115042126243 | VÕ LÊ ĐĂNG          | TRỌNG | 07/04/2008 | 26DL2     | P.36 (A305) |
| 1574 | 201574 | 26115061126251 | VÕ TIẾN             | TRỌNG | 25/02/2008 | 26XD2     | P.36 (A305) |
| 1575 | 201575 | 26115063126141 | ĐOÀN QUÝ            | TRÚC  | 26/03/2008 | 26XC1     | P.36 (A305) |
| 1576 | 201576 | 26115055126156 | NGUYỄN CÔNG         | TRÚC  | 02/11/2008 | 26TDH1    | P.36 (A305) |
| 1577 | 201577 | 26115053126152 | UNG THỊ XUÂN        | TRÚC  | 26/02/2008 | 26T1      | P.36 (A305) |
| 1578 | 201578 | 26115041126345 | NGUYỄN BÁ           | TRỤC  | 28/07/2008 | 26C3      | P.36 (A305) |
| 1579 | 201579 | 26115052226246 | ĐÀO QUỐC            | TRUNG | 07/07/2008 | 26KTDT2   | P.36 (A305) |
| 1580 | 201580 | 26115041126145 | ĐOÀN XUÂN           | TRUNG | 18/03/2008 | 26C1      | P.36 (A305) |
| 1581 | 201581 | 26115043126148 | HUỖNH ĐÌNH          | TRUNG | 13/09/2008 | 26N1      | P.36 (A305) |
| 1582 | 201582 | 26115042126343 | LÊ CHÍ              | TRUNG | 09/03/2008 | 26DL3     | P.36 (A305) |
| 1583 | 201583 | 26115042126144 | LÊ MINH             | TRUNG | 27/07/2008 | 26DL1     | P.36 (A305) |
| 1584 | 201584 | 26115041126245 | LÊ QUANG            | TRUNG | 20/08/2008 | 26C2      | P.36 (A305) |
| 1585 | 201585 | 26115044126262 | LÊ VĂN              | TRUNG | 05/05/2008 | 26CDT2    | P.36 (A305) |
| 1586 | 201586 | 26115042126244 | LƯU ĐÌNH            | TRUNG | 23/06/2008 | 26DL2     | P.36 (A305) |
| 1587 | 201587 | 26115042126344 | NGUYỄN NHƯ          | TRUNG | 05/07/2008 | 26DL3     | P.36 (A305) |
| 1588 | 201588 | 26115041126450 | NGUYỄN QUANG        | TRUNG | 23/05/2008 | 26CMPS1   | P.36 (A305) |
| 1589 | 201589 | 26115052226147 | NGUYỄN QUỐC         | TRUNG | 31/07/2008 | 26KTDT1   | P.36 (A305) |
| 1590 | 201590 | 26115141126116 | NGUYỄN THANH        | TRUNG | 11/10/2008 | 26SP1     | P.36 (A305) |
| 1591 | 201591 | 26115044126362 | NGUYỄN THÀNH        | TRUNG | 27/02/2008 | 26CDT3    | P.36 (A305) |
| 1592 | 201592 | 26115043126248 | NGUYỄN THÀNH        | TRUNG | 28/03/2008 | 26N2      | P.36 (A305) |
| 1593 | 201593 | 26115054126329 | NGUYỄN VIỆT         | TRUNG | 26/04/2008 | 26DTVM1   | P.36 (A305) |
| 1594 | 201594 | 26115141126117 | PHAN QUANG          | TRUNG | 02/01/2008 | 26SP1     | P.36 (A305) |
| 1595 | 201595 | 26115044126163 | TRẦN THANH          | TRUNG | 19/03/2008 | 26CDT1    | P.36 (A305) |

| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên |        | Ngày sinh  | Lớp SH   | Phòng       |
|------|--------|----------------|---------------------|--------|------------|----------|-------------|
| 1596 | 201596 | 26115055126256 | VĂN THIÊN           | TRUNG  | 30/07/2008 | 26TDH2   | P.36 (A305) |
| 1597 | 201597 | 26115061126351 | VŨ MINH             | TRUNG  | 26/05/2008 | 26XD3    | P.36 (A305) |
| 1598 | 201598 | 26115041126146 | ĐOÀN NGUYỄN MINH    | TRƯỜNG | 01/12/2008 | 26C1     | P.36 (A305) |
| 1599 | 201599 | 26115051226252 | HUỖNH NGỌC          | TRƯỜNG | 20/04/2008 | 26KTD2   | P.36 (A305) |
| 1600 | 201600 | 26115042126245 | LÊ VĂN              | TRƯỜNG | 04/07/2008 | 26DL2    | P.36 (A305) |
| 1601 | 201601 | 26115052226148 | LÊ VĂN              | TRƯỜNG | 08/06/2008 | 26KTD1   | P.36 (A305) |
| 1602 | 201602 | 26115043126149 | MAI XUÂN NHẬT       | TRƯỜNG | 13/09/2008 | 26N1     | P.36 (A305) |
| 1603 | 201603 | 26115044126263 | NGÔ NHẬT            | TRƯỜNG | 23/05/2008 | 26CDT2   | P.36 (A305) |
| 1604 | 201604 | 26115044126363 | NGÔ TẤN MINH        | TRƯỜNG | 02/08/2008 | 26CDT3   | P.36 (A305) |
| 1605 | 201605 | 26115041126246 | NGÔ VÕ QUANG        | TRƯỜNG | 25/10/2008 | 26C2     | P.36 (A305) |
| 1606 | 201606 | 26115044126164 | NGUYỄN ANH          | TRƯỜNG | 24/05/2008 | 26CDT1   | P.36 (A305) |
| 1607 | 201607 | 26115052226248 | NGUYỄN CÔNG         | TRƯỜNG | 20/09/2008 | 26KTD2   | P.36 (A305) |
| 1608 | 201608 | 26115041126346 | NGUYỄN HỮU          | TRƯỜNG | 16/01/2008 | 26C3     | P.36 (A305) |
| 1609 | 201609 | 26115051226153 | NGUYỄN VĂN          | TRƯỜNG | 06/11/2008 | 26KTD1   | P.36 (A305) |
| 1610 | 201610 | 26115061126152 | NGUYỄN XUÂN         | TRƯỜNG | 09/10/2008 | 26XD1    | P.36 (A305) |
| 1611 | 201611 | 26115053126252 | TRẦN NGỌC           | TRƯỜNG | 30/08/2008 | 26T2     | P.36 (A305) |
| 1612 | 201612 | 26115042126345 | TRẦN VIỆT           | TRƯỜNG | 12/06/2008 | 26DL3    | P.36 (A305) |
| 1613 | 201613 | 26115051226253 | TRƯƠNG CÔNG         | TRƯỜNG | 12/01/2008 | 26KTD2   | P.36 (A305) |
| 1614 | 201614 | 26115055126356 | VÕ XUÂN             | TRƯỜNG | 01/11/2008 | 26TDH3   | P.36 (A305) |
| 1615 | 201615 | 26115064126138 | NGUYỄN              | TRUYỀN | 15/05/2008 | 26XH1    | P.36 (A305) |
| 1616 | 201616 | 26115051226154 | CAO ĐỨC             | TÚ     | 19/02/2008 | 26KTD1   | P.36 (A305) |
| 1617 | 201617 | 26115073126227 | ĐẶNG NGUYỄN ĐOAN    | TÚ     | 18/10/2008 | 26TPSH1  | P.36 (A305) |
| 1618 | 201618 | 26115042126448 | ĐỖ NHẬT             | TÚ     | 26/01/2008 | 26DLD1   | P.36 (A305) |
| 1619 | 201619 | 26115055126157 | ĐOÀN ANH            | TÚ     | 02/10/2008 | 26TDH1   | P.36 (A305) |
| 1620 | 201620 | 26115052226249 | ĐOÀN VĂN            | TÚ     | 23/08/2008 | 26KTD2   | P.36 (A305) |
| 1621 | 201621 | 26115042126146 | HÀN VĂN THÁI        | TÚ     | 02/09/2008 | 26DL1    | P.37 (A306) |
| 1622 | 201622 | 26115061126252 | HỒ TUẤN             | TÚ     | 19/05/2008 | 26XD2    | P.37 (A306) |
| 1623 | 201623 | 26115043126249 | LÊ CAO              | TÚ     | 17/08/2008 | 26N2     | P.37 (A306) |
| 1624 | 201624 | 26115063126143 | LÊ HOÀNG THIÊN      | TÚ     | 26/10/2008 | 26XC1    | P.37 (A306) |
| 1625 | 201625 | 26115053126352 | NGUYỄN ANH          | TÚ     | 11/08/2008 | 26T3     | P.37 (A306) |
| 1626 | 201626 | 26115055126257 | NGUYỄN CÔNG ANH     | TÚ     | 22/05/2008 | 26TDH2   | P.37 (A306) |
| 1627 | 201627 | 26115055126357 | NGUYỄN ĐỨC          | TÚ     | 27/03/2008 | 26TDH3   | P.37 (A306) |
| 1628 | 201628 | 26115055126158 | NGUYỄN PHẠM THANH   | TÚ     | 27/05/2008 | 26TDH1   | P.37 (A306) |
| 1629 | 201629 | 26115041126451 | NGUYỄN QUỐC         | TÚ     | 12/08/2008 | 26CMPS1  | P.37 (A306) |
| 1630 | 201630 | 26115051226254 | PHAN HOÀNG THANH    | TÚ     | 26/04/2008 | 26KTD2   | P.37 (A306) |
| 1631 | 201631 | 26115061126352 | TRỊNH THIÊN         | TÚ     | 14/08/2008 | 26XD3    | P.37 (A306) |
| 1632 | 201632 | 26115051226155 | VÕ ĐOÀN MINH        | TÚ     | 11/06/2008 | 26KTD1   | P.37 (A306) |
| 1633 | 201633 | 26115053126253 | NGUYỄN SỸ           | TUÂN   | 01/03/2008 | 26T2     | P.37 (A306) |
| 1634 | 201634 | 26115044126364 | NGUYỄN VIỆT         | TUÂN   | 12/02/2008 | 26CDT3   | P.37 (A306) |
| 1635 | 201635 | 26115055126421 | PHẠM LÊ             | TUÂN   | 02/01/2008 | 26TDHKT1 | P.37 (A306) |
| 1636 | 201636 | 26115041126452 | VÕ CÔNG             | TUÂN   | 07/04/2008 | 26CMPS1  | P.37 (A306) |
| 1637 | 201637 | 26115052226150 | ĐẶNG ĐÌNH ANH       | TUẤN   | 08/01/2008 | 26KTD1   | P.37 (A306) |
| 1638 | 201638 | 26115044126165 | ĐẶNG HOÀNG ANH      | TUẤN   | 06/04/2008 | 26CDT1   | P.37 (A306) |
| 1639 | 201639 | 26115063126144 | ĐẶNG THANH          | TUẤN   | 12/09/2008 | 26XC1    | P.37 (A306) |
| 1640 | 201640 | 26115042126246 | ĐÌNH NGUYỄN ĐẶNG    | TUẤN   | 27/06/2008 | 26DL2    | P.37 (A306) |
| 1641 | 201641 | 26115061126153 | ĐOÀN ANH            | TUẤN   | 12/04/2008 | 26XD1    | P.37 (A306) |
| 1642 | 201642 | 26115055126258 | HÀ ANH              | TUẤN   | 24/11/2008 | 26TDH2   | P.37 (A306) |
| 1643 | 201643 | 26115061126253 | HOÀNG CÔNG THÁI     | TUẤN   | 02/05/2008 | 26XD2    | P.37 (A306) |
| 1644 | 201644 | 26115053126353 | HOÀNG NGỌC HUY      | TUẤN   | 23/07/2008 | 26T3     | P.37 (A306) |
| 1645 | 201645 | 26115067126240 | HUỖNH QUỐC          | TUẤN   | 24/05/2008 | 26KT2    | P.37 (A306) |
| 1646 | 201646 | 26115061126353 | HUỖNH VĂN           | TUẤN   | 20/01/2008 | 26XD3    | P.37 (A306) |
| 1647 | 201647 | 26115041126347 | LÊ ANH              | TUẤN   | 13/03/2008 | 26C3     | P.37 (A306) |



| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên    | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|------|--------|----------------|------------------------|------------|-----------|-------------|
| 1648 | 201648 | 26115054126245 | LÊ ANH TUẤN            | 28/11/2006 | 26DT2     | P.37 (A306) |
| 1649 | 201649 | 26115072126142 | LÊ ANH TUẤN            | 25/08/2008 | 26MT1     | P.37 (A306) |
| 1650 | 201650 | 26115055126358 | LÊ BÙI THIÊN TUẤN      | 01/02/2008 | 26TDH3    | P.37 (A306) |
| 1651 | 201651 | 26115043126150 | LÊ HỒ ANH TUẤN         | 24/02/2008 | 26N1      | P.37 (A306) |
| 1652 | 201652 | 26115071126232 | LÊ TRẦN ANH TUẤN       | 10/02/2008 | 26VLBD1   | P.37 (A306) |
| 1653 | 201653 | 26115061126154 | LÊ VĂN ANH TUẤN        | 02/07/2008 | 26XD1     | P.37 (A306) |
| 1654 | 201654 | 26115053126154 | NGUYỄN ANH TUẤN        | 07/05/2008 | 26T1      | P.37 (A306) |
| 1655 | 201655 | 26115053126254 | NGUYỄN ANH TUẤN        | 03/05/2007 | 26T2      | P.37 (A306) |
| 1656 | 201656 | 26115075126145 | NGUYỄN CHÍ THIÊN TUẤN  | 23/10/2008 | 26CNKTHH1 | P.37 (A306) |
| 1657 | 201657 | 26115052226250 | NGUYỄN ĐỨC TUẤN        | 07/09/2008 | 26KTD2    | P.37 (A306) |
| 1658 | 201658 | 26115041126148 | NGUYỄN HỮU THANH TUẤN  | 08/10/2008 | 26C1      | P.37 (A306) |
| 1659 | 201659 | 26115061126254 | NGUYỄN HUY TUẤN        | 26/02/2008 | 26XD2     | P.37 (A306) |
| 1660 | 201660 | 26115055126422 | NGUYỄN LÂM TUẤN        | 18/07/2008 | 26TDHKT1  | P.37 (A306) |
| 1661 | 201661 | 26115042126346 | NGUYỄN MINH TUẤN       | 13/09/2008 | 26DL3     | P.37 (A306) |
| 1662 | 201662 | 26115055126159 | NGUYỄN QUANG TUẤN      | 22/10/2008 | 26TDH1    | P.37 (A306) |
| 1663 | 201663 | 26115043126250 | NGUYỄN QUỐC TUẤN       | 30/10/2008 | 26N2      | P.37 (A306) |
| 1664 | 201664 | 26115041126248 | NGUYỄN THANH TUẤN      | 24/08/2008 | 26C2      | P.37 (A306) |
| 1665 | 201665 | 26115055126259 | PHẠM ANH TUẤN          | 03/11/2008 | 26TDH2    | P.37 (A306) |
| 1666 | 201666 | 26115041126453 | PHẠM LÊ ANH TUẤN       | 29/09/2008 | 26CMPS1   | P.38 (A307) |
| 1667 | 201667 | 26115044126265 | PHẠM MINH TUẤN         | 27/01/2008 | 26CDT2    | P.38 (A307) |
| 1668 | 201668 | 26115051226255 | PHẠM THANH TUẤN        | 07/06/2008 | 26KTD2    | P.38 (A307) |
| 1669 | 201669 | 26115041126348 | PHAN ANH TUẤN          | 22/05/2008 | 26C3      | P.38 (A307) |
| 1670 | 201670 | 26115053126354 | THÂN VĂN TUẤN          | 25/03/2008 | 26T3      | P.38 (A307) |
| 1671 | 201671 | 26115052226151 | TRẦN ANH TUẤN          | 05/06/2008 | 26KTD1    | P.38 (A307) |
| 1672 | 201672 | 26115053126155 | TRẦN CÔNG ANH TUẤN     | 05/10/2008 | 26T1      | P.38 (A307) |
| 1673 | 201673 | 26115061126354 | TRẦN HẬU TUẤN          | 18/01/2008 | 26XD3     | P.38 (A307) |
| 1674 | 201674 | 26115051226156 | TRẦN KHƯƠNG ANH TUẤN   | 27/09/2008 | 26KTD1    | P.38 (A307) |
| 1675 | 201675 | 26115054126330 | TRẦN MẠNH TUẤN         | 28/08/2008 | 26DTVM1   | P.38 (A307) |
| 1676 | 201676 | 26115075126146 | TRẦN NGỌC TUẤN         | 05/09/2008 | 26CNKTHH1 | P.38 (A307) |
| 1677 | 201677 | 26115061126155 | TRẦN QUỐC TUẤN         | 04/09/2008 | 26XD1     | P.38 (A307) |
| 1678 | 201678 | 26115055126359 | TRẦN VĂN QUỐC TUẤN     | 12/07/2008 | 26TDH3    | P.38 (A307) |
| 1679 | 201679 | 26115053126255 | TRẦN VIỆT QUỐC TUẤN    | 18/10/2008 | 26T2      | P.38 (A307) |
| 1680 | 201680 | 26115141126119 | U MINH TUẤN            | 30/08/2008 | 26SP1     | P.38 (A307) |
| 1681 | 201681 | 26115044126365 | VÕ TRẦN ANH TUẤN       | 12/11/2008 | 26CDT3    | P.38 (A307) |
| 1682 | 201682 | 26115053126355 | TRẦN ĐỨC TUỆ           | 19/02/2008 | 26T3      | P.38 (A307) |
| 1683 | 201683 | 26115042126147 | TRẦN PHƯỚC TUỆ         | 10/04/2008 | 26DL1     | P.38 (A307) |
| 1684 | 201684 | 26115073126228 | ĐINH QUANG TÙNG        | 20/01/2008 | 26TPSH1   | P.38 (A307) |
| 1685 | 201685 | 26115044126166 | HỒ PHI TÙNG            | 23/08/2007 | 26CDT1    | P.38 (A307) |
| 1686 | 201686 | 26115041126149 | NGUYỄN VĂN TÙNG        | 02/04/2008 | 26C1      | P.38 (A307) |
| 1687 | 201687 | 26115041126249 | NGUYỄN VIỆT TÙNG       | 24/01/2008 | 26C2      | P.38 (A307) |
| 1688 | 201688 | 26115043126151 | PHAN PHƯỚC TÙNG        | 13/01/2008 | 26N1      | P.38 (A307) |
| 1689 | 201689 | 26115063126146 | TRẦN THANH TÙNG        | 15/04/2008 | 26XC1     | P.38 (A307) |
| 1690 | 201690 | 26115042126527 | HUỲNH VĂN TƯỜNG        | 05/09/2008 | 26DLKT1   | P.38 (A307) |
| 1691 | 201691 | 26115072126143 | NGUYỄN MẠNH TƯỜNG      | 28/11/2008 | 26MT1     | P.38 (A307) |
| 1692 | 201692 | 26115073126153 | NGUYỄN NGÔ THANH TƯỜNG | 29/04/2008 | 26HTP1    | P.38 (A307) |
| 1693 | 201693 | 26115061126255 | NGUYỄN QUANG TƯỜNG     | 21/10/2007 | 26XD2     | P.38 (A307) |
| 1694 | 201694 | 26115071126138 | NGUYỄN VĂN TUYỀN       | 31/01/2008 | 26VL1     | P.38 (A307) |
| 1695 | 201695 | 26115043126251 | TRẦN NGỌC TUYỀN        | 12/04/2008 | 26N2      | P.38 (A307) |
| 1696 | 201696 | 26115075126147 | NGUYỄN NHƯ TUYẾT       | 07/09/2008 | 26CNKTHH1 | P.38 (A307) |
| 1697 | 201697 | 26115042126247 | ĐÀO XUÂN TỶ            | 17/10/2008 | 26DL2     | P.38 (A307) |
| 1698 | 201698 | 26115073126154 | NGUYỄN VĂN QUANG TỶ    | 05/05/2008 | 26HTP1    | P.38 (A307) |
| 1699 | 201699 | 26115073126155 | VÕ THIÊN MỸ UYÊN       | 25/10/2008 | 26HTP1    | P.38 (A307) |

| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên  | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|------|--------|----------------|----------------------|------------|-----------|-------------|
| 1700 | 201700 | 26115051226256 | NGUYỄN NGỌC VĂN      | 20/09/2008 | 26KTD2    | P.38 (A307) |
| 1701 | 201701 | 26115042126347 | VÕ VĂN               | 20/12/2008 | 26DL3     | P.38 (A307) |
| 1702 | 201702 | 26115067126241 | TRƯƠNG VĂN VANG      | 19/04/2008 | 26KT2     | P.38 (A307) |
| 1703 | 201703 | 26115061126355 | NGUYỄN THỊ ÁNH VI    | 16/01/2008 | 26XD3     | P.38 (A307) |
| 1704 | 201704 | 26115067126142 | NGUYỄN TƯỜNG VI      | 09/01/2008 | 26KT1     | P.38 (A307) |
| 1705 | 201705 | 26115073126156 | PHẠM ĐOÀN HÀ VI      | 20/09/2008 | 26HTP1    | P.38 (A307) |
| 1706 | 201706 | 26115141126120 | NGUYỄN NGỌC VĨ       | 01/01/2008 | 26SP1     | P.38 (A307) |
| 1707 | 201707 | 26115055126423 | BÙI THANH VIÊN       | 17/08/2008 | 26TDHKT1  | P.38 (A307) |
| 1708 | 201708 | 26115075126148 | NGÔ CẨM VIÊN         | 19/03/2008 | 26CNKTHH1 | P.38 (A307) |
| 1709 | 201709 | 26115041126349 | NGUYỄN TẤN VIÊN      | 25/04/2008 | 26C3      | P.38 (A307) |
| 1710 | 201710 | 26115043126152 | TRẦN DUY VIỆN        | 13/02/2008 | 26N1      | P.38 (A307) |
| 1711 | 201711 | 26115042126248 | ĐINH TIẾN VIỆT       | 15/11/2008 | 26DL2     | P.39 (A308) |
| 1712 | 201712 | 26115055126160 | HỒ QUỐC VIỆT         | 20/07/2008 | 26TDH1    | P.39 (A308) |
| 1713 | 201713 | 26115061126256 | LÊ QUỐC VIỆT         | 12/11/2008 | 26XD2     | P.39 (A308) |
| 1714 | 201714 | 26115055126260 | NGUYỄN HOÀNG VIỆT    | 06/11/2008 | 26TDH2    | P.39 (A308) |
| 1715 | 201715 | 26115073126157 | NGUYỄN NGÔ QUỐC VIỆT | 19/06/2008 | 26HTP1    | P.39 (A308) |
| 1716 | 201716 | 26115055126360 | NGUYỄN QUANG VIỆT    | 01/03/2008 | 26TDH3    | P.39 (A308) |
| 1717 | 201717 | 26115055126161 | TRẦN HỮU VIỆT        | 28/07/2008 | 26TDH1    | P.39 (A308) |
| 1718 | 201718 | 26115055126261 | TRẦN QUỐC VIỆT       | 08/07/2008 | 26TDH2    | P.39 (A308) |
| 1719 | 201719 | 26115054126246 | VÕ LÊ QUỐC VIỆT      | 28/11/2008 | 26DT2     | P.39 (A308) |
| 1720 | 201720 | 26115067126242 | BÙI KHÁNH VINH       | 01/02/2008 | 26KT2     | P.39 (A308) |
| 1721 | 201721 | 26115041126150 | HUYỀN PHÚC VINH      | 26/08/2008 | 26C1      | P.39 (A308) |
| 1722 | 201722 | 26115063126147 | LÊ BÁ VINH           | 03/12/2006 | 26XC1     | P.39 (A308) |
| 1723 | 201723 | 26115052226152 | LÊ ĐỨC QUỐC VINH     | 07/05/2008 | 26KTD1    | P.39 (A308) |
| 1724 | 201724 | 26115061126157 | NGÔ HỮU CHÍ VINH     | 18/07/2008 | 26XD1     | P.39 (A308) |
| 1725 | 201725 | 26115064126139 | NGUYỄN LÊ QUANG VINH | 24/12/2007 | 26XH1     | P.39 (A308) |
| 1726 | 201726 | 26115044126266 | NGUYỄN THÀNH VINH    | 15/04/2008 | 26CDT2    | P.39 (A308) |
| 1727 | 201727 | 26115051226157 | NGUYỄN THÀNH VINH    | 07/07/2008 | 26KTD1    | P.39 (A308) |
| 1728 | 201728 | 26115067126143 | TRẦN VĂN VINH        | 19/04/2007 | 26KT1     | P.39 (A308) |
| 1729 | 201729 | 26115051226257 | DƯƠNG VĂN VỘI        | 26/02/2008 | 26KTD2    | P.39 (A308) |
| 1730 | 201730 | 26115053126156 | A Lăng Long Vũ       | 29/11/2007 | 26T1      | P.39 (A308) |
| 1731 | 201731 | 26115071126139 | ĐẶNG ANH VŨ          | 07/03/2008 | 26VL1     | P.39 (A308) |
| 1732 | 201732 | 26115067126243 | ĐẶNG NHẬT VŨ         | 23/07/2008 | 26KT2     | P.39 (A308) |
| 1733 | 201733 | 26115041126455 | HÀ NGUYỄN PHƯƠNG VŨ  | 20/02/2007 | 26CMPS1   | P.39 (A308) |
| 1734 | 201734 | 26115042126451 | HOÀNG QUANG VŨ       | 25/07/2008 | 26DLD1    | P.39 (A308) |
| 1735 | 201735 | 26115044126366 | HOÀNG TRƯƠNG ANH VŨ  | 17/03/2008 | 26CDT3    | P.39 (A308) |
| 1736 | 201736 | 26115061126257 | LA VĂN ANH VŨ        | 29/04/2008 | 26XD2     | P.39 (A308) |
| 1737 | 201737 | 26115051226158 | LÊ ANH VŨ            | 27/11/2008 | 26KTD1    | P.39 (A308) |
| 1738 | 201738 | 26115055126424 | LÊ ĐÌNH VŨ           | 07/06/2008 | 26TDHKT1  | P.39 (A308) |
| 1739 | 201739 | 26115055126361 | MAI HOÀNG VŨ         | 01/06/2008 | 26TDH3    | P.39 (A308) |
| 1740 | 201740 | 26115063126148 | NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG VŨ | 16/03/2008 | 26XC1     | P.39 (A308) |
| 1741 | 201741 | 26115041126250 | NGUYỄN ĐÌNH TẤN VŨ   | 22/04/2007 | 26C2      | P.39 (A308) |
| 1742 | 201742 | 26115073126229 | NGUYỄN LONG VŨ       | 20/12/2006 | 26TPSH1   | P.39 (A308) |
| 1743 | 201743 | 26115041126350 | NGUYỄN TUẤN VŨ       | 06/12/2008 | 26C3      | P.39 (A308) |
| 1744 | 201744 | 26115075126150 | NGUYỄN TUẤN VŨ       | 17/11/2008 | 26CNKTHH1 | P.39 (A308) |
| 1745 | 201745 | 26115042126348 | NGUYỄN TUẤN VŨ       | 01/04/2008 | 26DL3     | P.39 (A308) |
| 1746 | 201746 | 26115041126151 | NGUYỄN VĂN VŨ        | 17/01/2008 | 26C1      | P.39 (A308) |
| 1747 | 201747 | 26115044126167 | NGUYỄN VĂN ANH VŨ    | 02/11/2008 | 26CDT1    | P.39 (A308) |
| 1748 | 201748 | 26115041126456 | PHẠM DUY VŨ          | 18/01/2008 | 26CMPS1   | P.39 (A308) |
| 1749 | 201749 | 26115053126256 | PHẠM NGUYỄN VŨ       | 17/02/2008 | 26T2      | P.39 (A308) |
| 1750 | 201750 | 26115061126357 | PHAN THANH VŨ        | 06/07/2008 | 26XD3     | P.39 (A308) |
| 1751 | 201751 | 26115041126457 | PHAN TUẤN VŨ         | 15/07/2008 | 26CMPS1   | P.40 (A309) |

| STT  | Số BD  | Mã SV          | Họ và tên sinh viên | Ngày sinh  | Lớp SH    | Phòng       |
|------|--------|----------------|---------------------|------------|-----------|-------------|
| 1752 | 201752 | 26115055126262 | TÔ TUẤN VŨ          | 22/02/2008 | 26TDH2    | P.40 (A309) |
| 1753 | 201753 | 26115052226252 | TRẦN MINH VŨ        | 19/05/2008 | 26KTD2    | P.40 (A309) |
| 1754 | 201754 | 26115071126140 | TRẦN NGUYỄN VŨ      | 27/10/2008 | 26VL1     | P.40 (A309) |
| 1755 | 201755 | 26115055126362 | TRẦN QUANG VŨ       | 10/08/2008 | 26TDH3    | P.40 (A309) |
| 1756 | 201756 | 26115055126163 | VÕ ĐẠI HOÀNG VŨ     | 26/02/2008 | 26TDH1    | P.40 (A309) |
| 1757 | 201757 | 26115061126158 | VÕ NHẬT VŨ          | 19/05/2008 | 26XD1     | P.40 (A309) |
| 1758 | 201758 | 26115043126252 | NGUYỄN HỮU VUÔNG    | 10/09/2008 | 26N2      | P.40 (A309) |
| 1759 | 201759 | 26115064126141 | PHAN THÀNH VƯƠNG    | 14/02/2008 | 26XH1     | P.40 (A309) |
| 1760 | 201760 | 26115051226258 | PHAN VÕ THANH VƯƠNG | 12/02/2008 | 26KTD2    | P.40 (A309) |
| 1761 | 201761 | 26115042126452 | NGUYỄN TIẾN VƯƠNG   | 20/02/2008 | 26DLD1    | P.40 (A309) |
| 1762 | 201762 | 26115075126151 | ĐỖ LÊ NHÃ VY        | 05/02/2008 | 26CNKTHH1 | P.40 (A309) |
| 1763 | 201763 | 26115073126158 | LÊ THỊ THẢO VY      | 01/01/2008 | 26HTP1    | P.40 (A309) |
| 1764 | 201764 | 26115072126145 | TRỊNH THỊ TƯỜNG VY  | 07/08/2008 | 26MT1     | P.40 (A309) |
| 1765 | 201765 | 26115072126146 | VÕ THỊ YẾN VY       | 22/10/2008 | 26MT1     | P.40 (A309) |
| 1766 | 201766 | 26115052226153 | NGUYỄN VỸ           | 23/11/2008 | 26KTD2    | P.40 (A309) |
| 1767 | 201767 | 26115061126358 | VÕ PHÚ VỸ           | 02/10/2008 | 26XD3     | P.40 (A309) |
| 1768 | 201768 | 26115075126152 | NGUYỄN ÁNH XUÂN     | 12/01/2008 | 26CNKTHH1 | P.40 (A309) |
| 1769 | 201769 | 26115073126159 | TRẦN LÊ NGỌC XUÂN   | 27/01/2008 | 26HTP1    | P.40 (A309) |
| 1770 | 201770 | 26115053126356 | NGUYỄN THỊ NHƯ Ý    | 19/05/2008 | 26T3      | P.40 (A309) |
| 1771 | 201771 | 26115052226253 | PHAN VĂN Ý          | 17/02/2008 | 26KTD2    | P.40 (A309) |
| 1772 | 201772 | 26115075126153 | BÙI HOÀNG YÊN       | 07/04/2008 | 26CNKTHH1 | P.40 (A309) |
| 1773 | 201773 | 26115073126160 | NGUYỄN LÊ NGỌC YẾN  | 23/11/2008 | 26HTP1    | P.40 (A309) |
| 1774 | 201774 | 26115075126154 | TRẦN LÊ KIM YẾN     | 30/01/2008 | 26CNKTHH1 | P.40 (A309) |
| 1775 | 201775 | 26115054126231 | NGUYỄN LÊ NA        | 01/08/2008 | 26DT2     | P.40 (A309) |
| 1776 | 201776 | 26115041126247 | NGUYỄN ANH TÚ       | 20/11/2008 | 26C2      | P.40 (A309) |
| 1777 |        |                |                     |            |           | P.40 (A309) |
| 1778 |        |                |                     |            |           | P.40 (A309) |
| 1779 |        |                |                     |            |           | P.40 (A309) |
| 1780 |        |                |                     |            |           | P.40 (A309) |
| 1781 |        |                |                     |            |           | P.40 (A309) |
| 1782 |        |                |                     |            |           | P.40 (A309) |
| 1783 |        |                |                     |            |           | P.40 (A309) |
| 1784 |        |                |                     |            |           | P.40 (A309) |
| 1785 |        |                |                     |            |           | P.40 (A309) |
| 1786 |        |                |                     |            |           | P.40 (A309) |
| 1787 |        |                |                     |            |           | P.40 (A309) |
| 1788 |        |                |                     |            |           | P.40 (A309) |
| 1789 |        |                |                     |            |           | P.40 (A309) |
| 1790 |        |                |                     |            |           | P.40 (A309) |

Danh sách có 1776 sinh viên. Số dự thi\_\_\_\_\_, vắng thi\_\_\_\_\_

CBCT 1

CBCT2

ng kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào, kh

Ngày 05/9/2026